

Phụ lục IC. DANH MỤC THUỐC THÚ Y THỦY SẢN ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 6 năm 2016
của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn)

A. THUỐC THÚ Y SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

HÀ NỘI

1. CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
1.	Florfenicol 20%	Florfenicol	Gói	50, 100, 250, 500g; 1, 2, 5kg	Điều trị bệnh xuất huyết đường ruột ở cá da trơn do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây ra. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	HN.TS2-1
2.	Florfenicol 5%	Florfenicol	Lọ	100, 250, 500ml; 1, 2 lít	Điều trị bệnh xuất huyết đường ruột ở cá da trơn do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây ra. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	HN.TS2-2
3.	CATOM	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Gói	50, 100, 250, 500g; 1, 2, 5kg	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HN.TS2-3
4.	Vitamin C	Vitamin C	Gói	50, 100, 250, 500g; 1, 2, 5kg	Chống stress khi nhiệt độ, độ mặn, pH ao nuôi thay đổi, tăng sức kháng bệnh. Giúp tôm mau hồi phục sau khi mắc bệnh.	HN.TS2-4
5.	Sulfatrim	Sulfadiazine, Trimethoprim	Gói	50, 100, 250, 500g; 1, 2, 5kg	Trị các bệnh phát sáng do vi khuẩn <i>Vibrio</i> trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HN.TS2-5
6.	Enzybiosub	<i>Bacillus subtilis</i> , Protease, Amylase, Beta Glucanase	Gói	50, 100, 250, 500g; 1, 2, 5kg	Bổ sung vi sinh vật đường ruột, nâng cao khả năng hấp thụ thức ăn	HN.TS2-6
7.	VINADIN 600	PVP Iodine	Chai, can	100, 250, 500ml; 1, 2, 5l	Sát trùng nguồn nước nuôi trồng thủy sản.	HN.TS2-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
8.	VINA PARASITE	Praziquantel	Gói	100, 250, 500g; 1, 2, 5kg	Trị sán lá đơn chủ trên cá	HN.TS2-8
9.	VINA ROMET	Romet 30 (Ormetoprim, Sulfadimethoxine), Vitamin C, Vitamin E, Organic selenium	Gói	100, 250, 500g; 1, 2, 5kg	Trị nhiễm khuẩn Pseudomonas sp., Aeromonas. Sp. Trên cá. Ngừng sử dụng 4 tuần trước khi thu hoạch.	HN.TS2-9
10.	VINA AQUA	Alkylbenzyl dimethyl-amonium chloride	Chai, can	100; 250; 500g; 1; 2; 5lít	Sát trùng nguồn nước nuôi trồng thủy sản.	HN.TS2-10
11.	VINA OXY	Oxytetracyclin HCl	Chai, can	20,50,100,200, 250, 500ml; 1, 2, 3, 5 lít	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas, Edwardsiella trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HN.TS2-11
12.	VINAPREMIX CÁ	Phospho, Canxi, Vitamin A, D3, E, C, K3, PP, B1, B2, B6, FeSO4, CuSO4, ZnSO4, MnSO4, Methionin, Lysin, Cholin	Gói	100, 250, 500g; 1, 2, 5kg	Tăng sức đề kháng, chống stress. Kích thích cá ăn nhiều.	HN.TS2-12
13.	VINAPREMIX TÔM	Phospho, Canxi, Vitamin A, D3, E, C, K3, PP, B1, B2, B6, FeSO4, CuSO4, ZnSO4, MnSO4, Methionin, Lysin, Cholin	Gói	100, 250, 500g; 1, 2, 5kg	Tăng sức đề kháng, phòng các bệnh tôm lột dính vỏ, chậm lớn, hạn chế bệnh vỏ mềm, làm vỏ tôm bóng đẹp.	HN.TS2-13
14.	VINAGAN	Vitamin B1, B6, B12, C, A, D3, E, K3, Sorbitol, Inositol, Methionin, Biotin, acid Folic, Pantothenic acid	Gói	100, 200, 500g, 1, 2, 5, 10kg	Bổ sung đầy đủ acid amin cần thiết giúp tăng sức kháng bệnh, chống stress do môi trường thay đổi; kích thích tiêu hoá giúp tôm ăn nhiều; tăng hiệu quả tiêu hoá và hấp thu thức ăn	HN.TS2-14
15.	VINA - β- Glucan 1.3-1.6	β - Glucan 1.3-1.6	Gói	100, 200, 500g, 1, 2, 5, 10kg	Tăng sức đề kháng của tôm cá, đạt tỷ lệ sống cao trong quá trình nuôi	HN.TS2-15
16.	VINADOXYL-TS	Doxycyclin	Gói	5, 10, 20, 50,	Trị bệnh đỏ thân trên tôm do vi khuẩn	HN.TS2-17

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
				100, 200, 500g, 1kg	vibrio. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	

2. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ VẬT TƯ THỦ Y HANVET

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
17.	HAN-MIXTÔM	Vitamin A, D3, E, K3, PP, B1, B2, B5, B6, B12, C Biotin, Folic acid	Gói, hộp	500g; 1, 5kg	Cung cấp vitamin, acid amin thiết yếu, hỗ trợ khả năng chuyển hoá thức ăn.	HN.TS4-1
18.	HAN-TETRA	Oxytetracyclin	Gói, hộp	100, 500g; 1, 2kg	Hiệu quả cao trong việc điều trị bệnh xuất huyết do vi khuẩn <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> gây ra trên cá da trơn (cá Tra, cá Basa) với các dấu hiệu như đốm đỏ, sưng đỏ hậu môn, xuất huyết. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HN.TS4-2
19.	HAN-CIVIT C60	Vitamin C, Citric acid	Gói, hộp	100, 500g; 1, 5, 10kg	Nâng cao sức đề kháng cho tôm, cá. Giảm căng thẳng stress do nắng nóng, thay đổi môi trường.	HN.TS4-3
20.	HAN-FLO	Florfenicol	Chai, lọ	100, 500ml; 1, 2, 5 lít	Trị bệnh nhiễm trùng huyết đường ruột do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> trên cá tra, ba sa. Ngừng sử dụng 14 ngày trước thu hoạch.	HN.TS4-4
21.	HAN-PARASITE	Praziquantel, Đạm thô (bột đậu tương)	Gói, hộp	100, 200, 500g; 1, 2, 5kg	Điều trị hiệu quả các bệnh ký sinh trùng trên cá như ngoại ký sinh trùng (sán đơn chủ, rận cá) nội ký sinh trùng (sán lá gan, sán dây).	HN.TS4-5
22.	HANVIT 20%	Vitamin C, Axit Citric	Túi, hộp	100, 500g; 1kg	Chống sốc do thay đổi môi trường, thời tiết, thức ăn	HN.TS4-6
23.	AD₃EC-SHRIMP	Vitamin A, C, E, D3, Sorbitol	Túi, hộp	100, 200, 500g; 1, 5, 10kg	Cung cấp các Vitamin hoạt lực cao cho nuôi trồng thủy sản	HN.TS4-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
24.	Han-Floro	Florfenicol	Gói, hộp	100, 500g; 1kg	Đặc trị nhiễm trùng đường ruột trên cá da trơn (cá tra, cá basa) do vi khuẩn <i>Edwardsiella</i> gây ra với các dấu hiệu như gan, thận lách có mũ đốm đỏ, thối mang, chướng bụng, mắt lồi- Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	HN.TS4-8
25.	HAN – AZATIN	Hoạt chất chiết xuất từ cây xoan (<i>Azadirachtin</i>)	Chai, Can	100; 200; 500ml; 1; 2; 5; 10lít	Phòng trị bệnh trùng bánh xe, trùng mỏ neo, trùng quả dưa, rận cá, sán lá đơn chủ trên cá tra, basa	HN.TS4-9
26.	HAN – DOXY	Doxycyclin	Gói, hộp	100; 500g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh đỏ thân trên tôm Hùm gây ra bởi vi khuẩn <i>Vibrio alginolyticus</i> . Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HN.TS4-10
27.	HAN – SULPHA	Sulphadiazine, Trimethoprim	Gói, hộp	100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn <i>Vibrio</i> trên tôm; Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> , (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HN.TS4-11

3. CÔNG TY CỔ PHẦN THÚ Y XANH VIỆT NAM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
28.	C-MAX GREEN	Vitamin C	Gói, xô	1, 5kg	Bổ sung vitamin C, giảm stress, tăng cường sức đề kháng cho tôm, cá	HN.TS7-1
29.	FLOR 50 FOWDER	Florfenicol	Gói, hộp	500g; 1, 3kg	Có hiệu quả trong việc điều trị các bệnh về vi khuẩn <i>Edwardsiella ictalluri</i> như bệnh xuất huyết ở cá, bệnh nhiễm khuẩn máu. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	HN.TS7-2
30.	BIOLAC GREEN	<i>Lactobacillus acidophilus</i>	Gói, xô	1, 3, 10kg	Bổ sung men vi sinh, <i>tăng hấp thu</i> thức ăn cho tôm cá	HN.TS7-3
31.	DETOX-PLUS	Vitamin C, Acid citric	Gói, xô	1, 5kg	Cung cấp vitamin C giúp tôm, cá nâng cao sức đề kháng khi môi trường nhiệt độ, độ mặn, độ pH thay đổi	HN.TS7-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
32.	C-TẠT 10%	Vitamin C	Hộp	5kg	Cung cấp vitamin C, giảm stress, tăng cường sức đề kháng cho tôm, cá.	HN.TS7-5
33.	FLORFENICOL 20%	Florfenicol (20g/100g)	Gói, hộp	500g; 1, 3kg	Điều trị bệnh nhiễm trùng đường ruột do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây ra ở cá tra, cá basa- Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	HN.TS7-6
34.	AQUA FLORFENICOL	Florfenicol (2g/100ml)	Chai, can	1, 5 lít	Đặc trị các bệnh ở cá như xuất huyết đường ruột, nhiễm khuẩn máu do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictallur</i> - Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	HN.TS7-7
35.	TETRACYCLIN 30-GREEN	Oxytetracyclin	Hộp	1kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn <i>Vibrio</i> gây ra trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> , <i>Edwardsiella</i> (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nước ngọt; Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HN.TS7-8
36.	AQUA SULFAPRIM	Sulfadiazine, Trimethoprim	Gói	500g, 1kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn <i>Vibrio</i> trên tôm; Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt; Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HN.TS7-9

4. CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN HẠ LONG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
37.	Kích dục tố HCG	HCG (Human Chorionic Gonadotropin)	Lọ	10.000 UI	Tác dụng kích thích rụng trứng được sử dụng trong sinh sản nhân tạo một số loài cá nuôi.	HN.TS8-1

5. CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG 5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
38.	FIVE –	Sulfadiazin,	Gói PE,	5, 10, 20, 50,	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn <i>Vibrio</i> trên	HN.TS9-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
	COSTRIMFORT	Trimethoprim	PP	100, 200, 500g; 1kg	tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas gây ra các bệnh như đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết, hoại tử trên cá tra, basa và trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	
39.	FIVE-FLOR.TC	Florfenicol	Túi PE	10, 20, 50, 100, 200, 500g; 1kg	Trị bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hoá gây ra bởi vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> trên cá da trơn (tra, basa, trê). Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	HN.TS9-2
40.	FIVE – KHỬ TRÙNG NƯỚC	Chloramin T	Túi, hộp	50g, 100g	Diệt các loài vi khuẩn, nấm, nguyên sinh động vật trong môi trường nước	HN.TS9-3
41.	Five.Vitamin C.TS	Vitamin C	Gói PE, PP	10, 20, 50, 100, 500g, 1kg	Chống stress khi nhiệt độ, độ mặn, độ pH trong ao nuôi thay đổi, giúp tôm cá hồi phục nhanh sau khi mắc bệnh	HN.TS9-4
42.	Hando-sultry TC	Sulfadiazine, Trimethoprim	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị các bệnh do vi khuẩn mẫn cảm với Sulfadiazine, Trimethoprim ở cá. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HN.TS9-5
43.	Hado-PVP Iodine	PVP Iodine	Lọ, can	10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 2, 5, 10lít	Sát trùng dụng cụ, trang thiết bị, bể ương, trứng tôm cá, tôm con	HN.TS9-6
44.	Five-Virpond	Potassium peroxymonosulfate, Sodium Chloride	Túi	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10kg	Diệt khuẩn nước ao nuôi.	HN.TS9-7
45.	Five-Parastop Aqua	Sulfadimidin, Trimethoprim	Gói, lon, xô	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg; 2kg; 5kg; 10kg	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas Sp, Pseudomonas fluorescen, Edwardsiella tarda (với triệu chứng đốm đỏ trên thân, sưng đỏ hậu môn) gây ra trên cá nước ngọt. Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio gây ra trên tôm.	HN.TS9-8
46.	Five Insotol Aqua	Sorbitol, Betaine,	Túi	5, 10; 20; 50;	Bổ sung vitamin và dưỡng chất, tăng chức	HN.TS9-9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
		Methionine, Inositol, Vit C, Vit E		100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	năng giải độc gan, tăng sức đề kháng trên cá.	

6. CÔNG TY TNHH NĂM THÁI

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
47.	SUROMET	Sulfadimethoxin, Ormetoprim	Túi	10, 20, 50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10kg	Trị nhiễm khuẩn <i>Pseudomonas</i> sp, <i>Aeromonas</i> sp, <i>Edwardsiella ictaluri</i> , trên cá. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HN.TS10-1
48.	Florfenicol 30%	Florfenicol	Túi	10, 20, 50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10kg	Trị bệnh xuất huyết đường ruột do <i>Edwardsiella ictaluri</i> trên cá da trơn. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HN.TS10-2
49.	C.T-Năm Thái	Sulfadiazine, Trimethoprim	Túi	10, 20, 50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10kg	Trị các bệnh phát sáng do vi khuẩn <i>Vibrio</i> trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HN.TS10-3
50.	Cafiso.30	Sulfadimethoxin, Ormetoprim	Gói PE, PP	10g, 20g, 50g, 100, 500g; 1, 2, 5, 10kg	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn <i>Aeromonas</i> , <i>Edwardsiella</i> (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt.	HN.TS10-4

7. CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NÔNG THÔN (RTD)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
51.	SHRIMP C –RT	Vitamin C	Túi, hộp, bao	100, 250, 500g, 1, 2, 5, 10, 20kg	Tăng sức đề kháng, chống stress, nâng cao khả năng chống đỡ với điều kiện thời tiết và môi trường sống bất lợi	HN.TS5-1
52.	C-POWDER	Vitamin C, Acid citric	Túi, hộp, bao	100, 200, 250, 500g, 1, 5, 10, 20kg	Khắc phục tôm bị stress, nổi đầu, kéo đàn.	HN.TS5-2

53.	OXYTETRA-PLUS	Oxytetracyclin, Vitamin C	Túi, hộp, bao	100, 250, 500g, 1, 5, 10, 20kg	Trị các bệnh nhiễm khuẩn với các biểu hiện đốm đỏ trên thân, mắt và hậu môn sưng đỏ, các vảy bị rách, xuất huyết, hoại tử do vi khuẩn <i>Aeromonas sp.</i> , <i>Pseudomonas fluorescens</i> , <i>Edwardsiellatarda</i> gây ra trên cá tra, cá basa. Trị bệnh phát sáng do <i>vibrio</i> gây ra trên ấu trùng tôm- Ngừng sử dụng 4 tuần trước khi thu hoạch	HN.TS5-3
54.	SULFA-PRIM	Sulphadiazine, Trimethoprim	Túi, hộp, bao	100, 200, 500g, 1, 2, 3.5, 5, 10, 20, 25kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn <i>Vibrio</i> trên tôm; Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> , (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt; Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HN.TS5-4
55.	Men tiêu hoá cao cấp USB	<i>Saccharomyces boulardii</i>	Túi, hộp, bao	100, 250, 500g, 1, 5, 10, 20kg	Giúp tiêu hoá tốt thức ăn	HN.TS5-5
56.	Lactovet	<i>Lactobacillus acidophilus</i>	Túi, hộp	100, 250, 500g, 1, 5, 10, 20kg	Bổ sung vi sinh vật có lợi; Giúp tiêu hoá tốt thức ăn	HN.TS5-6
57.	Stresroak-F	Vitamin C, E	Chai, can	100, 200, 500ml, 1, 2, 5, 10, 20 lít	Tăng cường sức đề kháng cho tôm, cá; Giảm stress trong các trường hợp thời tiết thay đổi	HN.TS5-7
58.	Superzym	<i>Saccharomyces cerevisiae</i> , <i>Bacillus subtilis</i> , <i>Lactobacillus acidophilus</i>	Túi, hộp, bao	100, 200, 250, 500g, 1, 5, 10, 20, 25kg	Bổ sung vi sinh vật đường ruột giúp tiêu hoá tốt, ăn nhiều, giảm hệ số chuyển đổi thức ăn	HN.TS5-8
59.	FLOCOL F	Florfenicol	Túi, hộp, bao	100, 200, 500g, 1, 2, 5, 10, 20kg	Trị các bệnh xuất huyết đường ruột do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây ra trên cá da trơn- Ngừng sử dụng 12 ngày trước khi thu hoạch	HN.TS5-9
60.	DOLOMITE – RT	MgCO ₃ , CaCO ₃	Túi, hộp, bao	100, 250, 500g, 1, 5, 10, 20kg	Tăng độ kiềm, ổn định pH trong ao nuôi.	HN.TS5-10
61.	BKC – 80	Benzalkonium chloride	Chai, can	100, 200, 500ml, 1 2, 5, 10, 20 lít	Diệt các loài vi khuẩn, nguyên sinh động vật, nấm trong nước ao nuôi. Sát trùng dụng cụ nuôi, bể ương	HN.TS5-16

62.	Alkaline	Sodium bicarbonat	Túi, hộp, bao	100, 250, 500g, 1, 5, 10, 20kg	Tăng độ kiềm, trong nước; Ổn định pH nước ao nuôi	HN.TS5-17
63.	IODINE – RT	Polyvidone Iodine	Chai, can	100, 200, 500ml, 1 2, 5, 10, 20 lít	Diệt khuẩn, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi. Sát trùng dụng cụ nuôi tôm, cá.	HN.TS5-18
64.	Siêu tiệt trùng TC 01	Glutaraldehyde, Alkyl Benzyl Dimethyl ammonium chloride	Chai, can	100, 200, 500ml, 1 2, 5, 10, 20 lít	Diệt các loại vi khuẩn, nấm, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi. Sát trùng dụng cụ dùng trong nuôi trồng thủy sản	HN.TS5-19

8. CÔNG TY CP THUỐC THỦ Y SVT THÁI DƯƠNG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
65.	TD- Iodine	Povidone iodine	Lọ, chai	5, 10, 20,50, 100, 250,500 ml, 1l,3l,5l	Sát khuẩn làm sạch nước trong ao, hồ nuôi thủy sản, Tẩy uế nhà xường, sát trùng dụng cụ, trang thiết bị trong bể ương	HN.TS11-1
66.	TD- Flocol 200	Florfenicol	Lọ, chai	5, 10, 20,50, 100,250,500 ml, 1l,3l,5l	Dùng để điều trị bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hoá gây ra bởi vi khuẩn Edwardsiella ictaluri trên cá da trơn. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	HN.TS11-3
67.	TD- BKC	Benzalkonium chloride	Lọ, chai	5, 10, 20,50, 100,250,500 ml, 1l,3l,5l	Diệt các vi khuẩn, nấm, nguyên sinh động vật trong ao nuôi, sát trùng dụng cụ trong nuôi trồng thủy sản	HN.TS11-4
68.	TD- Sultrim	Sulfadiazine, Trimethoprim	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg, 3kg, 5kg	Dùng để điều trị bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hoá gây ra bởi vi khuẩn Edwardsiella ictaluri trên cá da trơn. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	HN.TS11-5
69.	TD- Docy 20	Doxycycline hyclate	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg, 3kg, 5kg	Diệt các vi khuẩn, nấm, nguyên sinh động vật trong ao nuôi, sát trùng dụng cụ trong nuôi trồng thủy sản	HN.TS11-6

9. CÔNG TY CP THUỐC THỦ Y ĐỨC HẠNH MARPHAVET

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
70.	OTC 80%	Oxytetracycline 80g	Túi, lon	5,10,20, 50,100, 250, 500, 1kg	Trị các bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước	HN.TS12-1

					ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	
--	--	--	--	--	---	--

HÙNG YÊN

1. CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG NGUYỄN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
71.	KAMOXIN	Amoxicillin trihydrate, Vitamin C	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1Kg	Điều trị xuất huyết do vi khuẩn Aeromonas hydrophila gây trên cá tra	HY.TS1-1
72.	TERCIMET	Oxytetracycline HCL	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1Kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn vibrio trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn Pseudomonas sp., Aeromonas. Sp, Edwardsiella (đốm đỏ, hậu môn sung đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HY.TS1-3
73.	ANTI-RED	Trimethoprim, Sulfadiazin, Natri benzoate, Natri ascorbate, Vitamin E, Astaxanthine	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1Kg	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas Sp, Pseudomonas fluorescen, Edwardsiella tarda (với triệu chứng đốm đỏ trên thân, sung đỏ hậu môn) gây ra trên cá nước ngọt. Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio gây ra trên tôm.	HY.TS1-5
74.	PHEROL-LIVE	Sorbitol, Choline chloride, Betaine, L-lysine, L-Methionin, α -tocopherol, Biotin	Chai, lọ	100, 250, 500ml, 1lit, 5lit	Tăng sức đề kháng, bổ sung vitamin, acid amin hỗ trợ cho hoạt động gan giúp cá mau lớn, hỗ trợ tiêu hóa.	HY.TS1-6
75.	H-DINE 600	P.V.D. Iodine	Chai, lọ	100, 250, 500ml, 1lit, 5lit	Diệt khuẩn, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi. Sát trùng dụng cụ nuôi tôm, cá.	HY.TS1-7
76.	Super-Kato	Vitamin A, E, D3, L-Lysine, L- Methionine, L-Cystine, L-Threonin, L- Leucine, L- Isoleucine, L- Phenylalanine, L- Tyrosine, L-Tryptophan, L-Valine, L-Glycin	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1Kg, 5Kg	Phòng trị các rối loạn do thiếu vitamin, acid amin ở tôm cá	HY.TS1-8

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
77.	Buta Mos	Butaphosphan, Vitamin B12, Glucomannoprotein	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 500g; 1Kg	Giúp tôm tăng sức đề kháng	HY.TS1-9
78.	Cotrimet	Sulfadimidine, sodium, Trimethoprim	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1Kg	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas Sp, Pseudomonas fluorescen, Edwardsiella tarda (với triệu chứng đốm đỏ trên thân, sung đỏ hậu môn) gây ra trên cá nước ngọt. Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio gây ra trên tôm.	HY.TS1-10
79.	NUVIT-ADE	Vitamin A, E, D3, PP, B1, B2, B6, B12, CuS04, ZnS04, MnS04, FeS04	Túi, lon	5, 10, 20, 50, 100, 500g; 1Kg	Phòng trị các bệnh do thiếu vitamin, acid amin, khoáng ở tôm cá	HY.TS1-11
80.	BZK- 80	Benzalkonium, Chloride, Amyl acetate	Chai, lọ	100,500 ml; 1, 2, 5, 20 lít.	Sát trùng, khử trùng nguồn nước nuôi tôm cá. Diệt nấm, nguyên sinh động vật. Sát trùng dụng cụ bề ương.	HY.TS1-12
81.	FLOR-TOKA	Florfenicol	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1Kg	Điều trị bệnh xuất huyết đường ruột ở cá da trơn do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây ra. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	HY.TS1-13
82.	DOXY 10% For Fish	Doxycyclin HCL	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1Kg	Điều trị bệnh đỏ thân trên tôm hùm gây ra bởi vi khuẩn <i>Vibrio alginolyticus</i> . Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HY.TS1-14
83.	Anto-Para Fish	Pyraziquantel	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1Kg	Điều trị nội, ngoại ký sinh trùng trên cá như sán lá đơn chủ, sán lá gan, sán dây.	HY.TS1-15
84.	C- FISH PLUS	Butaphosphan, Vitamin C, Acid citric, L-Lysine, DL- Methionine, Canci gluconate, Fromic, Acid Lactic	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1Kg	Nâng cao sức đề kháng, tăng khả năng chịu đựng Stress, phòng trị bệnh do thiếu vitamin, acid amin trên cá bột, cá giống	HY.TS1-16
85.	VIOMAX	Bacillus subtilis, Saccharomyces boulardii, Lactobacillus acidophilus, A- amylase, Protease	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1Kg	Bổ sung vi khuẩn và enzyme giúp tôm cá tiêu hóa tốt thức ăn	HY.TS1-17

TỈNH BẮC NINH

1. CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ SAKAN VIỆT NAM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
86.	Povidine 200	P.V.P Iodine	Chai	100, 250, 500ml, 1 lít	Diệt khuẩn, nguyên sinh động vật trong ao nuôi. Sát trùng nguồn nước và dụng cụ	BN.TS1-2
87.	Xide	Glutaraldehyde, Alkylbenzyl dimethylammoniumchloride	Chai	100, 250, 500ml, 1 lít	Diệt các loại vi khuẩn, nấm, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi, sát trùng dụng cụ dùng trong nuôi trồng thủy sản.	BN.TS1-4
88.	Sakan-Oxytetracycline 50%	Oxytetracycline	Túi, lon	10g,50g, 100g,500g, 1kg	Trị bệnh đốm đỏ, xuất huyết trên thân, hậu môn sưng đỏ, các vây bị rách trên cá do vi khuẩn Aeromonas, Pesudomonas và Edwardsiella. Trị các bệnh do vi khuẩn Vibrio gây ra trên tôm	BN.TS1-6
89.	Sakan-Amoxicillin 50% for Firsh	Amoxycillin	Túi, lon	10g,50g, 100g,500g, 1kg	Điều trị các bệnh xuất huyết do Aeromonas hydrophilla gây ra trên cá tra.	BN.TS1-7
90.	Sakan-Florfeicol 50% For Fish	Florfenicol	Túi, lon	10g,50g, 100g,500g, 1kg	Điều trị xuất huyết đường ruột ở cá gây ra do vi khuẩn Edwardsiella ictaluri	BN.TS1-8
91.	Sakan-Sultrim 480 For Shrimp	Sulfadiazin, Trimethoprim	Chai	100, 250, 500ml, 1 lít	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm	BN.TS1-9

TP. HỒ CHÍ MINH

1. CÔNG TY CP ANOVA PHARMA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
92.	VITAMIN C Stay 25% for Shrimp	Vitamin C Phosphorylated, Inositol,	Gói, hộp	50, 100, 200, 500g;1, 5, 10kg	Chống stress, tăng sức đề kháng cho tôm	HCM.TS4-1
93.	VITAMIN C-PLUS	Vitamin C, acid Citric, Inositol	Gói, hộp	50, 100, 500g, 1, 5, 10kg	Tăng cường sức đề kháng, chống stress cho tôm, cá khi độ mặn, pH thay đổi	HCM.TS4-2
94.	AQUA CAPHOS	Calcium dihydrogen phosphate, Magnesium dihydrogen phosphate, Sodium dihydrogen phosphate, Manganese dihydrogen phosphate,	Chai, can	1lít, 2lít, 5lít	Bổ sung canxi, phospho và vi khoáng tổng hợp, kích thích tôm lột vỏ, mau lớn, kích thước đồng đều; Mau cứng vỏ sau khi lột; Giúp vỏ tôm dày, chắc, bóng, đẹp, đạt năng suất cao khi thu hoạch	HCM.TS4-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
		Zinc dihydrogen phosphate				
95.	SG.LECITHIN	Phospholipid, Vitamin A, D3, E	Gói, hộp	1kg, 2kg, 5kg	Kích thích tôm bắt mồi nhanh; Bao bọc viên thức ăn, giảm thất thoát thuốc ra môi trường	HCM.TS4-5
96.	P-Caphos	Calcium dihydrogen phosphate, Magnesium dihydrogen phosphate, Sodium dihydrogen phosphate, Manganese dihydrogen phosphate, Zinc dihydrogen phosphate	Chai, can	1lít, 2lít, 5lít	Bổ sung canxi, phospho và vi khoáng tổng hợp, kích thích tôm lột vỏ, mau lớn; Mau cứng vỏ sau khi lột.	HCM.TS4-4
97.	Vitamin C 15%	Vitamin C	Gói, hộp	100, 200, 500g, 1, 2, 3, 5, 10kg	Tăng cường sức đề kháng cho cá	HCM.TS4-6
98.	Aqua Flor	Florfenicol	Chai, can	100, 250, 500ml, 1lít	Điều trị xuất huyết đường ruột cá do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây ra - Ngưng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	HCM.TS4-7
99.	P-Rotamin	Cyanocobalamin, 1-(n-butylamino)-1 methylethyl phosphonic acid, Methyl hydroxybenzoate	Chai, can	100, 250, 500ml; 1lít, 2lít, 5lít	Tăng cường trao đổi chất giúp tôm, cá mau lớn;	HCM.TS4-8
100.	VITAMIN C-SOL	Vitamin C	Gói, hộp	50, 100, 500g; 1, 5, 10kg	Tăng cường sức đề kháng. Tăng khả năng chịu đựng stress.	HCM.TS4-9
101.	Acti-Biophil	Chế phẩm lên men <i>Saccharomyces cerevisiae</i>	Gói, hộp	250g, 500g, 1kg	Bổ sung dưỡng chất. Giúp tiêu hóa tốt thức ăn	HCM.TS4-10
102.	BUTAMIN	Cyanocobalamin, 1-(n-butylamino)-1 methylethyl phosphonic acid, Methyl hydroxybenzoate	Chai, can	100, 250, 500ml; 1lít, 2lít, 5lít	Tăng cường quá trình trao đổi chất, hỗ trợ quá trình sinh trưởng của tôm, cá.	HCM.TS4-11
103.	Aqua Vita	Vitamin A, D3, E, B1, B6	Chai, can	1lít, 2lít, 5lít	Thúc đẩy quá trình lột xác ở tôm Nâng cao khả năng chuyển hoá thức ăn	HCM.TS4-12

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
104.	P-Tamino	Vitamin A, D3, E, B1, B6	Chai, can	1lít, 2lít, 5lít	Thúc đẩy quá trình lột xác ở tôm Nâng cao khả năng chuyển hoá thức ăn	HCM.TS4-13
105.	SG.AQUA SULTRIM	Sulfadiazine Sodium, Trimethoprim	Chai, can	100; 250; 500ml; 1; 2; 3lít	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas, Pseudomonas</i> như: đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS4-14
106.	SG.Quick Clean	Praziquantel, Crude Protein, Fat and Fiber	Gói, Hộp	50, 100, 500g; 1 2, 3, 5, 10kg	Trị sán lá đơn chủ	HCM.TS4-15
107.	AQUADINE	Iodine 2%	Chai, can	1, 2, 5 lít	Xử lý nước, don tẩy ao nuôi; Sát trùng dụng cụ nuôi	HCM.TS4-19
108.	BKC 80	Benzalkonium chloride	Chai, can	1, 2, 5 lít	Diệt các loại vi khuẩn, nguyên sinh động vật trong nước.	HCM.TS4-23
109.	BKC for fish	Benzalkonium Chloride	Chai, can	1, 2, 5 lít	Diệt khuẩn, nấm nguyên sinh vật, giúp cải thiện môi trường nước ao. Sát trùng ao hồ, bể ương, dụng cụ.	HCM.TS4-24
110.	CBB	Calcium hypochloride	Gói, Hộp	100; 500g; 1; 5; 10kg	Diệt khuẩn trong nước nuôi cá	HCM.TS4-26
111.	Cleaner 80	Benzalkonium chloride	Chai, can	500ml; 1, 2, 3, 5, 10 lít	Xử lý nước, dọn tẩy ao nuôi. Diệt khuẩn.	HCM.TS4-27
112.	Clear Max	Alkyldimethyl benzyl- ammonium chloride, Glutaraldehyde	Chai, can	1, 2, 5 lít	Diệt các loại vi khuẩn, nấm và nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi. Sát trùng dụng cụ dùng trong nuôi trồng thủy sản.	HCM.TS4-28
113.	SG.Clear	Glutaraldehyde: 85g, Alkylbenzyl dimethyl amonium chloride: 81g	Chai, can	1, 2, 5 lít	Diệt các loại vi khuẩn, nấm, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi; Tẩy trùng dụng cụ và ao nuôi	HCM.TS4-29
114.	Glutaral 50	Glutaraldehyde	Chai, can	500ml; 1; 2; 3; 5; 10 lít	Xử lý nước, dọn tẩy ao nuôi. Diệt khuẩn.	HCM.TS4-30
115.	SG.TCCA 9000	Chlorine	Gói, Hộp	50; 100; 200; 500g; 1; 3; 5; 10kg	Là thuốc sát trùng được sử dụng để xử lý nguồn nước cấp cho ao nuôi tôm, cá; Khử trùng bể nuôi và dụng cụ	HCM.TS4-31

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
116.	AQUAXIDE	Glutaraldehyde, Alkylbenzyltrimethylammonium chloride	Chai, can	1, 2, 5 lít	Diệt khuẩn, nấm và nguyên sinh động vật, giúp cải thiện môi trường nước ao.	HCM.TS4-32
117.	SG.Oxy	2Na ₂ CO ₃ .3H ₂ O ₂	Gói, Hộp	1; 3; 5; 10kg	Cung cấp oxy hoà tan trong nước.	HCM.TS4-33
118.	Oxy-SOS	Sodium percarbonate peroxide	Gói, Hộp	1, 3, 5, 10kg	Cung cấp oxy hoà tan trong nước ao nuôi tôm cá.	HCM.TS4-34
119.	SG.DINE 9000	PVP Iodine	Chai, can	1, 2, 5 lít	Xử lý nước, dọn tẩy ao nuôi; sát trùng dụng cụ nuôi.	HCM.TS4-35
120.	SG.Iodine 10% for shrimp	Iodine Polyvinylpyrrolidone Complex	Chai, can	1, 2, 5, 25 lít	Sát khuẩn phổ rộng, tiêu diệt vi khuẩn, nấm và nguyên sinh động vật có hại trong môi trường nước nuôi tôm.	HCM.TS4-38
121.	SG.DINE 6000	Iodine Polyvinyl pyrrolidone	Chai, can	1, 2, 5lít	Xử lý nước. Sát trùng dụng cụ trong các trại nuôi thủy sản	HCM.TS4-40

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊU CHUẨN SINH HỌC VĨNH THỊNH

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
122.	WORMESS	Praziquantel, Protein thô, Lipid, chất xơ	Gói	50; 100; 200; 250; 300; 400; 500g; 1; 2; 2,5; 3; 4; 5; 10; 15; 20; 25; 50kg	Trị ngoại ký sinh trùng: sán lá đơn chủ, rận cá; trị nội ký sinh trùng: sán lá gan, sán dây	HCM.TS5-7

3. CÔNG TY LIÊN DOANH BIO-PHARMACHEMIE

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
123.	Vitamin C Premix for shrimp	Vitamin C, 2-monophosphate calcium	Gói, hộp, bao	100g; 1kg	Chống stress, tăng sức đề kháng	HCM.TS6-1
124.	Vitamin C 10% for Shrimp	Vitamin C	Gói, hộp, bao	100g; 1kg	Chống stress, tăng sức đề kháng	HCM.TS6-2
125.	Vitamin C 10% for fish	Vitamin C	Gói, hộp, bao	30, 100, 200, 500g; 1, 10kg	Chống stress, tăng sức đề kháng	HCM.TS6-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
126.	Vitasol – Shrimp	Vitamin A, C, D ₃ , E, K ₃ , B ₁ , B ₂ , B ₆ , Biotin, B ₁₂ , calcium pantothenate, folic acid	Gói, hộp, bao	100g; 1kg	Bổ sung Vitamin thiết yếu giúp tôm tăng sức đề kháng, tăng trưởng nhanh.	HCM.TS6-4
127.	Bio Anti-shock for shrimp	Vitamin A, D ₃ , E, C, B ₁ , B ₂ , B ₆ , B ₁₂ , K ₃ , Inositol, Taurine, Foclic acid, Pantothenate acid, biotin.	Gói, hộp, bao	30, 100, 200, 500g; 1, 10kg	Tăng sức đề kháng, chống stress cho tôm khi môi trường thay đổi.	HCM.TS6-5
128.	ANTI STRESS for shrimp	Vitamin A, D ₃ , E, K ₃ , B ₁ , B ₂ , B ₆ , B ₁₂ , C, Biotin, Foclic acid, Calcium pantothenate, Niacin, Inositol	Gói, hộp, bao	30, 100, 200, 500g; 1, 10kg	Chống stress, chống sốc khi môi trường nước thay đổi. Tăng sức đề kháng cho tôm nuôi	HCM.TS6-6
129.	BIOZYME For Fish	Bacillus subtilis, CaCO ₃ , Saccharomyces cerevisae, Amylase, Protease, lipase, B Glucanase, Cellulase	Gói, hộp, bao	10, 30, 50, 100, 250, 500g; 1, 5, 10, 25kg	Bổ sung enzyme, tiêu hoá và các vi sinh vật có lợi vào thức ăn, giúp cá tiêu hoá tốt thức ăn, khoẻ mạnh mau lớn.	HCM.TS6-7
130.	BIO-FLORSOL 2000 For Fish	Florfenicol 20.000mg	Chai, lọ, can	60, 120, 150, 250, 500ml; 1, 5, 10, 20 lít	Đặc trị xuất huyết đường ruột do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây ra trên cá Tra và Basa-Ngùng sử dụng thuốc 12 ngày trước thu hoạch	HCM.TS6-8
131.	SULTRIM 48% for shrimp	Trimethoprim, Sulfadiazine	Chai, lọ, can	60, 120, 150, 250, 500ml; 1, 5, 10, 20 lít	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn <i>Vibrio</i> trên tôm. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS6-9
132.	BIO-SULTRIM for shrimp	Trimethoprim, Sulfadimidine	Túi, bao	30, 100, 200, 500g	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn <i>Vibrio</i> trên tôm. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS6-10
133.	Bio-Bcomplex for fish	Vitamin B ₁ , B ₆ , B ₁₂ , Nicotinamide, D-panthenol, Inositol, Sorbitol	Chai, lọ, can	60ml, 150ml, 250ml, 500ml, 1lít, 5lít	Tăng cường khả năng tiêu hoá thức ăn, nâng cao sức đề kháng	HCM.TS6-11

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
134.	Bio-Sultrim 48% for fish	Sulfadiazine, Trimethoprim	Chai, lọ, can	60, 120, 150, 250, 500ml; 1, 5, 10, 20 lít	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn Aeromonas , Pseudomonas (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS6-12
135.	Bio-Doxy 10% for fish	Doxycycline	Bao, hộp	10, 30, 100, 250, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Phòng ngừa và điều trị các bệnh nhiễm trùng gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline, bệnh do streptococcus	HCM.TS6-13
136.	Bio-Sultrim for fish	Sulfadimidine, Trimethoprim	Bao, hộp	10, 30, 100, 250, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn Aeromonas , Pseudomonas (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS6-14
137.	Bio-antipa for fish	Praziquantel	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Điều trị nội, ngoại ký sinh trùng trên cá như sán lá đơn chủ, rận cá, sán lá gan, sán dây	HCM.TS6-15
138.	Bio-Flor 50% for fish	Florfenicol	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Điều trị bệnh xuất huyết đường ruột ở cá da trơn do vi khuẩn Edwardsiella ictaluri gây ra. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	HCM.TS6-16
139.	Bio-Oxytetra for aquaculture	Oxytetracycline	Gói, hộp, bao	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Trị bệnh đốm đỏ, xuất huyết trên thân, hậu môn sưng đỏ, các vây bị rách, của cá tra, basa do vi khuẩn Aeromonas, Pseudomonas và Edwardsiella. Trị các bệnh do vi khuẩn Vibrio gây ra trên tôm. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS6-17
140.	Bio-Amoxicillin 50% For Fish	Amoxicillin Trihydrate 50%	Bao, hộp	10, 30, 50, 100, 250, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Điều trị bệnh xuất huyết do Aeromonas hydrophilla gây bệnh trên cá Tra.	HCM.TS6-18
141.	BIO-KON NEW	Potassium monopersulfate Malic acid.	Gói, Hộp, Bao	10,30,50,100,250,500g,1kg, 5; 10; 20; 25kg	Diệt các loại vi khuẩn, nấm, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi. Sát trùng bể ương và dụng cụ dùng trong môi trường thủy sản.	HCM.TS6-19

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
142.	BIO-DOXY 500 For Aquaculture	Doxycycline hyclate	Gói, Hộp, Bao	10,30,50,100,250,500g,1kg, 5; 10; 20; 25kg	Điều trị bệnh đỏ thân trên tôm hùm gây ra bởi vi khuẩn <i>Vibrio alginolyticus</i> .	HCM.TS6-20
143.	BIO-METASAL For Aquaculture	1-(n-Butylamino)-methylethyl phosphorus acid; Cyanocobalamin (vitamin B12); Vitamin C	Chai, lọ, can	60 ml, 250 ml, 500 ml, 1 lít, 5 lít, 20 lít.	Chống stress tăng sức kháng bệnh. Tăng khả năng chuyển hóa các chất dinh dưỡng trong thức ăn	HCM.TS6-21
144.	BIO-VITA C 50% For Aquaculture	Vitamin C	Gói, Hộp, Bao	10,30,50,100,250,500g,1kg, 5; 10; 20; 25kg	Cung cấp vitamin C Chống stress, chống sốc khi môi trường biến đổi bất thường.	HCM.TS6-22
145.	BIO-MINERALS For Shrimp	MgSO4.H2O; Al2O3; K2O; CaO; Na2O; Fe2O3	Gói, Hộp, Bao	10,30,50,100,250,500g,1kg; 5; 10; 20; 25kg	Làm giàu khoáng chất cho nước và đáy ao.	HCM.TS6-23
146.	BIO-YUCCAZYME For Aquaculture	Bacillus subtilis; Lactobacillus acidophilus; Saccharomyces cerevisiae; Aspergillus oryzae;	Gói, Hộp, Bao	10,30,50,100,250,500g,1kg, 5; 10; 20; 25kg	Ổn định vi sinh vật có lợi đường ruột giúp phòng chống nhiễm khuẩn đường ruột. Tăng khả năng tiêu hóa thức ăn	HCM.TS6-24
147.	BIO-B.K.C 80 For Shrimp	Alkyldimethylbenzylammonium chloride	Lọ, Chai, can	60 ml, 120ml, 150 ml, 250ml, 500 ml, 1lít, 5 lít, 10 lít, 20 lít.	Diệt các loại vi khuẩn, nguyên sinh động vật, nấm trong nước ao nuôi.	HCM.TS6-25
148.	BIO-BKC For Fish	Alkyldimethylbenzylammonium chloride	Lọ, Chai, can	60 ml, 120ml, 150 ml, 250ml, 500 ml, 1lít, 5 lít, 10 lít, 20 lít.	Diệt các loại vi khuẩn, nấm, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi.	HCM.TS6-26
149.	BIO-IODINE COMPLEX For Shrimp	1-vinyl-2-pyrrolidinone polymers, iodine complex	Lọ, chai, can	60 ml, 120ml, 150 ml, 250ml, 500 ml, 1lít, 5 lít, 10 lít, 20 lít.	Khử trùng nguồn nước nuôi, khử trùng các dụng cụ dùng trong nuôi tôm.	HCM.TS6-27
150.	BIO-IODINE COMPLEX For Fish	1-vinyl-2-pyrrolidinone polymers, iodine complex	Lọ, Chai, can	60 ml, 120ml, 150 ml, 250ml, 500 ml, 1lít, 5 lít, 10 lít, 20 lít.	Diệt khuẩn, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi, sát trùng dụng cụ nuôi cá.	HCM.TS6-28

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
151.	BIO-TECH For Shrimp	Benzalkonium Chloride, Glutaraldehyde	Lọ, Chai, can	60 ml, 120ml, 150 ml, 250ml, 500 ml, 1lít, 5 lít, 10 lít, 20 lít.	Diệt các loại vi khuẩn, nấm, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi. Sát trùng dụng cụ dùng trong nuôi trồng thủy sản.	HCM.TS6-29
152.	BIOXIDE For Shrimp	Glutaraldehyde, Alkylbenzyltrimethylammonium chloride	Lọ, Chai, can	60 ml, 120ml, 150 ml, 250ml, 500 ml, 1lít, 5 lít, 10 lít, 20 lít.	Diệt các loại vi khuẩn, nấm, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi. Sát trùng dụng cụ dùng trong nuôi trồng thủy sản.	HCM.TS6-30
153.	BIOXIDE For Fish	Glutaraldehyde, Alkylbenzyltrimethylammonium chloride	Lọ, Chai, can	60 ml, 120ml, 150 ml, 250ml, 500 ml, 1lít, 5 lít, 10 lít, 20 lít.	Khử trùng hiệu quả nguồn nước nuôi cá, bè, bể ương và các công cụ.	HCM.TS6-31
154.	BIO-POVIDINE For Shrimp	1-vinyl-2-pyrrolidinone polymers, iodine complex	Lọ, Chai, can	60 ml, 120ml, 150 ml, 250ml, 500 ml, 1lít, 5 lít, 10 lít, 20 lít.	Diệt khuẩn, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi, sát trùng dụng cụ nuôi tôm.	HCM.TS6-32
155.	BIO A.B.C For Shrimp	Dimethyl-n-Alkylbenzylammonium Chloride	Lọ, Chai, can	60 ml, 120ml, 150 ml, 250ml, 500 ml, 1lít, 5 lít, 10 lít, 20 lít.	Thuốc khử trùng nguồn nước nuôi tôm.	HCM.TS6-33
156.	BIO-SEPTAL For Shrimp	Alkyldimethylbenzylammonium chloride, Pentanedial	Lọ, Chai, can	60 ml, 120ml, 150 ml, 250ml, 500 ml, 1lít, 5 lít, 10 lít, 20 lít.	Diệt các loại vi khuẩn nấm, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi. Sát trùng dụng cụ dùng trong nuôi trồng thủy sản.	HCM.TS6-34

4. CÔNG TY TNHH BAYER VIỆT NAM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
157.	Baymix Aqualase	Alpha Amylase, Protease, Phytase	Bao, xô	100, 500g; 1, 2.5, 5, 7.5, 10, 15, 20, 25kg	Giúp tôm cá tiêu hoá tốt hơn và giảm tỷ lệ tiêu tốn thức ăn	HCM.TS8-1
158.	FORTOCA	Florfenicol	Bao, xô	20, 50, 100, 500g; 1, 2.5, 5, 7.5, 10, 25kg	Trị bệnh nhiễm trùng huyết đường ruột do vi khuẩn Edwardsiella ictaluri trên cá tra, ba sa -Ngừng sử dụng thuốc trước thu hoạch 12 ngày	HCM.TS8-2
159.	Osamet Shrimp	Romet30	Bao, xô	50, 100, 500g;	Trị bệnh nhiễm khuẩn Vibrio sp trên tôm.	HCM.TS8-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
		(Sulfadimethoxine, Ormetoprim), Vitamin C, E, Organic selenium		1, 2.5, 5, 7.5, 10, 25kg	Ngừng sử dụng 4 tuần trước khi thu hoạch.	
160.	Hadaclean A	Crude Protein, fat, fiber, Praziquantel	Bao, xô	50, 100, 500g; 1, 2.5, 5, 7.5, 10, 20, 25kg	Trị ngoại ký sinh trùng: sán lá đơn chủ. Trị nội ký sinh trùng: sán lá gan, sán dây	HCM.TS8-4
161.	Osamet Fish	Romet 30 (Sulfadimethoxine: 25%, Ormetoprim: 5%), Vitamin C, Vitamin E, Organic selenium	Bao, xô	50, 100, 500g; 1, 2.5, 5, 7.5, 10, 25kg	Trị nhiễm khuẩn Pseudomonas sp., Aeromonas. Sp. Trên cá; Thời gian ngừng sử dụng thuốc 6 ngày trước thu hoạch	HCM.TS8-5
162.	BAYMET	Oxytetracycline	Bao, xô	50, 100, 500g; 1, 2.5, 5, 7.5, 10, 20, 25kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn vibrio trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn Pseudomonas sp., Aeromonas. Sp, Edwardsiella (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS8-6
163.	OLI-MOS	Glucomannoprotein, 1-(n-Bytylamino)-methylethyl phosphorus acid (Butaphosphan), Vitamin B12, Methyl Hydroxybenzoate	Bao, xô	50, 100, 500g; 1, 2.5, 5, 7.5, 10, 25kg	Giúp tôm tăng sức đề kháng	HCM.TS8-7
164.	CA-OMOS	Glucomannoprotein, Vitamin E	Bao, xô	50, 100, 500g; 1, 2.5, 5, 7.5, 10, 20, 25kg	Giúp cá tăng sức đề kháng	HCM.TS8-8
165.	Aqua C Fish	Vitamin C, Glutamic acid, Aspartic, Leucin, Alanin, Lysine, Proline, Valine, Arginine, Phenylalanine, Serine, Threonine, Isoleucine,	Bao, xô	50, 100, 500g; 1, 2.5, 5, 7.5, 10, 25kg	Nâng cao sức đề kháng, tăng khả năng chịu đựng Stress	HCM.TS8-9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
		Glycine, Tyrosine, Histidine, Methionin, Coforta (Vitamin B12, Butaphosphan, Methylhydroxy-benzoate)				
166.	Aquacare A	Crude Protein, Crude fiber (từ bột đậu nành), Crude fat (từ bột mì), Gluco mannoprotein, <i>Bacillus licheniformis</i>	Bao, xô	50, 100, 500g; 1, 2.5, 5, 7.5, 10, 25kg	Tăng sức đề kháng, giúp tiêu hóa tốt thức ăn	HCM.TS8-10
167.	Aqua C	Vitamin C, Acid Citric	Bao, xô	50, 100, 500g; 1, 2.5, 5, 7.5, 10, 25kg	Tăng sức đề kháng, chống stress, giúp tôm, cá đạt tỷ lệ sống cao	HCM.TS8-11

4. CÔNG TY TNHH TM&SX THUỐC THÚ Y SÀI GÒN

NSX: CÔNG TY CỔ PHẦN INTER PHARMA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
168.	Vitamin C 12,5%	Vitamin C	Gói, hộp	100g, 200g, 500g, 1kg	Tăng sức đề kháng, giảm stress	HCM.TS9-1
169.	Vitamin A.D3.E.C	Vitamin A, D3, E, C	Gói, hộp	100g, 200g, 500g, 1kg	Bổ sung vitamin, tăng sức đề kháng	HCM.TS9-2
170.	Sulfatrim	Sulfadimidin Trimethoprim	Gói, hộp	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn vibrio gây ra trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn <i>Aeromonas sp.</i> , <i>Pseudomonas fluorescens</i> , <i>Edwardsiella tarda</i> gây ra trên cá nước ngọt : Đốm đỏ hậu môn sung đỏ. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS9-3
171.	Aquacyclin	Oxytetracyclin	Gói, lon	100, 500g; 1kg	Trị đốm đỏ, xuất huyết trên thân, hậu môn sung đỏ, các vây bị rách do <i>Aeromonas hydrophilla</i> , <i>Pseudomonas fluorescen</i> , gây	HCM.TS9-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
					ra trên cá Basa. Trị các bệnh do vi khuẩn vibrio gây ra trên tôm. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	
172.	Florfenicol	Florfenicol	Gói	100, 500g; 1kg	Trị bệnh nhiễm trùng huyết đường ruột do vi khuẩn Edwardsiella ictaluri gây ra trên cá tra, cá basa. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	HCM.TS9-5
173.	SULFATRIM 48%	Trimethoprim, Sulfadimidin	Gói, lọ	100, 500g, 1kg	Điều trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas Sp, Pseudomonas fluorescen, Edwardsiella tarda gây ra trên cá nước ngọt với các biểu hiện đốm đỏ trên thân, hậu môn sưng đỏ. Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio gây ra trên ấu trùng tôm. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS9-6
174.	Povidine	Povidone Iodine	Chai, can	60, 120, 250, 500ml; 1, 2, 5 lít	Dùng xử lý nước ao nuôi trồng thủy sản, sát trùng nguồn nước, bể ương, dụng cụ nuôi	HCM.TS9-7

6. CÔNG TY TNHH SX&TM VIỆT VIỄN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
175.	PROBIOTIC	Protease, Amylase, Glucanase, Cellulase	Gói, bao	2, 5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10kg	Kích thích tiêu hóa, tăng cường hấp thu dưỡng chất, cải thiện chỉ tiêu tiêu tốn thức ăn	HCM.TS10-1
176.	Vitamin C Anti-Stress	Vitamin C, acid Citric	Gói, bao	2, 5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10kg	Tăng cường sức đề kháng cho tôm, cá	HCM.TS10-2
177.	ORALYTE-C	Vitamin C, NaHCO ₃ , KCl, NaCl	Gói, bao	2, 5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10kg	Phòng chống stress cho tôm cá do thay đổi thời tiết, do vận chuyển, môi trường nước bị dơ; Tăng cường sức đề kháng.	HCM.TS10-3
178.	Bcomax – E	Vitamin C, E, B ₁ , B ₂ , B ₅ , B ₆ , B ₁₂ , PP, K ₃ , acid Folic, cholin	Gói, bao	2, 5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10kg	Chống stress, giúp tôm, cá ăn mạnh, tăng trọng nhanh	HCM.TS10-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
179.	C-One	Vitamin C, acid citric	Gói, bao	2, 5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10kg	Phòng chống stress cho tôm cá, giúp tôm cá khỏe mạnh có sức đề kháng trong trường hợp nhiệt độ, độ mặn, thời tiết thay đổi đột ngột	HCM.TS10-5
180.	VIV- SULTRIM	Sulfadimidin, Trimethoprim	Gói; bao, xô nhựa	50, 100, 250, 500g; 1, 10, 20kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS10-6
181.	MEDIFISH	Florfenicol	Túi, xô nhựa	50; 100; 250; 500g, 1; 10; 20 kg	Trị nhiễm trùng đường ruột do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây ra trên cá tra, cá basa. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	HCM.TS10-7

7. CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
182.	NAVET-FLOR 5	Florfenicol (50g/L)	Chai	100, 200, 500ml; 1, 2 lít	Điều trị bệnh xuất huyết đường ruột ở cá da trơn do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây ra- Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	HCM.TS12-1
183.	NAVET-FLOR 20	Florfenicol (200g/kg)	Bao, hộp	100, 200, 500g; 1, 2 kg	Điều trị bệnh xuất huyết đường ruột ở cá da trơn do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây ra- Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	HCM.TS12-2
184.	Navet-Vitamin C	Ascorbic acid	Bao, hộp	500g; 1kg	Tăng sức đề kháng, chống stress	HCM.TS12-3
185.	NAVET-TERRA MYCIN 20	Oxytetracycline	Bao, hộp	100, 200, 500g; 1, 2 kg	Điều trị bệnh xuất huyết đường ruột ở cá da trơn do vi khuẩn Aeromonas liquefaciens và Pseudomonas sp gây ra- Ngừng sử dụng 3 tuầnnước trước thu hoạch	HCM.TS12-4
186.	NAVET-SULFATRIM	Sulfadiazine, Trimethoprim	Gói; bao, xô	100, 200, 500g, 1kg, 2kg	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ,	HCM.TS12-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
					xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	
187.	NAVET-PARACLEAN	Praziquantel	Bao nhôm	100, 200, 500g; 1; 2 kg	Trị sán lá đơn chủ	HCM.TS12-6
188.	NAVET B.K.C 80	Benzalkonium Chloride 80%	Chai, can	100, 500ml; 1, 2, 5, 20 lít	Diệt vi khuẩn, nấm, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi tôm cá. Sát trùng dụng cụ nuôi, bể ương	HCM.TS12-7
189.	BENKOCID	Glutaraldehyde, Benzalkonium chloride, Amyl acetate	Chai, can	500ml; 1, 2, 5, 20 lít	Thuốc diệt các loài vi khuẩn, nấm, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi. Sát trùng dụng cụ dùng trong nuôi trồng thủy sản	HCM.TS12-8
190.	B-K-A	Benzalkonium chloride, Amyl acetate	Chai, can	100, 500ml; 1, 2, 5 lít	Diệt các loại vi khuẩn, nguyên sinh động vật, nấm trong nước ao nuôi. Sát trùng dụng cụ nuôi, bể ương	HCM.TS12-9
191.	NAVET-IODINE	PVP Iodine	Chai, can	100, 500ml; 1, 2, 5, 20 lít	Diệt các loài virus, vi khuẩn, nấm trong môi trường nước; Tiêu độc, sát trùng ao hồ nuôi cá, bể ương, dụng cụ	HCM.TS12-11
192.	Wolmis	Chloramin T	Gói, hộp	100, 200, 500g; 1; 2 kg	Sát trùng nguồn nước, Sát trùng dụng cụ, nhà xưởng dùng trong nuôi trồng thủy sản	HCM.TS12-12
193.	Navet-Vitamix Soluble	Vitamin A, D3, E, K3, B1, B2, B5, B6, PP, C, B12, Acid Folic, Biotin	Gói, bao	100g, 500g, 1, 2, 5, 20kg	Giảm stress trên tôm	HCM.TS60-1
194.	Navet – Fenca	Fenbendazole	Bao	100, 200, 500g; 1kg, 2kg	Diệt các loại nội ký sinh trùng ở cá như giun tròn đường ruột, trong ống mật, giun đầu gai, sán lá, sán dây.	HCM.TS60-2

8. CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SINH HỌC B.E.C.K.A

NSX: CÔNG TY TNHH TM&SX THUỐC THÚ Y NAPHA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
195.	FENKA	Florfenicol	Gói, hộp	50, 100, 250, 400, 500g, 1, 2, 3, 4, 5, 10, 20kg	Trị bệnh nhiễm trùng huyết đường ruột do vi khuẩn Edwardsiella ictaluri trên cá tra, ba sa. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	HCM.TS14-6

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
196.	SUNKA	Sulfadimidine, Trimethoprim	Gói, hộp	50, 100, 250, 400, 500g; 1, 2, 3, 4, 5, 10, 20kg	Trị bệnh phát sáng do vibrio gây ra trên ấu trùng tôm; trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn Aeromonas sp., Pseudo-monas fluorescens, Edwardsiella tarda gây ra trên cá nước ngọt (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết). Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS14-7
197.	TANKA	Oxytetracycline	Gói, hộp	50, 100, 250, 400, 500g; 1, 2, 3, 4, 5, 10, 20kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas, Edwardsiella (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt; Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS14-8
198.	ST-BECKA FLORFENICOL 5%	Florfenicol	Gói, bao	100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng huyết đường ruột do vi khuẩn Edwardsiella ictaluri trên cá basa, cá tra. Ngừng sử dụng thuốc trước khi thu hoạch 12 ngày	HCM.TS14-14

NSX: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SINH HỌC B.E.C.K.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
199.	BK-Xoanta	Hoạt chất chiết xuất từ cây xoan (Azadirachtin) 0,15%	Chai, can	100, 250, 500ml; 1, 2, 3, 5, 10, 20lít	Phòng trị bệnh trùng bánh xe, trùng mỏ neo, trùng quả dưa, rận cá, sán lá đơn chủ trên cá tra, basa	HCM.TS14-11
200.	ST-BECKA BKC	Benzalkonium chloride	Chai, can	1, 2, 5 lít	Diệt vi khuẩn động vật nguyên sinh gây bệnh cho tôm; ngăn ngừa tốt các bệnh do nhiễm khuẩn.	HCM.TS14-13
201.	ST-BECKA TCCA	Trichloroisocyanuric acid	Hộp	1, 2, 5 kg	Tiêu diệt các vi sinh vật, diệt tảo, rong rêu trong nước. Xử lý nước trước khi nuôi tôm.	HCM.TS14-15

9. CÔNG TY TNHH NOBEN

NSX: CÔNG TY TNHH TM&SX THUỐC THÚ Y NAPHA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
202.	VIT C 1200	Vitamin C	Gói, hộp	100, 250, 500g, 1, 2, 5, 10, 20, 25kg	Tăng sức đề kháng, chống sốc, chống stress cho tôm cá khi môi trường thay đổi.	HCM.TS19-1
203.	NB-FLORFEN	Florfenicol	Chai, can	100, 200, 250, 400, 500ml; 1lít, 4lít	Điều trị các bệnh xuất huyết, viêm loét đường ruột của thủy sản (cá Basa) gây nên bởi vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> – Ngừng sử dụng 14 trước thu hoạch	HCM.TS19-2
204.	BUTYPHO	1-(n-butylamino)-1-(methylethyl) phosphonic acid; Vitamin B12, Methylhydroxybenzoate	Chai, can	50, 100, 200, 250, 500ml; 1lít	Tăng cường trao đổi chất giúp tôm cá mau lớn	HCM.TS19-3
205.	BEN FEN	Florfenicol	Gói, hộp	100g, 250g, 500g, 1kg, 5kg	Điều trị bệnh xuất huyết, viêm loét đường ruột của thủy sản (cá basa) gây nên bởi vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> . Ngừng sử dụng thuốc trước 15 ngày khi thu hoạch.	HCM.TS19-4
206.	NB-CLEAN for fish	Crude Protein, Fat, Fiber, Praziquantel	Bao, hộp	100, 200, 500g; 1, 20, 25kg	Trị ngoại ký sinh trùng: sán lá đơn chủ, rận cá. Trị ấu trùng sán lá gan, sán dây	HCM.TS19-5
207.	BEN MER	Hoạt chất chiết xuất từ cây xoan (Azadirachtin)	Can nhựa	500ml; 1, 2, 5, 10, 20 lít	Phòng trị bệnh trùng bánh xe, trùng mỏ neo, trùng quả dưa, rận cá, sán lá đơn chủ trên cá tra, basa	HCM.TS19-7
208.	TRIMMAX 400	Sulfamethoxazole sodium, Trimethoprim	Bao, hộp	500g ; 1, 2, 5, 10, 20 kg	Trị các bệnh nhiễm khuẩn biểu hiện đốm đỏ trên thân, mắt hậu môn sưng đỏ, vây bị rách, xuất huyết, hoại tử trên cá tra, cá basa do vi khuẩn <i>Aeromonas sp.</i> , <i>Pseudomonas fluorescens</i> , <i>Edwardsiella tarda</i> . Trị bệnh phát sáng ở tôm giống do vi khuẩn <i>Vibrio</i> gây ra. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS19-11

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
209.	Beta 1,3-1,6 Glucan	Beta 1,3-1,6 Glucan	Bao, hộp	500g ; 1, 2, 5, 10, 20 kg	Giúp tôm, cá tăng trọng nhanh, phát triển đồng đều ; giảm hệ số FCR	HCM.TS19-12

NSX: CÔNG TY TNHH NOBEN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
210.	Super Vidal	Chloramin T	Can nhựa	500g; 1, 2, 3, 5, 10, 20 kg	Khử trùng nguồn nước	HCM.TS19-6
211.	BEN MKC 4000	Myristalkonium Chloride	Can nhựa	1, 5, 20 lít	Sát trùng nguồn nước trong ao nuôi	HCM.TS19-8
212.	BEN XID 3000	Glutaraldehyde, Alkyl Dimethyl Benzyl Ammonium chloride	Can nhựa	1, 5, 20 lít	Khử trùng nguồn nước	HCM.TS19-9
213.	Super Aqua 80	Alkyl Dimethyl Benzyl Ammonium chloride	Can nhựa	500ml; 1, 2, 5, 10, 20 lít	Khử trùng nguồn nước; sát trùng bể ương và dụng cụ nuôi trồng thủy sản	HCM.TS19-10
214.	Super din 600	PVP Iodine	Can nhựa	500ml; 1, 2, 5, 10, 20 lít	Sát trùng nguồn nước	HCM.TS19-13
215.	Super Gold	Glutaraldehyde 50%	Chai	500ml; 1, 2, 5,10, 20 lít	Sát trùng nguồn nước	HCM.TS19-15

10. CÔNG TY TNHH QUỐC MINH

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
216.	Terra 200	Oxytetracyclin HCl	Chai, can	100, 250,500ml 1lít	Trị các bệnh nhiễm khuẩn ở tôm (Vibrio) và bệnh đốm đỏ ở thân cá- Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch	HCM.TS20-1
217.	Sulfatrim	Sulphamethoxazol, trimethoprim	Gói, hộp	5, 10, 30,50,100, 200, 250, 500g; 1, 10, 20kg	Có khả năng ngăn chặn vi khuẩn ở diện rộng đặc biệt là Vibrio. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS20-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
218.	Flor-P	Florfenicol	Gói, hộp	50,100, 400, 500g; 1, 2, 3, 5, 10, 20kg	Dùng để điều trị bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hoá gây ra bởi vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> trên cá da trơn (Basa, Tra, Trê, Hú)-Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	HCM.TS20-3
219.	Flor-L	Florfenicol	Chai, can	50, 100, 120, 150, 200, 250ml; 1, 2, 3, 5lít	Dùng để điều trị bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hoá gây ra bởi vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> trên cá da trơn (Basa, Tra, Trê, Hú)-Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	HCM.TS20-4
220.	Flor-10	Florfenicol	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 400, 500g, 1, 2, 3, 4, 5, 10, 20kg	Điều trị bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hoá gây ra bởi vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> trên cá da trơn –Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	HCM.TS20-5
221.	XỔ LÃI CÁ	Praziquantel, Đạm thô (đậu nành), Xơ (bột trấu)	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 400, 500g, 1, 2, 3, 4, 5, 10, 20kg	Trị ngoại ký sinh trùng: sán lá đơn chủ, rận cá. Trị nội ký sinh trùng: sán lá gan, sán dây.	HCM.TS20-6
222.	QM-TERRACIN 100	Oxytetracyclin HCl	Chai, can	20, 50, 100, 200, 250, 500ml; 1, 2, 3, 5lít	Điều trị bệnh sữa (trắng cơ hoặc đục thân) gây ra bởi vi khuẩn <i>Rickettsia</i> trên tôm hùm-Ngừng sử dụng thuốc 4 tuần trước thu hoạch	HCM.TS20-7
223.	QM-DOXY.10	Doxycycline-base	Gói, hộp	50, 100, 400, 500g; 1, 4, 5, 10kg	Điều trị bệnh đỏ thân trên tôm hùm gây ra bởi vi khuẩn <i>Vibrio alginolyticus</i> . Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS20-8
224.	Vitamix	Vitamin A, D3, E, C, K3, B1, B2, B6, B12, PP, B5, Biotin, Folic acid	Gói, hộp	5, 10, 30, 50, 100, 200, 250, 500g; 1, 10, 20kg.	Thúc đẩy nhanh quá trình lột xác và cứng vỏ, cung cấp vitamin ,tăng sức đề kháng và kích thích tôm sinh trưởng	HCM.TS20-9
225.	HP 100	Sorbitol, Methionin, Vitamin C, E, Biotin	Gói, hộp	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 2, 3, 4, 5, 10, 20kg.	Bổ sung vitamin và acid amin giúp tôm, cá tăng trọng nhanh, tỷ lệ sống cao	HCM.TS20-10
226.	Calcium biovit	Calcium gluconate, beta	Gói, hộp	5, 10, 30, 50,	Thúc đẩy tôm lột xác, kích thích tôm tăng	HCM.TS20-

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
	glucan	glucan 1,3-1,6, Inositol, Vitamin A, D3, Calcium panthothenate, Biotin		100, 200, 250, 500g; 1, 10, 20kg.	trường.	11
227.	Vita C 150	Vitamin C	Gói, hộp	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 10, 20kg.	Bổ sung vitamin C, giúp tôm, cá ngăn ngừa stress khi môi trường nuôi có thay đổi	HCM.TS20-12
228.	Glucan Mono C vit	Monophosphate ascorbic, Beta glucan 1,3-1,6	Gói, hộp	5, 10, 30, 50, 100, 200, 250, 500g; 1, 10, 20kg.	Chống stress, tăng sức đề kháng	HCM.TS20-13
229.	Beta glucan C Vitol fort	Beta glucan 1,3-1,6 Vitamin A, D3, E, C, K3, B1, B5, B6, Sorbitol.	Gói, hộp	5, 10, 30, 50, 100, 200, 250, 500g; 1, 10, 20kg.	Chống stress, tăng sức đề kháng	HCM.TS20-14
230.	Betaglucamin	Beta glucan, vitamin A, D3, E, C, PP, B1, B2, B12, B6, Folic acid, Biotin, Cholin chloride	Gói, hộp	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 2, 3, 4, 5, 10, 20kg.	Bổ sung vitamin và enzym betaglucan giúp tôm, cá tăng trưởng nhanh	HCM.TS20-15
231.	CA-P	Sodium hydrogen phosphate, Manganese hydrogen phosphate, Zinc hydrogen phosphate, Copper hydrogen phosphate, Cobalt hydrogen phosphate, Calcium hydrogen phosphate, Magnesium hydrogen phosphate.	Chai, can	500ml, 1lít, 2lít	Cung cấp khoáng giúp tôm tăng trưởng nhanh. Thúc đẩy nhanh quá trình lột vỏ, tái tạo vỏ mới. Tạo vỏ cứng và bóng.	HCM.TS20-16
232.	QM Probiotic	<i>Lactobacillus acidophyllus, Bacillus subtilis, Saccharomyces cerevisiae, Saccharomyces boulardii</i>	Gói, hộp	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 2, 3, 4, 5, 10, 20kg.	Kích thích tiêu hoá tốt, giúp tôm cá tăng trưởng nhanh	HCM.TS20-17

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
233.	Stop-Stress	Vitamin A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, Calcium pantothenate, Niacin, Inositol, Folic acid, Biotin	Gói, hộp	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 2, 3, 4, 5, 10, 20kg.	Nâng cao khả năng chuyển hoá thức ăn cho tôm cá trong ao nuôi	HCM.TS20-18
234.	Beta Glucan 1,3-1,6	Beta glucan 1,3-1,6	Gói, hộp	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 2, 3, 4, 5, 10, 20kg.	Tăng sức đề kháng của tôm cá	HCM.TS20-19
235.	PETA-TERRA	Oxytetracyclin HCl	Lọ, bình	50ml, 100ml, 200ml, 250ml, 500ml, 1lít, 2lít, 3lít, 5lít.	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn <i>Vibrio</i> trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> , <i>Edwardsiella</i> (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS20-20
236.	PETA-FLOR	Florfenicol	Gói, hộp	50, 100, 400, 500g, 1, 2, 3, 4, 5, 10, 20kg	Điều trị bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hoá gây ra bởi vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> trên cá da trơn. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	HCM.TS20-21
237.	PETA-PARASITE	Praziquantel, Đạm thô (đậu nành), Xơ	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 400, 500g, 1, 2, 3, 4, 5, 10, 20kg	Trị ngoại ký sinh trùng: sán lá đơn chủ, rận cá. Trị nội ký sinh trùng: sán lá gan, sán dây	HCM.TS20-22
238.	PETA-DOXY	Doxycycline-base	Gói, hộp	50, 100, 400, 500g, 1, 4, 5, 10kg	Điều trị bệnh đỏ thân trên tôm hùm gây ra bởi vi khuẩn <i>Vibrio alginolyticus</i> . Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS20-23
239.	PETA-SULTRIM	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Gói, hộp	50, 100, 400, 500g, 1, 2, 3, 4, 5, 10, 20kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn <i>Vibrio</i> trên tôm; Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> , (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS20-24

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
240.	QM-Lac.One	Lactobacillus acidophilus	Lọ, bình	100, 120, 150, 200, 250, 500ml; 1, 2, 4, 5 lít	Bổ sung vi khuẩn có lợi cho tôm, cá, giúp phòng bệnh đường ruột do tiêu hóa kém.	HCM.TS20-25
241.	V-Mix	Vitamin A, D3, E, C, B5, B1, B6, B2, Lysin HCl, Methionine	Lọ, bình	100, 120 150, 200, 250, 500ml; 1, 2, 4, 5 lít	Bổ sung các loại vitamin và acid amin cần thiết cho tôm, cá.	HCM.TS20-26
242.	Immunivit	Beta-glucan 1,3-1,6; Inositol, Vitamin A, D3, B1, B6	Lọ, bình	100, 120 150, 200, 250, 500ml; 1, 2, 4, 5 lít	Bổ sung vitamin A, D, vitamin nhóm B, Beta-glucan 1,3-1,6; tăng sức đề kháng cho tôm, cá.	HCM.TS20-27
243.	Hepa 500	Sorbitol, Lysin HCl, Methionine, Inositol, Vitamin PP, B1, B2, B5, B6	Lọ, bình	100, 120 150, 200, 250, 500ml; 1, 2, 4, 5 lít	Bổ sung các vitamin, acid amin giúp tôm, cá phòng và trị một số triệu chứng do thiếu vitamin và acid amin, chống stress.	HCM.TS20-28
244.	QM-Kenzym Glucan	Amylase, Protease, Lipase, cellulase	Bao, hộp, xô	50, 100, 250, 400, 500g; 1, 2, 3, 4, 5, 10, 20kg	Bổ sung enzym cần thiết vào thức ăn cho tôm, cá, kích thích tiêu hóa.	HCM.TS20-29
245.	QM-Minemix	Ca, P, Fe, Zn, Cu, Mn, Mg, Co	Bao, hộp, xô	50, 100, 250, 400, 500g; 1, 2, 3, 4, 5, 10, 20kg	Bổ sung các loại khoáng vi lượng, đa lượng cần thiết cho tôm, cá. Phòng và trị một số triệu chứng do thiếu Ca, P.	HCM.TS20-30
246.	QM-Binder	Lysin HCl, Methionin	Bao, hộp, xô	50, 100, 250, 400, 500g; 1, 2, 3, 4, 5, 10, 20kg	Phòng và trị một số triệu chứng bệnh do thiếu acid amin ở tôm, cá.	HCM.TS20-31
247.	QM-M.W.F	Lactobacillus acidophilus, bacillus subtilis, Saccharomyces spp., Amylase, Protease, Cellulase	Bao, hộp, xô	50, 100, 250, 400, 500g; 1, 2, 3, 4, 5, 10, 20kg	Bổ sung vi sinh vật và các enzym cho tôm, cá giúp kích thích tiêu hóa.	HCM.TS20-32
248.	QM-M.C.F 20	Vitamin PP, B5, B6, B1	Bao, hộp,	50, 100, 250,	Phòng và trị một số triệu chứng bệnh do	HCM.TS20-

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
			xô	400, 500g; 1, 2, 3, 4, 5, 10, 20kg	thiếu vitamin nhóm B ở tôm, cá.	33

11. CÔNG TY TNHH SX-MT-DV NGỌC HÀ

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
249.	Super VSV	Lactobacillus acidophilus, Lactobacillus casei, Lactobacillus bulgaricus, Bacillus subtilis	Gói, lon, thùng	100, 200, 250, 300, 500, 750g; 1kg; 1,5kg; 2kg	Tăng khả năng hấp thu và tiêu hoá thức ăn cho tôm cá; phòng các bệnh đường ruột do vi khuẩn gây ra cho tôm cá	HCM.TS22-3
250.	VSV	<i>Lactobacillus acidophilus,</i> <i>Lactobacillus casei,</i> <i>Lactobacillus bulgaricus,</i> <i>Bacillus subtilis,</i> <i>Saccharomyces cerevisia</i>	Gói, lon, thùng	100, 200, 250, 300, 500, 750g; 1kg; 1,5kg; 2kg	Cung cấp hệ vi sinh có lợi cho đường ruột, tăng khả năng hấp thu và tiêu hoá thức ăn cho tôm cá	HCM.TS22-4

12. CÔNG TY TNHH SX&TM TÔ BA

NSX: CÔNG TY TNHH TM&SX THUỐC THÚ Y NAPHA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
251.	ST.TETRA	Oxytetracycline	Gói, hộp	50, 100, 250, 400, 500g, 1, 2, 3, 4, 5, 10, 20kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas, Edwardsiella (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt; Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS23-6
252.	ST.ENTER	Florfenicol	Gói, hộp	50, 100, 250, 400, 500g, 1,	Trị bệnh nhiễm trùng huyết đường ruột do vi khuẩn Edwardsiella ictaluri trên cá tra,	HCM.TS23-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
				2, 3, 4, 5, 10, 20kg	baso. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	
253.	ST.SULPHA	Sulphadimethoxin, Trimethoprim	Gói, hộp	50, 100, 250, 400, 500g, 1, 2, 3, 4, 5, 10, 20kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm; Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas, (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt; Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS23-8
254.	S.T Clean	Crude Protein, Fat, Fiber, Praziquantel	Gói, hộp	50, 100, 250, 400, 500g, 1, 2, 3, 4, 5, 10, 20kg	Trị ngoại ký sinh trùng: sán lá đơn chủ, rận cá. Trị nội ký sinh trùng: sán lá gan, sán dây	HCM.TS23-9
255.	ST-TOBA FLORFENICOL 5%	Florfenicol	Bao gói	100, 500g, 1kg	Trị nhiễm trùng huyết đường ruột do vi khuẩn Edwardsiella ictaluri trên cá basa, cá tra. Ngừng sử dụng thuốc trước khi thu hoạch 12 ngày	HCM.TS23-18

NSX: CÔNG TY TNHH SX&TM TÔ BA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
256.	ST.Xoan	Hoạt chất chiết xuất từ cây xoan (Azadirachtin)	Chai, can	100, 250, 500ml, 1, 2, 3, 5, 10, 20lít	Phòng trị bệnh trùng bánh xe, trùng mô neo, trùng quả dưa, rận cá, sán lá đơn chủ trên cá tra, basa	HCM.TS23-5
257.	ST-TOBA BKC	Benzalkonium chloride	Chai, can	1, 2, 5 lít	Diệt vi khuẩn động vật nguyên sinh gây bệnh cho tôm; ngăn ngừa tốt các bệnh do nhiễm khuẩn.	HCM.TS23-17

13. CÔNG TY TNHH SX-KD THUỐC THÚ Y MINH HUY

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
258.	Vitamin C	Vitamin C	Gói	100g, 1kg	Tăng sức đề kháng, chống stress	HCM.TS25-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
259.	AD.Vit B Complex	Vitamin A, D, B2, B6, PP, C	Gói	100g, 1, 10kg	Cung cấp vitamin giúp tôm cá tăng cường sức đề kháng, chống stress.	HCM.TS25-2

14. CÔNG TY TNHH SX&TM THUỐC THÚ Y SONG VÂN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
260.	Amino Vital	Vitamin A, D ₃ , E, C, B ₁ , B ₅	Chai, can	100, 250, 500ml; 1, 5, 10, 25 lít	Bổ sung Vitamin cần thiết nâng cao sức đề kháng; Tăng khả năng chịu đựng stress; Nâng cao khả năng chuyển hoá thức ăn	HCM.TS30-1
261.	Oxytetracyclin	<i>Oxytetracyclin LA</i>	Chai nhựa	50; 100; 250; 500ml; 1lít	Điều trị bệnh sứa trên tôm hùm. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS30-2
262.	Doxycyclin	Doxycyclin	Gói	100; 250; 500g, 1; 5; 20kg	Điều trị bệnh đờ thân trên tôm hùm. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS30-3
263.	Flonicol-SV	Florfenicol	Gói	100; 250; 500g, 1; 5; 20kg	Điều trị nhiễm trùng huyết đường ruột do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây ra trên cá Tra, Basa. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	HCM.TS30-4
264.	BASTRACA	Trimethoprim, Sulfadimidin	Chai	100; 250; 500ml; 1; 2,5; 5lít	Điều trị các bệnh nhiễm trùng do <i>Aeromonas Sp</i> , <i>Pseudomonas fluorescen</i> , <i>Edwardsiella tardagây</i> ra trên cá Basa với các biểu hiện đốm đỏ trên thân, mắt và hậu môn sưng đỏ, các vây bị rách, xuất huyết, hoại tử. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS30-5

15. CÔNG TY TNHH SX&TM THUỐC THÚ Y GẤU VÀNG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
265.	TETRA-C	Oxytetracycline, Vitamin C	Gói, hộp	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g; 1, 5, 10, 25kg	Trị các bệnh nhiễm khuẩn với các biểu hiện đốm đỏ, xuất huyết, hoại tử trên cá tra, cá basa do vi khuẩn <i>Aeromonas sp.</i> , <i>Pseudomonas fluorescens</i> , <i>Edwardsiellatarda</i> gây ra, bệnh phát sáng trên ấu trùng tôm do <i>vibrio</i> gây ra. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS31-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
266.	Vitamin C	Vitamin C, Citric acid	Gói, hộp	1kg, 2kg, 5kg, 10kg	Tăng sức đề kháng, chống stress, tăng sức sống cho tôm, cải thiện hiệu quả sử dụng thức ăn	HCM.TS31-2
267.	Super VIKOTAT	Vitamin A, D3, E, Calcium, Phosphorus	Gói, hộp	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1, 2, 10, 25kg	Cung cấp vitamin, Calcium, Phosphorus, kích thích tôm lột vỏ nhanh	HCM.TS31-3
268.	Gavazyme	<i>Bacillus subtilis, Lactobacillus acidophilus, Aspergillus niger, Saccharomyces cerevisiae</i> , Cellulase, α - β Amylase, Beta-Glucanase, Endo Protease, Exo protease	Gói, hộp	1, 2, 5, 10kg	Cung cấp các enzyme, giảm tỷ lệ tiêu tốn thức ăn.	HCM.TS31-4
269.	Gava FENCOL 2000	Florfenicol	Chai, can	2, 5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 4, 5lít	Trị bệnh nhiễm trùng huyết đường ruột do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> trên cá tra, ba sa. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	HCM.TS31-5
270.	DACTYCID 94	Praziquantel, Đạm thô (bột cá)	Gói, hộp	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g, 1, 2, 4, 5, 10, 25kg	Trị ngoại ký sinh trùng: Sán đơn chủ rận cá. Trị nội ký sinh trùng: Sán lá gan, sán dây	HCM.TS31-6
271.	Men E.B	<i>Bacillus subtilis, Bacillus licheniformis, Bacillus pumilus</i>	Chai, Can	250ml ; 1 ; 4l	Khôi phục hệ vi sinh vật có ích trong đường ruột; tăng cường khả năng tiêu hóa và hấp thu dinh dưỡng của tôm, cá.	HCM.TS31-7
272.	SISA Pond 212	<i>Bacillus subtilis, Bacillus licheniformis, Bacillus pumilus</i>	Túi, Lon, Xô	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g ; 1 ; 2 ; 4 ; 5 ; 10kg	Giúp tôm tiêu hóa tốt thức ăn.	HCM.TS31-8
273.	Gava Dimidin	Sulfadimidin, Trimethoprim	Bao PE, bao nhôm	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g, 1; 2; 4; 5; 10; 25kg	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas, Pseudomonas</i> (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) gây ra trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS31-9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
274.	Gava Phenco 100	Florfenicol	Bao PE, bao nhôm	5; 10; 30; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 4; 5; 10; 25kg	Trị xuất huyết, hoại tử gan, thận (gan, thận có mủ tạo các đốm trắng) gây ra bởi vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> trên cá. Ngừng sử dụng 12 ngày.	HCM.TS31-10
275.	HEPAZYME-B12	Protease, α Amylase, <i>Sacharomyces boulardii</i> , Vitamin B1, B2, B5, PP, Cholin chloride, Lysine, Methionine	Bao, lon, xô	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g; 1, 2, 4, 5, 10, 25kg	bổ sung men tiêu hóa, vitamin và các acid amin kích thích tiêu hóa và hấp thụ tốt thức ăn.	HCM.TS31-11
276.	Gavadin 60%	Povidone Iodine	Chai	100, 250, 500ml; 1, 2, 4, 5, 10 lít	Khử trùng nguồn nước, diệt khuẩn, nấm động vật nguyên sinh trong môi trường nước	HCM.TS31-14
277.	B.K.C 80%	Benzalkonium chloride	Can	100, 250, 500ml; 1, 2, 4, 5, 10 lít	Sát trùng nguồn nước nuôi và ao lắng	HCM.TS31-15
278.	Butavit-B12	Cyanocobalamin, 1-(n-butylamino)-1-methylethyl phosphonic acid, Methylhydroxybenzoate	Chai, can	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 2, 4, 5, 10, 20 lít	Tăng cường trao đổi chất, giúp tôm mau lớn.	HCM.TS31-20
279.	Domycin 100	Doxycycline base	Bao, lon, xô	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g; 1, 2, 4, 5, 10, 25kg	Điều trị bệnh đỏ thân trên tôm gây ra bởi vi khuẩn <i>Vibrio alginolyticus</i> . Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS31-21
280.	Bogato	Sorbitol, Methionine, Cholin Chlorine, Betain, Lysine HCl, Vitamin B12.	Chai, can	50, 100, 250, 500ml; 1, 4, 5, 10, 20 lít	Cung cấp dinh dưỡng cho tôm giúp tiêu hóa tốt.	HCM.TS31-22

16. CÔNG TY TNHH SX&TM THUỐC THÚ Y NAPHA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
281.	FLORCOL	Florfenicol	Gói, hộp	100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng huyết đường ruột trên cá Tra, Basa do vi khuẩn <i>Edwardsiella</i>	HCM.TS34-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
					<i>ictaluri</i> gây ra. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	
282.	FERZYM 20 For Fish	Enzym Protease, Enzym a Amylase, Men Sacharomyces boulardii, Vitamin B1, B2, B5, PP, Cholin chloride, Lysine, Methionine	Gói, hộp	100, 500g; 1kg	Bổ sung men tiêu hóa, vitamin và các acid amin kích thích tiêu hóa và hấp thụ tốt thức ăn.	HCM.TS34-2
283.	Aqualin	Oxytetracycline	Gói, hộp	100, 500g; 1kg	Trị bệnh đốm đỏ, xuất huyết trên thân, hậu môn sưng đỏ của cá tra, cá basa do vi khuẩn <i>Aeromonas hydrophyla</i> và <i>Pseudomonas fluorescens</i> . Trị bệnh do vi khuẩn <i>Vibrio</i> gây ra trên tôm. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS34-3
284.	NP-Doxtrim	Sulfadimidine, Trimethoprim	Gói, hộp	100, 500g; 1kg	Trị bệnh đốm đỏ, xuất huyết trên thân, hậu môn sưng đỏ của cá tra, cá basa do vi khuẩn <i>Aeromonas hydrophyla</i> và <i>Pseudomonas fluorescens</i> . Trị bệnh do vi khuẩn <i>Vibrio</i> gây ra trên tôm. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS34-4
285.	NP-C.Vit Plus	Vitamin C	Gói	100, 500g, 1kg	Tăng cường sức đề kháng, giảm stress	HCM.TS34-5
286.	Vita C – NPV	Vitamin C, Acid Citric	Gói	100, 500g, 1kg	Tăng cường sức đề kháng, giảm stress	HCM.TS34-6
287.	NP-ASCORBAMIN	Vitamin C, acid citric, Sorbitol, Methionine, Lysine	Gói	100g, 500g, 1kg	Tăng sức đề kháng cho cơ thể tôm, cá, giúp giảm tỷ lệ hao hụt; Kích thích tôm, cá ăn nhiều, đạt năng suất cao; Phòng chống stress cho tôm, cá do thời tiết thay đổi, do vận chuyển, môi trường nước bị ô nhiễm	HCM.TS34-7
288.	NP-TRIXINE	Sulfadimidine, Trimethoprim	Gói	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg	Trị bệnh phát sáng do vibrio gây ra trên ấu trùng tôm; trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn <i>Aeromonas sp.</i> , <i>Pseudo-monas fluorescens</i> , <i>Edwardsiella tarda</i> gây ra trên cá nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch	HCM.TS34-8

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
289.	PRAZITEL	Praziquantel, Protein thô, Lipid, chất xơ	Bao; lọ	10; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị ngoại ký sinh trùng: sán lá đơn chủ, rận cá. Trị nội ký sinh trùng: sán lá gan, sán dây	HCM.TS34-9
290.	AQUA – BENKO	Benzalkonium chloride	Chai Can	60,120, 250, 500, 1.000 ml 2 lít, 5 lít	Khử trùng nguồn nước, sát trùng bể ương và vệ sinh dụng cụ nuôi trồng thủy sản.	HCM.TS34-10
291.	AQUA – DINE	Povidon Iodine	Chai Can	60,120, 250, 500, 1.000 ml 2 lít, 5 lít	- Khử trùng nguồn nước, cải thiện môi trường nước nuôi - Sát trùng bể ương và vệ sinh dụng cụ nuôi trồng thủy sản.	HCM.TS34-11
292.	EXTRA – DINE	Povidon Iodine	Chai Can	60,120, 250, 500, 1.000 ml 2 lít, 5 lít	- Khử trùng nguồn nước, cải thiện môi trường nước nuôi - Sát trùng bể ương và vệ sinh dụng cụ nuôi trồng thủy sản.	HCM.TS34-12
293.	OXYSOL	Oxytetracycline HCl	Gói Hộp nhựa Bao	100g; 250g, 500g; 1 kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	- Trị bệnh đốm đỏ, xuất huyết trên thân, hậu môn sưng đỏ, các vây bị rách, của cá tra, basa do vi khuẩn <i>Aeromonas hydrophilla</i> và <i>Pseudomonas fluorescens</i> . - Trị các bệnh do vi khuẩn <i>Vibrio</i> gây ra trên tôm	HCM.TS34-17
294.	FLODOX	Florfenicol	Gói Hộp nhựa Bao	100g; 250g, 500g; 1 kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Đặc trị nhiễm trùng đường ruột trên cá da trơn (cá tra, cá basa) do vi khuẩn <i>Edwardsiella</i> gây ra với các dấu hiệu như gan, thận, lách có mũ đốm đỏ, thối mang, chướng bụng, mất lồi.	HCM.TS34-18
295.	AQUA – FEN	Florfenicol	Chai Can	60,120, 250, 500, 1.000 ml 2 lít, 5 lít	Đặc trị nhiễm trùng đường ruột trên cá da trơn (cá tra, cá basa) do vi khuẩn <i>Edwardsiella</i> gây ra với các dấu hiệu như gan, thận, lách có mũ đốm đỏ, thối mang, chướng bụng, mất lồi.	HCM.TS34-19
296.	DOXYFEN	Doxycycline	Gói Hộp nhựa Bao	100g; 250g, 500g; 1 kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Điều trị bệnh đỏ thân trên tôm hùm gây ra bởi vi khuẩn <i>Vibrio alginolyticus</i> .	HCM.TS34-20

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
297.	NABUSAL	1-(Butylamino)-1-methylethyl]-phosphonic acid Vitamin B ₁₂	Chai Can	60,100, 120, 250, 500, 1.000 ml 2 lít, 5 lít	Tăng cường quá trình trao đổi chất, hỗ trợ quá trình sinh trưởng của tôm, cá.	HCM.TS34-21
298.	NP – BITOLMIN + B₁₂	Sorbitol Methionine Lysine Vitamin B ₁₂	Gói Hộp nhựa Bao	100g; 250g, 500g; 1 kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Tăng khả năng hấp thu các chất dinh dưỡng, kích thích thèm ăn, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn.	HCM.TS34-22
299.	HEPAIN	Sorbitol Methionine Lysine Betaine	Chai Can	60,120, 250, 500, 1.000 ml 2 lít, 5 lít	Tăng khả năng hấp thu các chất dinh dưỡng, kích thích thèm ăn, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn.	HCM.TS34-23
300.	NP – VITAM – AQUA	Vitamin A, D, E, K ₃ , B ₁ , B ₂ , B ₆ , B ₅ , PP, C, B ₁₂ , Folic acid, Biotin, NaHCO ₃ , NaCl, KCl.	Gói Hộp nhựa Bao	100g; 250g, 500g; 1 kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	- Bổ sung đầy đủ vitamin cần thiết giúp tăng sức đề kháng, chống stress do môi trường thay đổi; kích thích tiêu hoá giúp tôm ăn nhiều; tăng hiệu quả tiêu hoá và hấp thu thức ăn cho tôm cá.	HCM.TS34-24
301.	GLUCAN – FS	Beta 1,3-1,6 Glucan Mannan Saccharides Oligo	Gói Hộp nhựa Bao	100g; 250g, 500g; 1 kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Tăng sức đề kháng.	HCM.TS34-25
302.	NAZATIN	Hoạt chất chiết xuất từ cây xoan (Azadirachtin)	Chai Can	60,120, 250, 500, 1.000 ml 2 lít, 5 lít	Có tác dụng phòng trị bệnh trùng mỏ neo, rận cá, sán lá đơn chủ trên cá Tra, cá Basa	HCM.TS34-26
303.	LACTOBAC	<i>Bacillus subtilis</i> <i>Lactobacillus acidophilus</i> <i>Saccharomyces cerevisiae</i>	Gói Hộp nhựa Bao	100g; 250g, 500g; 1 kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Cung cấp các men vi sinh cần thiết cho hệ tiêu hóa, ngăn ngừa các bệnh đường ruột.	HCM.TS34-27
304.	Sanisol C80 (BKC80)	Benzalkonium Chloride 80%	Chai, can	60, 120, 250, 500ml; 1, 2, 5 lít	Diệt vi khuẩn, nấm, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi tôm cá. Sát trùng dụng cụ nuôi, bể ương	HCM.TS34-28
305.	PVD-Iodine	Povidone Iodine	Chai, can	60, 120, 250, 500ml; 1, 2, 5l	Khử trùng nguồn nước nuôi, sát trùng dụng cụ nuôi, bể ương	HCM.TS34-29

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
306.	Aquazym	<i>Bacillus subtilis</i> <i>Lactobacillus acidophilus</i> <i>Saccharomyces cerevisiae</i> , α - Amylase Protease	Gói, Hộp nhựa, Bao	100g; 250g, 500g; 1 kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Cung cấp enzyme và vi sinh vật có lợi kích thích tiêu hóa tốt, ngăn ngừa các bệnh đường ruột .	HCM.TS34-30
307.	Napha-calcium	Methionine, Lysine, Choline, Sorbitol, FeSO ₄ , CuSO ₄ , ZnSO ₄ , MnSO ₄ và các vitamin A, D, E, C, K ₃ , PP, B ₁ , B ₂ , B ₆	Gói, Hộp nhựa, Bao	100g; 250g, 500g; 1 kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Bổ sung vitamin và acid amin, khoáng chất cần thiết giúp tôm, cá tăng sức đề kháng, giảm stress; kích thích tiêu hoá	HCM.TS34-31
308.	NP-Aquatonic	Methionine, Lysine, Mangan Sulfate, Zinc Sulfate và các vitamin A,D, E, K ₃ , B ₁ , B ₂ , B ₆ , C, Acid folic, Biotin	Gói, Hộp nhựa, Bao	100g; 250g, 500g; 1 kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Bổ sung vitamin và acid amin, khoáng chất cần thiết giúp tôm, cá tăng sức đề kháng, giảm stress; kích thích tiêu hoá	HCM.TS34-32
309.	NP-Biomilk	Vitamin A, D, E và các loại men <i>Lactobacillus</i> <i>acidophilus</i> , <i>Bacillus</i> <i>subtilis</i> , Enzyme α - Amylase, Protease	Gói, Hộp nhựa, Bao	100g; 250g, 500g; 1 kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Cung cấp vitamin, enzyme và vi sinh vật có lợi kích thích tiêu hóa tốt.	HCM.TS34-33
310.	NP-Biozyme	Vitamin PP, B ₁ , B ₂ , B ₅ , Sorbitol, Methionine, Lysine và các loại men <i>Lactobacillus</i> <i>acidophilus</i> , <i>Bacillus</i> <i>subtilis</i> , Enzyme α - Amylase, Protease	Gói, Hộp nhựa, Bao	100g; 250g, 500g; 1 kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Cung cấp vitamin, enzyme và vi sinh vật có lợi kích, thích tiêu hóa.	HCM.TS34-34
311.	NP-tonic	Vitamin A, D, E, K ₃ , B ₁ , B ₂ , B ₆ , B ₅ , B ₁₂ và các acid amin	Chai, Can	50, 60, 120, 250, 500ml, 1, 2, 5 lít	Bổ sung vitamin và acid amin, khoáng chất cần thiết giúp tôm, cá tăng sức đề kháng, giảm stress; kích thích tiêu hoá	HCM.TS34-35
312.	Polyvit-NPV	Methionine, Lysine, Choline, Sorbitol, FeSO ₄ , CuSO ₄ , ZnSO ₄ , MgSO ₄ và các vitamin A,D, E,	Gói, Hộp nhựa, Bao	100g; 250g, 500g; 1 kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Bổ sung vitamin và acid amin, khoáng chất cần thiết giúp tôm, cá tăng sức đề kháng, giảm stress; kích thích tiêu hoá	HCM.TS34-36

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
		B ₁ , B ₂ , B ₆ , K ₃ , PP, B ₅ , Acid folic, Biotin				
313.	Soluble-vitamino	Methionine, Lysine, Sorbitol và các vitamin A,D, E, K ₃ , B ₁ , B ₂ , B ₆ , B ₁₂ , PP, Acid folic, H, C	Gói, Hộp nhựa, Bao	100g; 250g, 500g; 1 kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Bổ sung vitamin và acid amin, khoáng chất cần thiết giúp tôm, cá tăng sức đề kháng, giảm stress; kích thích tiêu hoá	HCM.TS34-37
314.	Tonivit-aqua	NaCl, KCl và các vitamin A,D, E, K ₃ , B ₁ , B ₂ , B ₆ , B ₅ , PP, C, B ₁₂ , Acid folic, Biotin	Gói, Hộp nhựa, Bao	100g; 250g, 500g; 1 kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Bổ sung vitamin và acid amin, khoáng chất cần thiết giúp tôm, cá tăng sức đề kháng, giảm stress; kích thích tiêu hoá	HCM.TS34-38
315.	Vitamin c	Vitamin C	Gói, Hộp nhựa, Bao	100g; 250g, 500g; 1 kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	tăng cường sức đề kháng, giảm stress	HCM.TS34-39
316.	Amin-F	Sorbitol, Methionine, Lysine, Betaine	Chai, Can	50, 60,120, 250, 500ml, 1, 2, 5 lít	Bổ sung acid amin cần thiết, Tăng cường chức năng gan	HCM.TS34-40
317.	Calphos	Phosphoric acid, MgCl ₂ , ZnCl ₂ , CaCl ₂ , MnCl ₂ , CuCl ₂ , FeCl ₂	Chai, Can	60,120, 250, 500ml, 1, 2, 5 lít	Bổ sung các khoáng chất thiết yếu cho tôm, cá. Phòng các bệnh ở tôm, cá do thiếu khoáng chất như: chậm lớn, mềm vỏ ở tôm. Hỗ trợ tôm lột xác và cứng vỏ nhanh, giúp phát triển hệ xương và vây ở cá.	HCM.TS34-42

17. CÔNG TY TNHH THỦY SẢN CỬU LONG T.L

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
318.	Baci Yeast	Bacillus subtilis	Gói	100, 200, 500g	Bổ sung vi sinh vật có lợi vào thức ăn, giúp tôm phát triển tốt	HCM.TS35-5
319.	Bacillus 3000	<i>Lactobacillus acidophilus</i> , <i>Bacillus subtilis</i>	Chai	250, 500ml, 1lit	Bổ sung vi sinh vật có lợi vào thức ăn, giúp tôm phát triển tốt	HCM.TS35-6

18. CÔNG TY TNHH THỦY SINH

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
320.	FIBA	Dầu trâm bầu	Chai	500ml; 1, 5lít	Diệt sán lá đơn chủ 16 và 18 móc, trùng bánh xe, trùng quả dưa, trùng mỏ neo, rận cá trên cá tra, cá rô, cá lóc thương phẩm	HCM.TS36-1
321.	VIO	Dầu chè vằng	Chai, can	1; 5; 10 L	Diệt vi khuẩn Vibrio trong môi trường nước nuôi thủy sản	HCM.TS36-2
322.	TS. SUBAC	Bacillus subtilis, Lactobacillus acidophulus	Chai, can	500ml; 1; 5; 10 L	Bổ sung vi khuẩn có lợi giúp tôm cá tiêu hóa, hấp thụ tốt thức ăn	HCM.TS36-3

19. CÔNG TY TNHH TÂN HUY HOÀNG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
323.	HI- PARA	Dầu Trâm bầu	can	1 lít, 5 lít	Diệt sán lá đơn chủ 16 và 18 móc, trùng bánh xe, trùng quả dưa, trùng mỏ neo, rận cá trên cá tra, cá rô, cá lóc thương phẩm	HCM.TS42-7
324.	USA-SANTA	Hoạt chất chiết xuất từ cây xoan (Azadirachtin) 0,15%	can	1 lít, 5 lít	Phòng trị bệnh trùng bánh xe, trùng mỏ neo, trùng quả dưa, rận cá, sán lá đơn chủ trên cá tra, basa	HCM.TS42-8

21. CÔNG TY TNHH HƯƠNG HOÀNG NAM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
325.	Rescus-Plus	Glutaraldehyde, Alkylbenzylammonium chloride	Chai, Can	50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20l	Diệt các loại vi khuẩn, nấm, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi. Sát trùng dụng cụ dùng trong nuôi trồng thủy sản.	HCM.TS50-16
326.	B.K.A	Benkalkonium chloride, Formaldehyde	Chai	1L, 2L, 5L	Diệt khuẩn, nấm và nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi thủy sản.	HCM.TS50-20
327.	B.K.C	Benkalkonium chloride	Chai	500ml, 1L, 2L, 5L	Diệt khuẩn, nấm và nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi thủy sản.	HCM.TS50-21
328.	BK – TECTOL	1,5 Pentanedial, Benzalkonium chloride	Chai	500ml, 1L, 2L, 5L	Diệt khuẩn, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi, sát trùng nguồn nước và dụng cụ nuôi tôm, cá.	HCM.TS50-22
329.	BKC 80	Benkalkonium chloride	Chai	500ml, 1L, 2L,	Tác dụng sát trùng phổ rộng, khử trùng	HCM.TS50-23

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
				5L	nguồn nước nuôi tôm cá. Diệt nấm, nguyên sinh động vật. Khử trùng dụng cụ bể ương.	
330.	BKC PLUS	Benkalkonium chloride	Chai	500ml, 1L, 2L, 5L	Diệt khuẩn, nấm và nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi thủy sản.	HCM.TS50-24
331.	BK-DEHYDE	Benkalkonium chloride, Formaldehyde	Chai	500ml, 1L, 2L, 5L	Diệt khuẩn, nấm và nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi thủy sản.	HCM.TS50-25
332.	IODINE 90%	PVP Iodine (iodine 10%)	Chai	100, 200, 500ml, 1L, 2L, 5L, 10L.	Diệt khuẩn, nguyên sinh động vật trong ao nuôi, sát trùng dụng cụ trong ao nuôi tôm, cá	HCM.TS50-28
333.	Glu-Tech	1,5 pentannedial, Benzalkonium Chloride	Chai	500ml, 1L, 2L, 5L	Diệt vi khuẩn, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi, sát trùng nguồn nước và dụng cụ nuôi tôm, cá	HCM.TS50-29
334.	ATZ	Hoạt chất triết xuất từ cây xoan (Azadirachtin)	Chai	500ml, 1L, 2L, 5L, 10L	Phòng trị bệnh trùng bánh xe, trùng mỏ neo, trùng quả dưa, rận cá, sán lá đơn trên cá tra, cá basa	HCM.TS50-31
335.	TIỆT TRÙNG FOR FISH	Chloramin T, CuSO ₄	Gói	100, 500g, 1, 2, 5; 7,5; 10, 12, 15, 20, 25kg.	Diệt các loại vi khuẩn, nguyên sinh động vật, nấm trong nước ao nuôi.	HCM.TS50-35

22. CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI A.S.T.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
336.	SUPER STAR	1-(n butylamino)-1-methylethyl phosphonic acid, Cyanocobalamin, Methylhydroxy-benzoate	Chai, Can	20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 5; 10; 20; 25lít	Tăng cường trao đổi chất giúp tôm cá mau lớn.	HCM.TS52-1
337.	C-MINE	Vitamin C, B ₁ , B ₂ , B ₆ , B ₁₂ , A, D ₃ , E, K ₃ , Sorbitol, Methionine, Lysine.	Gói, Lon, Bao	50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Tăng cường sức cho tôm (cá); Kích thích tôm (cá) ăn nhiều, tăng trưởng nhanh; Phòng chống stress cho tôm (cá) khi thời tiết và môi trường thay đổi nhất là nuôi mật độ cao	HCM.TS52-2
338.	PARASITIC	Protein, Chất béo, Xơ,	Gói,	50; 100; 200;	Trị ngoại ký sinh trùng: sán lá đơn chủ,	HCM.TS52-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
		Praziquantel	Lon, Bao	250; 400; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	rận cá. Trị nội ký sinh trùng: sán lá gan, sán dây.	
339.	VITA-E.C	Vitamin C, Vitamin E,	Gói, Lon, Bao	50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Nâng cao sức đề kháng, tăng khả năng chịu đựng stress của tôm cá khi môi trường thay đổi;	HCM.TS52-4
340.	CALPHOMIX	Calcium – D pantothenate, Calcium gluconate, Vitamin A, D ₃ , Biotin	Gói, Lon, Bao	50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Hỗ trợ quá trình lột xác, cứng vỏ sau khi lột của tôm.	HCM.TS52-5
341.	GESTYLIC	<i>Lactobacillus acidophilus</i> , <i>Lactobacillus sporogenes</i> , <i>Bacillus subtilis</i> , Amylase, Protease	Gói, Lon, Bao	50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Cung cấp enzym tiêu hoá giúp tôm (cá) tiêu hoá thức ăn.	HCM.TS52-6
342.	Stop-pH	Acid citric, Vitamin C	Gói, Lon, Bao	50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Nâng cao sức đề kháng, giúp tôm giảm stress.	HCM.TS52-7
343.	FLORMIN 20	Sulfadimethoxin sodium, Trimethoprim	Chai, Can	20; 50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 5; 10; 20; 25lít	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn vibrio trên tôm. Trị bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS52-8
344.	FLOR 300	Florfenicol	Gói, Lon, Bao	50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Trị bệnh nhiễm trùng huyết đường ruột thường gặp do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây ra trên cá tra, cá basa-Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	HCM.TS52-9
345.	ANTIGERM	Sulfadiazine sodium, Trimethoprim	Gói, Lon, Bao	50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn vibrio trên tôm. Trị bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS52-10

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
346.	Red-lobster	Doxycycline base	Góp, hộp	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Điều trị bệnh đỏ thân trên tôm hùm gây ra bởi vi khuẩn <i>Vibrio alginolyticus</i> . Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS52-11
347.	Res Cus	Glutaraldehyde, Alkyl benzyl dimethyl ammonium	Chai, can	50, 100, 250, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20 lít	Diệt các loại vi khuẩn, nấm, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi. Sát trùng dụng cụ	HCM.TS52-13
348.	Max-G.R	Cyanocobalamin, 1-(n butylamino)-1-methylethyl phosphonic acid, Methylhydroxy benzoate	Chai, can	50, 100, 250, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20 lít	Tăng cường trao đổi chất, giúp tôm mau lớn	HCM.TS52-14
349.	Gestylic spp	Lactobacillus acidophilus, Bacillus subtilis	Chai, can	10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20 lít	Bổ sung vi sinh vật có lợi và thức ăn, giúp tôm phát triển tốt	HCM.TS52-22
350.	Beta-Ro 20+20	Sulfadimidin, Trimethoprim	Gói, lon	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Trị bệnh đốm đỏ, xuất huyết trên thân, hậu môn sưng đỏ trên cá tra, cá basa do vi khuẩn <i>Aeromonas hydrophyla</i> và <i>Pseudomonas fluorescens</i> . Trị bệnh do vi khuẩn vibrio trên tôm. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS52-23
351.	Floro 20	Sulfadimidin, Trimethoprim	Chai, can	10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20 lít	Trị bệnh đốm đỏ, xuất huyết trên thân, hậu môn sưng đỏ trên cá tra, cá basa do vi khuẩn <i>Aeromonas hydrophyla</i> và <i>Pseudomonas fluorescens</i> . Trị bệnh do vi khuẩn vibrio trên tôm. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS52-24
352.	Beta-Ro 20	Sulfadimidin, Trimethoprim	Gói, lon	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Trị bệnh do vi khuẩn vibrio trên tôm. Trị bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> và <i>Pseudomonas</i> trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS52-25

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
353.	Anti Liver	Oxytetracycline HCl	Gói, lon	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn vibrio trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn Pseudomonas sp., Aeromonas. Sp, Edwardsiella (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng thuốc trước thu hoạch 4 tuần	HCM.TS52-26
354.	Good Liver	Methionine, Vitamin C, Thiamin	Chai, can	10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20 lít	Cung cấp dinh dưỡng, tăng sức đề kháng.	HCM.TS52-27
355.	Bio Special-BS	Lactobacillus acidophilus	Chai, Can	10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1; 5; 10; 20 lít	Kích thích tiêu hoá, giúp tôm, cá hấp thu tốt thức ăn	HCM.TS52-28
356.	Beta Glucan C	Beta-Glucan, Vitamin C, Inositol	Gói, Lon	50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Tăng cường sức đề kháng cho tôm, cá. Chống stress.	HCM.TS52-29
357.	BG Vitol	Vitamin B ₁ , B ₂ , E, A, Inositol	Gói, Lon	50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Bổ sung vitamin cần thiết cho tôm cá; Tăng cường hấp thu thức ăn.	HCM.TS52-30
358.	Chitosal Beta	Vitamin B ₁₂ , Sorbitol	Gói, Lon	50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Tăng sức đề kháng.	HCM.TS52-31
359.	Glue Fish	Sorbitol, Methionine, Lysine	Gói, Lon	50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Cung cấp acid amin thiết yếu và sorbitol chất cần thiết cho tôm-cá, giúp cho tôm-cá ăn nhiều, mau lớn, giải độc gan.	HCM.TS52-32
360.	Rida Liver	Sorbitol, Riboflavin, Vitamin B ₁₂ , Acetyl Methionine, Choline Chloride, Lysine HCl,	Chai, Can	10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1; 5; 10; 20 lít	Tăng cường chức năng gan, tăng khả năng hấp thu các chất dinh dưỡng, kích thích thèm ăn, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn của tôm, cá.	HCM.TS52-33

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
		Betaine.				
361.	Super Gold 9999	Vitamin A, D ₃ , E, C, B ₁ , B ₅	Chai, Can	10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1; 5; 10; 20 lít	Bổ sung Vitamin cần thiết nâng cao sức đề kháng; Tăng khả năng chịu đựng stress; Nâng cao khả năng chuyển hoá thức ăn.	HCM.TS52-34
362.	White Down	Sorbitol , Acetyl Methionine, Choline chloride, Lysine HCl, Betain	Chai, Can	10; 20; 50; 100; 250; 500 ml; 1; 5; 10; 20 lít	Tăng cường chức năng gan, tăng khả năng hấp thu các chất dinh dưỡng, kích thích thèm ăn, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn của tôm, cá.	HCM.TS52-35
363.	Oligo Best	Vitamin E, Vitamin C, Selenium, Beta-Glucan ,Mano-oligosaccharide	Gói, Lon	50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Ngăn ngừa stress và phục hồi sức khỏe sau stress.	HCM.TS52-36

23. CÔNG TY TNHH UV

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
364.	PRAQUANTEL	Praziquantel, Protein thô, Lipid, chất xơ	Gói Xô nhựa	10; 20; 50; 100; 400; 500g; 1kg 2; 3; 5; 10; 20kg	Điều trị các bệnh nội, ngoại ký sinh trùng trên cá như sán lá đơn chủ, rận cá, sán lá gan, sán dây	HCM.TS53-1
365.	OMICINE	Oxytetracycline HC	Túi, xô	100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas, Edwardsiella (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước khi thu hoạch.	HCM.TS53-2
366.	LOPE	Florfenicol	Gói; bao, xô	10; 20; 50; 100; 400; 500g ; 1; 2; 3; 5; 10; 20kg	Điều trị các bệnh về vi khuẩn Edwardsiella ictalluri như bệnh xuất huyết ở cá, bệnh nhiễm khuẩn máu. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	HCM.TS53-3
367.	SULFA	Sulfadiazine, Trimethoprim	Gói; bao, xô	10; 20; 50; 100; 400; 500g ; 1; 2; 3; 5; 10; 20kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm; Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas (đốm đỏ, hậu	HCM.TS53-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
					môn sung đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	
368.	GLU – RV	Glutaraldehyde, Alkyldimethyl benzyn ammonium chloride	Can	1, 2, 5, 10, 20, 200 lít	Khử trùng nguồn nước	HCM.TS53-5
369.	UV-One	Azadirachtin	Chai, can	500ml; 1, 5, 20, 200 lít	Phòng, trị bệnh trùng bánh xe, trùng quả dưa, trùng mỏ neo, rận cá, sán lá đơn chủ trên cá tra, cá basa	HCM.TS53-6
370.	FLUKILL	Myristalkonium chloride	Chai	500ml, 1, 2, 5, 10, 20, 200 lít	Sát trùng nguồn nước	HCM.TS53-7
371.	AGAMAX	Iodine complex	Can, chai	250, 500ml; 1, 2, 5, 10 lít	Sát trùng phổ rộng, diệt vi khuẩn, virus, nấm, nguyên sinh động vật có trong môi trường nước; khử trùng dụng cụ bể ương	HCM.TS53-9
372.	EXTRA	PVP- Iodine	Can, chai	500ml; 1, 2, 5, 10 lít	Diệt khuẩn, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi, sát trùng dụng cụ nuôi tôm cá	HCM.TS53-10
373.	EXTOXIN	Glutaraldehyde	Chai	500ml; 1, 2, 5, 10, 20, 200 lít	Sát trùng nguồn nước	HCM.TS53-11
374.	Big Max	Vitamin A, D3, E, K, Thiamin, Riboflavine, Pyridoxine, Niacianamide, Cacium Pantothenate	Chai	500ml; 1, 2, 3, 5 lít	Thúc đẩy quá trình lột xác, nhanh chóng cứng vỏ sau khi lột; Cung cấp đầy đủ và cân đối các loại vitamin cho tôm.	HCM.TS53-12
375.	Top Max	Vitamin A, D3, E, K, Thiamin, Riboflavine, Pyridoxine, Niacianamide, Cacium Pantothenate	Chai	500ml; 1, 2, 3, 5 lít	Thúc đẩy quá trình lột xác, nhanh chóng cứng vỏ sau khi lột; Cung cấp đầy đủ và cân đối các loại vitamin cho tôm.	HCM.TS53-13
376.	Omega-D3	Sorbitol, Acetyl Methionin, Choline Chlorine, Lysine HCl, Betain	Chai	500ml, 5l	Tăng cường chức năng gan, tăng khả năng hấp thu các chất dinh dưỡng, kích thích thèm ăn, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn của tôm, cá.	HCM.TS53-14
377.	Hepamin	Sorbitol, Vitamin B12,	Chai	1 lít, 5 lít	Tăng cường chức năng gan, tăng khả	HCM.TS53-15

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
		Riboflavine, Acetyl Methionin, Choline chloride, Lysine HCl, Betain			năng hấp thu các chất dinh dưỡng, kích thích thèm ăn, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn của tôm, cá.	
378.	S-Gold	Lactobacillus Acidophyllus, Bacillus subtilis, Saccharomyces cerevisiae, Saccharomyces bulardii	Chai, can	500ml; 1, 2, 3, 4, 5, 10, 25 lít	Phòng bệnh đường ruột; khôi phục hệ vi sinh vật có ích trong đường ruột; tăng cường khả năng tiêu hóa và hấp thụ dinh dưỡng của tôm cá.	HCM.TS53-16

24. CÔNG TY TNHH TM&SX THUỐC THÚ Y ANPHA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
379.	IMEKANA	Sulfadimidin (Sodium), Trimethoprim	Túi	50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 15, 20kg	Trị bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>P.Fluorescens</i> , <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây bệnh trên cá tra, basa và trên cá nuôi nước ngọt (đốm đỏ, phù mắt, đốm trắng gan thận, bệnh trắng da) . Ngừng sử dụng thuốc 12 ngày trước thu hoạch.	HCM.TS59-1
380.	AL-DOXY	Doxycycline base	Gói, lon	50, 100, 200, 250, 400, 500g, 1, 5, 10, 20, 25kg	Điều trị bệnh đỏ thân trên tôm hùm gây ra bởi vi khuẩn <i>Vibrio alginolyticus</i> . Ngừng sử dụng thuốc 4 tuần trước khi thu hoạch.	HCM.TS59-2

24. CÔNG TY TNHH SX VÀ TM SÔNG CHÂU

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
381.	SC.SACTO	Bacillus subtilis, Lactobacillus acidophulus	Chai, can	500ml; 1; 5; 10 L	Bổ sung vi khuẩn có lợi giúp tôm cá tiêu hóa, hấp thụ tốt thức ăn	HCM.TS60-1
382.	SC. IODINE	PVP Iodine	Chai, can	500ml; 1, 2, 5 L	Diệt khuẩn trong môi trường nước ao nuôi tôm cá	HCM.TS60-3

26. CÔNG TY TNHH SX-TM MEBIPHA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
383.	MEBI – IODINE	PVP Iodine	Chai, can	10; 20; 50; 100; 250; 500ml ; 1; 5; 10 lít	Sát trùng diệt khuẩn, nguyên sinh động vật, làm sạch nguồn nước ao nuôi thủy sản .	HCM.TS61-1
384.	MEBI-SULTRIM	Trimethoprime, Sulphamethoxazol	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 250;500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm; Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas, (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	HCM.TS61-2
385.	CEFTI ONE	Erythromycine	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 250;500g; 1; 2; 5; 10kg	Điều trị bệnh xuất huyết, gan , thận mũ của cá tra	HCM.TS61-3
386.	GENTAMOX AC	Amoxillin Trihydrate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 250;500g; 1; 2; 5; 10kg	Điều trị bệnh xuất huyết do Aeromonas hydrophila gây bệnh cho cá tra	HCM.TS61-4
387.	MEBI – FLOR 20%	Florfenicol	Chai, can	10; 20; 50; 100; 250; 500ml ; 1; 5; 10 lít	Điều trị bệnh xuất huyết đường ruột chủ yếu do vi khuẩn Edwardsiella ictaluri gây ra trên cá tra và cá ba sa.	HCM.TS61-5
388.	MEBI – FLOR 40%	Florfenicol	Chai, can	10; 20; 50; 100; 250; 500ml ; 1; 5; 10 lít	Điều trị bệnh xuất huyết đường ruột chủ yếu do vi khuẩn Edwardsiella ictaluri gây ra trên cá tra và cá ba sa.	HCM.TS61-6
389.	DOXY	Doxycycline	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 250;500g; 1; 2; 5; 10kg	Điều trị bệnh đỏ thân trên tôm ,cá đặc biệt là tôm hùm gây ra bởi vi khuẩn Vibrio alginolyticus.	HCM.TS61-7
390.	PRAZI – ONE	Praziquantel	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 250;500g; 1; 2; 5; 10kg	Điều trị nội ngoại, ký sinh trùng trên cá, tôm	HCM.TS61-8
391.	MEBI-FENSOL	Levamisol	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 250;500g; 1; 2; 5; 10kg	Diệt các loại nội ký sinh trùng ở cá như giun tròn, đường ruột trong ống mật.	HCM.TS61-9
392.	SIÊU TIỆT TRÙNG	Chloramin B	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 250;500g; 1; 2; 5; 10kg	Sát trùng diệt khuẩn, nguyên sinh động vật, làm sạch nguồn nước ao nuôi thủy sản	HCM.TS61-10
393.	OXYTETRA 50%	Oxytetracycline	Túi, lon	10; 20; 50; 100;	Trị bệnh đốm đỏ, xuất huyết trên thân,	HCM.TS61-11

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
				250;500g; 1; 2; 5; 10kg	hậu môn sưng đỏ, các vây bị rách trên cá do vi khuẩn <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> và <i>Edwardsiella</i> . Trị các bệnh do vi khuẩn <i>Vibrio</i> gây ra trên tôm.	
394.	MEBI – BKC 80	Benzalkonium chloride	Chai, can	10; 20; 50; 100; 250; 500ml ; 1; 5; 10 lít	Sát trùng diệt khuẩn, nguyên sinh động vật, làm sạch nguồn nước ao nuôi thủy sản	HCM.TS61-12
395.	MEBI – SEPTIC	Alkyl dimethyl benzyl ammonium chloride, Glutaraldehyde	Chai, can	10; 20; 50; 100; 250; 500ml ; 1; 5; 10 lít	Sát trùng diệt khuẩn, nguyên sinh động vật, làm sạch nguồn nước ao nuôi thủy sản	HCM.TS61-13

BÌNH DƯƠNG

1. CÔNG TY LIÊN DOANH TNHH ANOVA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
396.	NOVA-FLOR 500	Florfenicol		50, 100, 250, 300, 500ml; 1lít, 5lít	Trị bệnh nhiễm trùng huyết đường ruột do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> trên cá tra, ba sa. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	BD.TS1-1
397.	SILVA 54	Sulfadiazine sodium, Trimethoprim		50ml, 100ml, 250ml, 300ml, 500ml, 1lít, 2lít, 5lít, 10lít, 20lít	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn <i>Vibrio</i> trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> như: đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết...trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	BD.TS1-2
398.	C Fin	Vitamin E, C.	Gói, hộp, túi, bao	10, 20, 50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25kg	Chống stress do thời tiết thay đổi, tăng cường sức đề kháng	BD.TS1-3
399.	Vitafish	Vitamin C.	Gói, hộp, túi, bao	10, 20, 50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25kg	Chống stress, tăng cường sức đề kháng	BD.TS1-4
400.	Avamin	Vitamin A,D3,E,C,K3, Vitamin nhóm B; Biotin,	Gói, hộp, túi,	10, 20, 50, 100, 500g; 1, 2, 5,	Tăng sức đề kháng, chống sốc khi môi trường xấu hoặc thời tiết thay đổi; thúc	BD.TS1-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
		Folic acid, Pantothenic acid, Inositol, Ca	bao	10, 20, 25kg	đẩy lột và tái tạo vỏ nhanh	
401.	Sovirin	Sorbitol, Inositol, biotin, vitamin A, B ₁ , B ₂ , B ₆ , B ₁₂ , C, D ₃	Gói, hộp, túi, bao	10, 20, 50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25kg	Tăng hiệu quả tiêu hoá và hấp thu thức ăn, giúp cá luôn khoẻ mạnh, tăng sức đề kháng và tăng trưởng nhanh.	BD.TS1-6
402.	Vitsorin	Sorbitol, Inositol, Potassium Chloride, Calcium Lactate, vitamin B ₁ , C, E, Beta-Glucanase-1-3-D-Glucan	Gói, hộp, túi, bao	10, 20, 50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25kg	Chống stress và chống sock cho tôm trong quá trình nuôi; gia tăng sức đề kháng	BD.TS1-7
403.	Sorbimin	Sorbitol, Inositol, Biotin, Folic acid, Pantothenic acid, vitamin A, C, B ₁ , B ₆ , B ₁₂ , D ₃ , E	Gói, hộp, túi, bao	10, 20, 50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25kg	Tăng hiệu quả tiêu hoá và hấp thu thức ăn; giúp cá luôn khoẻ mạnh, tăng sức đề kháng và tăng trưởng nhanh.	BD.TS1-8
404.	Betamin	Vitamin A, D ₃ , E, C, K ₃ , Vitamin nhóm B; Biotin, Folic acid, Pantothenic acid, Inositol, Ca.	Gói, hộp, túi, bao	10, 20, 50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25kg	Tăng cường sức đề kháng, chống sốc khi môi trường xấu hoặc thời tiết thay đổi; cung cấp các chất dinh dưỡng cần thiết giúp tôm, cá lớn nhanh, khoẻ mạnh.	BD.TS1-9
405.	Cotrimin	Sulfadiazine Sodium, Trimethoprim	Chai, lọ, can	50, 100, 250, 300, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20lít	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn <i>Vibrio</i> trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> như: đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	BD.TS1-10
406.	NOVA-FLOR 5000	Florfenicol	Chai, lọ, can	50; 100; 250; 300; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20 lít	Trị bệnh nhiễm trùng huyết đường ruột do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> trên cá tra, ba sa. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	BD.TS1-11
407.	FLOR 2000	Florfenicol	Chai, lọ, can	50; 100; 250; 300; 500ml; 1; 5 lít	Trị bệnh nhiễm trùng huyết đường ruột do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> trên cá tra, ba sa. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	BD.TS1-12

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
408.	Nova-Oxytetra 500	Oxytetracycline HCl	Gói, hộp, túi, bao	10, 20, 50, 100, 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn xuất huyết do vi khuẩn <i>Aeromonas</i> và <i>Pseudomonas</i> gây ra trên cá Tra. Trị bệnh sứa trên tôm hùm	BD.TS1-13
409.	Nova-Praziquantel	Praziquantel	Gói, hộp, túi, bao	10, 20, 50, 100, 500g; 1; 5; 10kg	Điều trị sán đơn chủ, sán lá gan, sán dây trên cá nuôi.	BD.TS1-14
410.	Nova-Sultrim 240	Sulfadimethoxine, Trimethoprim	Gói, hộp, túi, bao	10, 20, 50, 100, 500g; 1; 5; 10kg	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> Sp, <i>Pseudomonas fluorescen</i> , <i>Edwardsiella tarda</i> (với triệu chứng đốm đỏ trên thân, sung đỏ hậu môn) gây ra trên cá nước ngọt. Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn <i>Vibrio</i> gây ra trên tôm.	BD.TS1-15
411.	NOVA-FLORFENICOL 50%	Florfenicol	gói ; bao	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg, 5kg; 10kg.	Trị bệnh nhiễm trùng huyết đường ruột do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> thường gặp trên cá tra, cá basa. Ngưng sử dụng 12 ngày trước khi thu hoạch	BD.TS1-16
412.	FLOR 500 FOR FISH	Florfenicol	gói ; bao	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg, 5kg; 10kg.	Trị bệnh nhiễm trùng huyết đường ruột do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> thường gặp trên cá tra, cá basa. Ngưng sử dụng 12 ngày trước khi thu hoạch	BD.TS1-17
413.	NOVA-DOXY 50%	Doxycycline	gói ; bao	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg, 5kg; 10kg.	Phòng và trị bệnh đỏ thân trên tôm hùm gây ra bởi vi khuẩn <i>Vibrio alginolyticus</i> . Ngưng sử dụng 28 ngày trước khi thu hoạch	BD.TS1-18
414.	NOVA-AMOX 50%	Amoxicicllin Trihydrate	gói ; bao	10g, 20g, 50g, 100g, 500g, 1kg, 5kg; 10kg.	Điều trị bệnh xuất huyết do vi khuẩn <i>Aeromonas hydrophilla</i> gây bệnh trên cá tra. Ngưng sử dụng 7 ngày trước khi thu hoạch	BD.TS1-19

2. CÔNG TY TNHH TM & SX THUỐC THÚ Y SAPHA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
415.	Safa-Oxy Sol	Oxytetracycline	Chai, can	100ml, 500ml, 1lít, 2lít, 5lít.	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn <i>Vibrio</i> trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> , <i>Edwardsiella</i>	BD.TS4-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
					(đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt; Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	
416.	Safa-Têcôli Sol (Dạng dung dịch)	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Chai, can	20ml, 50ml, 100ml, 200ml, 500ml, 1lít.	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn <i>Vibrio</i> trên tôm; Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> , (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt; Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	BD.TS4-2
417.	Safa-Fenisol (Dạng dung dịch)	Florfenicol	Chai, can	100ml, 500ml, 1lít, 2lít, 5lít.	Trị bệnh nhiễm trùng huyết đường ruột do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> trên cá tra, ba sa. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	BD.TS4-3
418.	Safa-diasol (Dạng dung dịch)	Sulfadiazin, Trimethoprim	Chai, can	100ml, 500ml, 1lít, 2lít, 5lít.	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn <i>Vibrio</i> trên tôm; Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> , (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt; Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	BD.TS4-4
419.	Safa-Dimisol (Dạng dung dịch)	Sulfadimidin, Trimethoprim	Chai, can	100ml, 500ml, 1lít, 2lít, 5lít.	Trị bệnh phát sáng do <i>Vibrio</i> gây ra trên ấu trùng tôm; trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn <i>Aeromonas sp.</i> , <i>Pseudomonas fluorescens</i> , <i>Edwardsiella tarda</i> gây ra trên cá nước ngọt (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết). Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch	BD.TS4-5
420.	Safa-Têcôli (Dạng gram)	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Gói, hộp	5, 50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 15kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn <i>Vibrio</i> trên tôm; Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> , (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt; Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	BD.TS4-6
421.	Safa-Fenicol (Dạng gram)	Florfenicol	Gói, hộp	5, 50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 15kg	Trị bệnh nhiễm trùng huyết đường ruột do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> trên cá tra, ba sa. Ngừng sử dụng 12 ngày trước	BD.TS4-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
					thu hoạch.	
422.	Safa-diazin (Dạng gram)	Sulfadiazine: 100g, Trimethoprim: 20g	Gói, hộp	5, 50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 15kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn <i>Vibrio</i> trên tôm; Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas, Pseudomonas</i> , (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt; Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	BD.TS4-8
423.	Safa-Dimidin (Dạng gram)	Sulfadimidin: 100g, Trimethoprim: 20g	Gói, hộp	5, 50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 15kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn <i>Vibrio</i> trên tôm; Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas, Pseudomonas</i> , (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt; Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	BD.TS4-9
424.	LACTIZYM	<i>Lactobacillus acidophilus</i>	Gói, hộp	100, 500g; 1, 2, 5, 10, 15kg	Kích thích tiêu hoá, giúp tôm cá hấp thu tốt thức ăn	BD.TS4-10
425.	VITA C	Vitamin C	Gói, hộp	100, 500g; 1, 2, 5, 10, 15kg	Tăng cường sức đề kháng, chống stress	BD.TS4-11
426.	ESEL	Vitamin E, Selenium chelate	Gói, hộp	100, 500g; 1, 2, 5, 10, 15kg	Nuôi vỗ tôm cá bố mẹ, giúp trứng phát triển tốt, tỷ lệ thụ tinh cao,	BD.TS4-12
427.	MF Super	Vitamin B1, B2, B6	Gói, hộp	100, 500g; 1, 2, 5, 10, 15kg	Bổ sung vitamin nhóm B cần thiết cho tôm, cá, giúp tôm, cá ham ăn chóng lớn	BD.TS4-13
428.	VITA C 50% - BẠC HÀ	Vitamin C	Gói, hộp	5, 10, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 15kg	Tăng cường sức đề kháng trong các trường hợp tôm cá bị sốc do vận chuyển, giúp tôm cá nhanh chóng thích nghi với môi trường khi thời tiết thay đổi hay nguồn nước bị nhiễm bẩn.	BD.TS4-14
429.	Safa C-Sol	Vitamin C	Chai, can	100ml, 500ml, 1lít, 2lít, 5lít	Tăng cường sức đề kháng trong các trường hợp tôm, cá bị sốc do môi trường khi thời tiết thay đổi hay nguồn nước bị nhiễm bẩn.	BD.TS4-15
430.	Safa-Lactisol	<i>Lactobacillus acidophilus</i>	Chai, can	50, 100, 500ml, 1, 2, 5lít	Kích thích tiêu hoá, giúp tôm, cá hấp thu tốt thức ăn.	BD.TS4-16

3. CÔNG TY TNHH THUỐC THỦ Y – THỦY SẢN MINH DŨNG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
431.	MD Florfenicol 300	Florfenicol	Chai, can	100ml, 250ml, 500ml, 1 lít, 5 lít, 10lít	Điều trị xuất huyết đường ruột cá do vi khuẩn Edwardsiella ictaluri gây ra. Ngưng sử dụng 12 ngày trước khi thu hoạch	BD.TS5-1
432.	MD C Sol 207	Vitamin C, citric acid	Gói, hộp, bao	10, 20, 50, 100, 500g, 1, 5, 10, 25kg	Tăng sức đề kháng cho cá, chống stress, kích thích tiêu hoá tốt.	BD.TS5-2
433.	MD Vitacalcium	Vitamin A, D3, E, Biotin, Phosphorous, calcium, Zinc	Gói, hộp, bao	10, 20, 50, 100, 500g, 1, 5, 10, 25kg	Giúp tôm, cá mau lớn, đẩy nhanh quá trình lột vỏ, vỏ mau cứng, dày, bóng sau khi lột xác	BD.TS5-3
434.	MD Selen E.W.S	Vitamin E, Sodium selenite	Gói, hộp, bao	10, 20, 50, 100, 500g, 1, 5, 10, 25kg	Giúp tăng sản lượng đẻ trứng ở cá. Cá ương đạt tỷ lệ cao hơn, giảm hao hụt	BD.TS5-4
435.	MD Bio Calcium	Biotin, Vitamin A, D3, Calcium Pantothenate, Inositol, Calcium Gluconate	Gói, hộp, bao	10, 20, 50, 100, 500g, 1, 5, 10, 25kg	Thúc đẩy quá trình lột vỏ ở tôm và giúp mau cứng vỏ sau khi lột.	BD.TS5-5
436.	MD Sorbitol + B12	Sorbitol, vitamin B12	Gói, hộp, bao	10, 20, 50, 100, 500g, 1, 5, 10, 25kg	Tăng sức đề kháng	BD.TS5-6
437.	MD Bio Baciplus	<i>Saccharomyces cerevisiae, Lactobacillus acidophilus, Bacillus subtilis, Aspergillus oryzae, Vitamin C, Methionine</i>	Gói, hộp, bao	10, 20, 50, 100, 500g, 1, 5, 10, 25kg	Tạo vi sinh đường ruột có lợi. Chuyển đổi thức ăn tốt hơn. Tăng sức đề kháng, chống stress.	BD.TS5-7
438.	MDBio Lizym	<i>Bacillus subtilis, Saccharomyces cerevisiae, Amylase, -Glucanase</i>	Gói, hộp, bao	10, 20, 50, 100, 500g, 1, 5, 10, 25kg	Giúp cá tiêu hóa tốt thức ăn, giảm tỷ lệ tiêu tốn thức ăn. Tăng vi khuẩn có lợi đường ruột.	BD.TS5-8
439.	MD Bioenzyme 702	<i>Bacillus subtilis, Amylase, -Glucanase, Cellulase</i>	Gói, hộp, bao	10, 20, 50, 100, 500g, 1, 5, 10, 25kg	Cung cấp men tiêu hóa giúp cá tiêu hóa tốt	BD.TS5-9

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
440.	MD Oxytetracycline 200	Oxytetracycline	Chai, can	100ml, 500ml, 1lít, 5lít, 10lít	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> , <i>Edwardsiella</i> (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết, ...) trên cá nuôi nước ngọt	BD.TS5-10
441.	MD Sulphaprime 120	Sulphamethoxazole, Trimethoprim	Gói, hộp, bao	10, 20, 50, 100, 500g, 1, 5, 10, 25kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm; Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> , (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt	BD.TS5-11
442.	MD Vita C	Vitamin C	Gói, hộp, bao	10, 20, 50, 100, 500g, 1, 5, 10, 25kg	Nâng cao sức đề kháng, tăng khả năng chịu đựng stress	BD.TS5-12
443.	MD BKC 80	Benzalkonium chloride	Chai, can	100, 500ml; 1, 5, 10 lít	Diệt các loại vi khuẩn, vi sinh động vật, nấm trong nước ao nuôi. Sát trùng dụng cụ nuôi, bể ương.	BD.TS5-13
444.	MD Midol	N-Sodium-N-Chloro-paratoluene sulphonamide	Bao, gói, hộp	10, 20, 50, 100, 500g; 1, 5, 10, 25kg	Sát trùng nguồn nước, sát trùng dụng cụ, nhà xưởng dùng trong nuôi trồng thủy sản.	BD.TS5-14
445.	MD Pomidine 300	1-vinyl-2-pyrrolidinone polymers, Iodine complex	Chai, can	100, 120, 200, 500ml; 1, 5, 10lít	Diệt khuẩn, vi sinh động vật trong nước ao nuôi, sát trùng dụng cụ nuôi tôm cá.	BD.TS5-15
446.	MD Super Aquadine	1-vinyl-2- pyrrolidinone polymers, iodine complex	Chai	100, 500ml, 1, 5, 10 lít	Diệt khuẩn, vi sinh động vật trong nước ao nuôi, sát trùng dụng cụ nuôi tôm cá.	BD.TS5-16
447.	MD Oxide A.D.C	N-Akyldimethyl belzyl ammonium chloride, Glutaraldehyde	Chai, can	100, 250ml; 1 lít, 5 lít	Diệt các loại vi khuẩn, nấm, vi sinh động vật trong nước ao nuôi. Sát trùng dụng cụ dùng trong nuôi trồng thủy sản.	BD.TS5-17
448.	MD Protect	1,5 Pentanedial	Chai, can	100ml, 250ml, 1 lít, 5 lít	Diệt các loại vi khuẩn, nấm, vi sinh động vật trong nước ao nuôi tôm cá.	BD.TS5-19
449.	MD BIO CALCI PHOS	Calcium gluconate, DCP, Vitamin A, D3, E, C, B1, B6, B12, Biotin, Bacillus subtilis.	Bao, gói, hộp	10, 20, 50, 100, 500g, 1, 5, 10, 25kg	Cung cấp calcium phospho và Bacillus subtilis cho tôm, cá	BD.TS5-24

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
450.	MD MIX 30	Vitamin A, D3, E, Cholin chloride, Vitamin B5, B1, B2, B6, K3, Folic acid, Biotin. Dibasic calcium phosphat, Sắt sulfate, Kẽm oxide, Mangan sulfate, Sodium selenite.	Bao, gói, hộp	10, 20, 50, 100, 500g, 1, 5, 10, 25kg	Cung cấp vitamin và khoáng chất giúp tôm cá phát triển tốt, chống còi mau lớn, đạt tỉ lệ nuôi sống cao.	BD.TS5-25
451.	MD VITAMIN C 125	Vitamin C, Acid citric.	Bao, gói, hộp	10, 20, 50, 100, 500g, 1, 5, 10, 25kg	Cung cấp vitamin C, giúp tăng cường sức đề kháng cho tôm, cá.	BD.TS5-26
452.	MD SORLYME 9019	Sorbitol, Methionine, Lysine.	Bao, gói, hộp	10, 20, 50, 100, 500g, 1, 5, 10, 25kg	Cung cấp acid amin thiết yếu và sorbitol chất cần thiết cho tôm-cá, giúp cho tôm-cá ăn nhiều, mau lớn, giải độc gan.	BD.TS5-27
453.	VITA MD	Vitamin A, D3, E, K3, B1, B2, B6, Niacinamide, Folic acid, Vitamin C, B12, Calcium Pantothenate.	Bao, gói, hộp	10, 20, 50, 100, 500g, 1, 5, 10, 25kg	Cung cấp các Vitamin cần thiết giúp tôm cá phát triển, chống còi, tăng sức đề kháng.	BD.TS5-28
454.	MD PONOVIDA	Vitamin A, D3, E, K3, B2, B6, B12, D-Panthenol, Taurine, Inositol.	Chai, can	100ml, 250ml, 1lit, 5 lit.	Cung cấp Vitamin tổng hợp cho tôm cá, giúp tăng cường sức đề kháng	BD.TS5-29

4. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ANVET

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
455.	FLODOX	Florfenicol	Gói, hộp	100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng huyết đường ruột trên cá Tra, Basa do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây ra. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	BD.TS6-1
456.	Vita C	Vitamin C	Gói	100, 500g, 1kg	Tăng cường sức đề kháng, giảm stress	BD.TS6-2
457.	B.K.C	Benzalkonium chloride	Chai, Can	60, 120, 250, 500ml, 1; 2; 5	Khử trùng nguồn nước, cải thiện môi trường nước nuôi, sát trùng bề ương và	BD.TS6-3

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
				lít	vệ sinh dụng cụ nuôi trồng thủy sản.	
458.	EXTRADIN	Povidon Iodine	Chai, can	60, 120, 250, 500ml, 1; 2; 5 lít	Khử trùng nguồn nước, sát trùng bề ương và vệ sinh dụng cụ nuôi trồng thủy sản.	BD.TS6-4
459.	BENCID	Glutaraldehyde Alkyl Dimethyl Benzyl Ammonium Chloride	Chai, Can	60, 120, 250, 500ml, 1; 2; 5 lít	Diệt các loại vi khuẩn, nấm, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi. Sát trùng dụng cụ dùng trong nuôi trồng thủy sản.	BD.TS6-6
460.	FLOR - AQUA	Florfenicol	Chai, Can	60, 120, 250, 500ml, 1; 2; 5 lít	Đặc trị nhiễm trùng đường ruột trên cá da trơn (cá tra, cá basa) do vi khuẩn Edwardsiella gây ra với các dấu hiệu như gan, thận, lách có mũ đỏ	BD.TS6-8
461.	DOXYL	Doxycycline	Gói, hộp	100g; 250g, 500g; 1 kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Điều trị bệnh đỏ thân trên tôm hùm gây ra bởi vi khuẩn Vibrio alginolyticus.	BD.TS6-9
462.	BUTYFOS	1-(Butylamino)-1-methylethyl]-phosphonic acid, Vitamin B ₁₂	Chai, Can	60, 120, 250, 500ml, 1; 2; 5 lít	Tăng cường quá trình trao đổi chất, hỗ trợ quá trình sinh trưởng của tôm, cá.	BD.TS6-10
463.	BIOCID PRO	Citric acid, Lactic acid, Formic acid, Methionine, Vitamin B ₁ , Vitamin B ₅ , Vitamin B ₆	Chai, Can	60,120, 250, 500, 1; 2 ; 5 lít	Làm giảm pH đường ruột, ức chế sự phát triển của các loại vi khuẩn gây bệnh	BD.TS6-11
464.	FOSBITOL	Thiamin, methionine, sorbitol	Gói, hộp	100g; 250g, 500g; 1 kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Tăng khả năng hấp thu các chất dinh dưỡng, kích thích thèm ăn, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn. Tăng cường chức năng gan, giải độc gan.	BD.TS6-12

CẦN THƠ

1. CÔNG TY CP SẢN XUẤT KINH DOANH VẬT TƯ VÀ THUỐC THÚ Y VEMEDIM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
465.	Prozyme for fish	Vitamin A, D3, E, K3	Gói, hộp, Bao, xô	50, 100,150, 200, 250, 500g;1, 2, 3,	Bổ sung vitamin cần thiết cho sự tiêu hoá và tăng trọng cho cá	CT.TS1-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
				5,10, 12, 14, 15, 18, 20, 25Kg		
466.	Vemevit N₀9	Vitamin A, D3, E, K3, B1, B2, B6	Gói, hộp, Bao, xô	50, 100,150, 200, 250, 500g;1, 2, 3, 5,10, 12, 14, 15, 18, 20, 25Kg	Bổ sung vitamin cho cá	CT.TS1-2
467.	Vemevit S₀8 –100 (Vemevit N₀8)	Vitamin A, D3, E, K3, B1, B2, B6, H, C, Polyphosphate	Gói, hộp, Bao, xô	50, 100,150, 200, 250, 500g;1, 2, 3, 5,10, 12, 14, 15, 18, 20, 25Kg	Bổ sung vitamin và khoáng cho tôm	CT.TS1-3
468.	Vime-Sitol	Inositol, Vitamin C coated	Gói, hộp, Bao, xô	50, 100,150, 200, 250, 500g; 1, 2, 3, 5,10, 12, 14, 15, 18, 20, 25Kg	Cung cấp vitamin cần thiết	CT.TS1-4
469.	Milk for shrimp	Vitamin A, D3, E, B1, B6, PP	Gói, hộp, Bao, xô	50, 100,150, 200, 250, 500g; 1, 2, 3, 5,10, 12, 14, 15, 18, 20, 25Kg	Bổ sung vitamin, kích thích tôm mau lớn	CT.TS1-5
470.	Vime-6-Way	Protease,Amylase, Cellulase, Lipase	Gói, hộp, Bao, xô	50, 100,150, 200, 250, 500g; 1, 2, 3, 5,10, 12, 14, 15, 18, 20, 25Kg	Kích thích tiêu hoá, giúp cá tăng trưởng nhanh	CT.TS1-6
471.	Vime-Liverol	Methionine, Vitamin C, Thiamin	Chai, can	120, 200, 250, 500ml; 1, 2, 3, 4, 5, 10, 20 lít	Cung cấp dinh dưỡng, tăng sức đề kháng.	CT.TS1-7
472.	Vime-Fenfish	Florfenicol	Chai, can	120, 200, 250, 500ml; 1, 2, 3, 4, 5, 10, 20 lít	Trị bệnh nhiễm trùng huyết đường ruột do vi khuẩn Edwardsiella ictaluri trên cá tra, ba sa. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	CT.TS1-8

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
473.	Antired	Sulfadiazine sodium, Trimethoprim	Gói, hộp, Bao, xô	50, 100,150, 200, 250, 500g; 1, 2, 3, 5,10, 12, 14, 15, 18, 20, 25Kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm; Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas, (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt; Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	CT.TS1-9
474.	Trimesul	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Gói, hộp, Bao, xô	50, 100,150, 200, 250, 500g; 1, 2, 3, 5,10, 12, 14, 15, 18, 20, 25Kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm; Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas, (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt; Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	CT.TS1-10
475.	Vime® - Bitech	<i>Lactobacillus acidophilus, Bacillus subtilis, Saccharomyces cerevisiae</i> , Protease, Amylase, Cellulase, Lipase, Pectinase	Gói, hộp, Bao, xô	50, 100,150, 200, 250, 500g; 1, 2, 3, 5,10, 12, 14, 15, 18, 20, 25Kg	Bổ sung dưỡng chất, cung cấp vi sinh vật có lợi trong đường ruột hỗ trợ tiêu hóa và hấp thu thức ăn cho tôm cá	CT.TS1-11
476.	Vime®-Bactevit	<i>Saccharomyces cerevisiae, Lactobacillus acidophilus, Aspergillus oryzae, Bacillus subtilis</i> , Vitamin A, Vitamin D ₃ , Vitamin E, Vitamin C, Cholin	Gói, hộp, Bao, xô	50, 100,150, 200, 250, 500g; 1, 2, 3, 5,10, 12, 14, 15, 18, 20, 25Kg	Cung cấp vitamin, axit amin và vi sinh vật có lợi hỗ trợ tiêu hóa thức ăn cho tôm cá.	CT.TS1-12
477.	Nutrition for Shrimp	Calcium gluconate, Vitamin A, D ₃ , E, B12, B ₆ , PP	Chai, can	120, 200, 250, 500ml; 1, 2, 3, 4, 5, 10, 20 lít	Cung cấp canxi và vitamin giúp thúc đẩy quá trình lột xác ở tôm, nâng cao khả năng chuyển hóa thức ăn.	CT.TS1-13
478.	Vitamin C Anti Stress	Acid Citric, Vitamin C	Gói, hộp, Bao, xô	50, 100,150, 200, 250, 500g; 1, 2, 3, 5,10, 12, 14, 15, 18, 20, 25Kg	Nâng cao sức đề kháng, tăng sức chịu đựng stress cho tôm cá	CT.TS1-14
479.	B.Complex SF	Vitamin B1, B2, B6, PP, B5	Gói, hộp,	50, 100,150, 200, 250,	Cung cấp vitamin nhóm B, nâng cao khả năng chuyển hóa thức ăn	CT.TS1-15

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
			Bao, xô	500g; 1, 2, 3, 5, 10, 12, 14, 15, 18, 20, 25Kg		
480.	Ampicol Fish	Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, C, Calpan, Glucose-6-phosphate, Fructosen 1-6 diphosphate	Gói, hộp, Bao, xô	50, 100, 150, 200, 250, 500g; 1, 2, 3, 5, 10, 12, 14, 15, 18, 20, 25Kg	Thúc đẩy quá trình lột xác ở tôm, tăng sức đề kháng, tăng khả năng chịu đựng stress. Nâng cao khả năng chuyển hóa thức ăn.	CT.TS1-16
481.	Vime® – Glucan	Beta-Glucanase, Protease, Amylase, Cellulase, Lipase, Pectinase	Gói, hộp, Bao, xô	50, 100, 150, 200, 250, 500g; 1, 2, 3, 5, 10, 12, 14, 15, 18, 20, 25Kg	Cung cấp các loại enzyme giúp cá tiêu hóa, hấp thu thức ăn	CT.TS1-17
482.	Prozyme for shrimp	Vitamin A, D3, E, K3, C, Protease, Amylase, Cellulase, Lipase, Pectinase, CaCO ₃	Gói, hộp, Bao, xô	50, 100, 150, 200, 250, 500g; 1, 2, 3, 5, 10, 12, 14, 15, 18, 20, 25Kg	Cung cấp các loại vitamin cần thiết cho tôm và các loại enzyme giúp tiêu hóa và hấp thu tốt thức ăn.	CT.TS1-18
483.	Vime®- Compozyme	Vitamin A, D ₃ , E, K ₃ , C, Protease, Amylase, Cellulase, Lipase, Pectinase	Gói, hộp, Bao, xô	50, 100, 150, 200, 250, 500g; 1, 2, 3, 5, 10, 12, 14, 15, 18, 20, 25Kg	Cung cấp các vitamin cần thiết cho tôm cá và các loại enzyme giúp tiêu hóa và hấp thu tốt thức ăn.	CT.TS1-19
484.	Vime-Clean	Praziquantel, Crude Protein, Fat and Fiber	Gói, hộp, Bao, xô	50, 100, 150, 200, 250, 500g; 1, 2, 3, 5, 10, 12, 14, 15, 18, 20, 25Kg	Trị ngoại ký sinh trùng: sán lá đơn chủ, rận cá. Trị nội ký sinh trùng: sán lá gan, sán dây.	CT.TS1-20
485.	Vime-Fenfish 2000	Florfenicol	Chai, can	120, 200, 250, 500ml; 1, 2, 3, 4, 5, 10, 20 lít	Trị bệnh nhiễm trùng huyết đường ruột do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây ra trên cá tra, cá basa. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	CT.TS1-21
486.	BKC 80%	Alkyldimethyl ammonium chloride 80%	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500 ml; 1, 5, 10,	Diệt các loại vi khuẩn, nguyên sinh động vật, nấm trong nước ao nuôi. Sát trùng dụng cụ nuôi, bể ương.	CT.TS1-24

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
				20lit		
487.	Disina	Poly Oxopyrrolidin Ethylene compounds Iodine vinyl pyrrolidin	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500 ml; 1, 5, 10, 20lit	Diệt các loại vi khuẩn, nấm, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi. Sát trùng dụng cụ dùng trong nuôi trồng thủy sản.	CT.TS1-28
488.	Disina new	Glutaraldehyde, Benzalkonium chloride	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500 ml; 1, 5, 10, 20lit	Diệt các loại vi khuẩn, nấm, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi. Sát trùng dụng cụ dùng trong nuôi trồng thủy sản.	CT.TS1-29
489.	Protectol	1,5 Pentanedial	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500 ml; 1, 5, 10, 20lit	Diệt các loại vi nấm, nguyên sinh động vật trong môi trường nước nuôi tôm, cá.	CT.TS1-31
490.	Vime-Bacillus	Bacillus subtilis, Bacillus licheniformis, Bacillus megaterium, Bacillus polymyxa	Gói, hộp, Xô, bao	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1, 2, 3, 5, 10, 12, 14, 15, 18, 20, 25, 50kg.	Phân hủy xác thực vật, động vật, thức ăn dư thừa và các chất hữu cơ trong môi trường nước.	CT.TS1-33
491.	Vime-Clot	Chloramin T	Gói, hộp, Xô, bao	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1, 2, 3, 5, 10, 12, 14, 15, 18, 20, 25, 50kg.	Sát trùng nguồn nước, sát trùng dụng cụ, nhà xưởng dùng trong nuôi trồng thủy sản.	CT.TS1-34
492.	Vime-Iodine	Iodine vinyl pyrrolidin	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500 ml; 1, 5, 10, 20lit	Diệt nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi, sát trùng dụng cụ nuôi tôm cá.	CT.TS1-35
493.	Vimekon	Potassium monopersulphate triple salt (2KHSO ₅ .KHSO ₄ .K ₂ SO ₄), Sodium dodecyl benzene sulfonate,	Gói, hộp, Xô, bao	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1, 2, 3, 5, 10, 12, 14, 15, 18, 20, 25, 50kg.	Sát trùng nguồn nước nuôi.	CT.TS1-36

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
		Sodium hexametaphosphate, Malic acid				
494.	Vime-Protex	1,5-Pentanedial (Glutaraldehyde), Alkyldimethylbenzylamoni um chloride	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500 ml; 1, 5, 10, 20lit	Diệt các loại vi khuẩn, nấm, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi. Sát trùng dụng cụ dùng trong nuôi trồng thủy sản.	CT.TS1-37
495.	Fresh water	<i>Chlorogenium</i>	Gói, hộp, xô, bao	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g; 1, 2, 3, 5, 10, 12, 14, 15, 18, 20, 25, 50kg.	Sát trùng nguồn nước nuôi trồng thủy sản	CT.TS1-40
496.	Gây màu nước (Green water)	Monopotassium phosphate, Potassium nitrate, Sắt (Fe) Kẽm (Zn), Mangan (Mn), Magnesium (Mg), Vitamin B ₁ , B ₂ , B ₆ , B ₁₂	Gói, hộp Xô, bao	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1, 2, 3, 5, 10, 12, 14, 15, 18, 20, 25, 50kg.	Bổ sung khoáng; gây màu nước ao nuôi thủy sản, giúp tảo phát triển	CT.TS1-41
497.	Diệt cá tạp (Rotenone)	Rotenone	Gói, hộp, bao, xô	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g; 1, 2, 3, 5, 10, 12, 14, 15, 18, 20, 25, 50Kg	Diệt các loại cá tạp trong ao trước khi thả tôm và cá ao đang nuôi tôm; kích thích tôm lột xác	CT.TS1-42

2. CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y Á CHÂU

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
498.	Cotrym fort	Trimethoprim, Sulfamethoxazol	Gói, hộp	100, 200, 400, 500g; 1, 2kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn <i>Vibrio</i> trên tôm; Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> , (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	CT.TS2-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
499.	Oxytetracyclin 50%	Oxytetracyclin HCl 50%	Gói, hộp	100, 500g; 1kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> , <i>Edwardsiella</i> (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	CT.TS2-2
500.	BIOLAC	<i>Saccharomyces cerevisiae</i> , <i>Lactobacillus acidophilus</i> , <i>Bacillus subtilis</i>	Gói	100, 200, 250, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Nâng cao sức đề kháng. Giúp tiêu hóa tốt thức ăn	CT.TS2-3
501.	Cacium-C	Vitamin C, Canxigluconate	Gói, hộp	100, 200, 250, 400, 500, 800g; 1, 2, 5, 10kg	Nâng cao sức đề kháng. Tăng khả năng chịu đựng stress	CT.TS2-4
502.	VITEC	Vitamin C, E	Chai, lọ	250, 500g; 1, 5kg	Nâng cao sức đề kháng. Tăng khả năng chịu đựng stress.	CT.TS2-5
503.	ADE	Vitamin D3, C,E	Gói	100, 200, 250, 400, 500, 800g; 1, 2, 5kg	Tăng sức đề kháng, giảm stress, rút ngắn thời gian lột vỏ ở tôm	CT.TS2-6
504.	C.Mix for shrimp	Acid Ascorbic	Gói, hộp, xô	100, 200, 250, 400, 500g; 1, 5, 10, 20kg	Tăng cường sức đề kháng, giảm stress	CT.TS2-7
505.	C.Mix for fish	Acid Ascorbic	Gói, hộp, xô	100, 200, 250, 400, 500g; 1, 5, 10, 20kg	Tăng cường sức đề kháng, giảm stress	CT.TS2-8
506.	VITAMIN C-TẠT	Vitamin C, Acid citric, Vitamin E, Methionin	Gói	500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Tăng cường sức đề kháng, phòng chống stress cho tôm cá khi thời tiết quá lạnh hay quá nóng, do vận chuyển hay môi trường nước nhiễm bẩn	CT.TS2-9
507.	Florfenicol-33	Florfenicol	Chai, lọ	20, 100, 500ml; 1, 2, 5 lít	Trị các bệnh nhiễm khuẩn đường ruột của cá tra, cá basa do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây ra- Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	CT.TS2-10
508.	Iodine. Complex	1 Vinyl 2 Pirolidone Polimer, Iodine Complex	Chai, lọ	100ml; 1, 2, 5, 10, 20 lít	Diệt vi khuẩn, nấm và động vật nguyên sinh trong nước	CT.TS2-12

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
509.	BKC 80%	Benzalkonium chloride.80%	Chai	100, 200, 250, 500ml; 1, 5, 10lít	Sát trùng nước, cải thiện môi trường nuôi	CT.TS2-13
510.	BKC	Benzalkonium chloride	Chai, lọ	1, 2, 5, 10lít	Sát trùng nước, cải thiện môi trường nuôi	CT.TS2-14
511.	Doxy 20%	Doxycyclin	gói, hộp, thùng	5, 10, 20, 50, 100, 500g, 1, 5,10, 25kg	Điều trị bệnh đỏ thân trên tôm hùm gây ra bởi vi khuẩn <i>Vibrio alginolyticus</i> . Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch	CT.TS2-15
512.	Đốm đỏ	Sulfadizine sodium, trimethoprim	gói, hộp, thùng	5, 10, 20, 50, 100, 500g, 1, 5,10, 25kg	Trị các bệnh phát sáng do vi khuẩn <i>Vibrio</i> trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	CT.TS2-16
513.	Ghẽ Cá	2-bromo-2-nitropropane-1,3-diol	Lọ, Chai	100, 500ml, 1, 5, 25 lít	Phòng và điều trị cá nuôi bị nhiễm nấm thủy mi (<i>Saprolegnia</i> spp), trùng quả dưa (<i>Ichthyophthyrus</i> spp) đặc biệt ở giai đoạn cá hương và cá giống.	CT.TS2-17
514.	Sổ Lãi Cá	Praziquantel	gói, hộp, thùng	5, 10, 20, 50, 100, 500g, 1, 5,10, 25kg	Điều trị nội, ngoại ký sinh trùng trên cá như sán lá đơn chủ, rận cá, sán lá gan, sán dây	CT.TS2-18
515.	BETASOL	Beta-glucan, Sorbitol, Inositol	gói, hộp, lon	50, 100, 200, 500g; 1, 5, 10, 25kg	Bổ gan, giải độc gan. Tăng cường chuyển hóa và hấp thu chất dinh dưỡng	CT.TS2-19
516.	LEVASOL	Levamisole hydrochloride	gói, hộp, lon	50, 100, 200, 500g; 1, 5, 10, 25kg	Phòng và trị giun, sán kí sinh ở cá	CT.TS2-20
517.	LIVERIN	Sorbitol, Riboflavin, Vitamin B12, Methionin, Choline chloride, Lysin HCl, Betaine	chai, lọ	100, 200, 500ml, 1, 2, 5, 10 lít	Tăng cường chức năng gan , tăng khả năng hấp thu các chất dinh dưỡng	CT.TS2-22
518.	BUTAURIN	Butaphosphan, vitamin B12, Taurine, Nicotinamide, DL-Methionine	chai, lọ	100ml, 500ml, 1, 2, 5, 10 lít	Tăng chuyển hóa và hấp thu dinh dưỡng cho tôm.	CT.TS2-24

2. CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y CẦN THƠ

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
519.	Praziquantel	Crude protein, chất béo, chất xơ, Praziquantel,	gói	100, 250, 500g; 1, 2, 5kg	Trị sán lá đơn chủ. Trị nội ký sinh trùng: sán lá gan, sán dây.	CT.TS6-1
520.	Florfenicol 10%	Florfenicol 10%	gói	100, 250, 500g; 1, 2, 5kg	Trị nhiễm trùng huyết, đường ruột do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> trên cá tra, ba sa. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	CT.TS6-2
521.	Florfenicol 50%	Florfenicol 50%	gói	100, 250, 500g; 1, 2, 5kg	Trị nhiễm trùng huyết, đường ruột do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> trên cá tra, ba sa. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	CT.TS6-3
522.	PH-Down	Axit citric, Vitamin C	Chai	500ml, 1, 2, 5 lít	Nâng cao sức đề kháng, tăng khả năng chịu đựng Stress	CT.TS6-4
523.	Amfuridon	Sulfadiazine, Trimethoprim	gói	100, 250, 500g; 1, 2, 5kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn <i>Vibrio</i> trên tôm; Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas, Pseudomonas</i> , (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt; Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	CT.TS6-5
524.	Amfucotrim	Sulfadiazine, Trimethoprim	gói	100, 250, 500g; 1, 2, 5kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn <i>Vibrio</i> trên tôm; Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas, Pseudomonas</i> , (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt; Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	CT.TS6-6
525.	Cotrym Fort	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	gói	100, 250, 500g; 1, 2, 5kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn <i>Vibrio</i> trên tôm; Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas, Pseudomonas</i> , (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt; Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	CT.TS6-7
526.	Protecol	1,5-Pentanediol Alkyl dimethyl Benzyl Ammonium Chloride	chai	500ml, 1, 2, 5 lít	Diệt các loại vi khuẩn, nấm, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi. Sát trùng dụng cụ dùng trong nuôi trồng thủy sản	CT.TS6-8

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
527.	Calciphospho-C	Ca ₃ (PO ₄) ₂ , Vitamin C, A, D3, E, B1, B2, B6, PP, K3, Methionine, Lysine, Saccharomyces cerevisiae, Bacillus subtilis, Lactobacillus acidophilus, Aspergillus oryzae, CuSO ₄ , FeSO ₄ , ZnSO ₄ , Choline.	Gói	100, 250, 500g; 1, 2, 5kg	Cung cấp khoáng, men vi sinh và các vitamin thiết yếu, giúp tôm cá tăng cường khả năng tiêu hoá.	CT.TS6-12
528.	Methi 10-Sorbi 5	Sorbitol, Methionine, Lysine, Inositol, Vitamin E, C	Gói	100, 250, 500g; 1, 2, 5kg	Bổ sung vitamin và acid amin; tăng cường sức đề kháng cho tôm, cá.	CT.TS6-13
529.	Super BKC 80%	Ankyl Dimethyl Benzyl Amonium Chloride 80%	Chai	500ml, 1, 2, 5 lít	Sát trùng nước, dụng cụ, bể nuôi, ao ương, ao nuôi, bè nuôi trước khi thả giống và trong quá trình nuôi	CT.TS6-14
530.	Pakomas-Siêu tiết trùng	Glutaraldehyde Alkyl dimethyl Benzyl Ammonium Chloride Nước cất vừa đủ	Chai	500ml, 1, 2, 5 lít	Diệt vi khuẩn, nấm, nguyên sinh động vật có hại trong nguồn nước ao nuôi, tạo môi trường nước ao sạch cho tôm (cá) phát triển; sát trùng dụng cụ dùng trong nuôi trồng thủy sản.	CT.TS6-15
531.	Hỗn hợp Perka	Permanganat Kali	Gói	100, 250, 500g; 1, 5kg	Khử trùng ao nuôi, tạo môi trường nước sạch cho tôm, cá phát triển tốt.	CT.TS6-16
532.	Iodine 12,5%	1-Vinyl-2 pyrrolidinone polymers, Iodine Complex	Chai	500ml, 1, 2, 5 lít	Diệt các loại vi khuẩn, nấm và nguyên sinh động vật gây hại trong nước.	CT.TS6-18
533.	Vitamin C	Vitamin C	Gói	100, 250, 500g; 1, 2, 5kg	Bổ sung vitamin C cho tôm, cá, tăng sức đề kháng, chống stress cho tôm cá do thay đổi thời tiết	CT.TS6-19
534.	Enzymsubtyl	Protease, Amylase, Cellulose, Lipase, Beta Glucanase, Phytase, Lactose.	Gói	100, 250, 500g; 1, 2, 5kg	Giúp tôm cá tiêu hoá thức ăn triệt để, giảm hệ số tiêu tốn thức ăn, giúp tôm cá mau lớn	CT.TS6-20

3. CÔNG TY TNHH SX-TM THUỐC THÚ Y 1/5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
535.	Red-Doline 100	Doxycycline base 10%	Gói, lon	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Điều trị bệnh đỏ thân trên tôm hùm gây ra bởi vi khuẩn <i>Vibrio alginolyticus</i> . Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch	CT.TS7-3
536.	Re Tech	Glutaraldehyde, Alkylbenzyl dimethylammonium	Chai, lọ	50, 100, 250, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20lít	Diệt các loại vi khuẩn, nấm và nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi. Sát trùng dụng cụ dùng trong nuôi trồng thủy sản.	CT.TS7-5
537.	Rotamin Max	Cyanocobalamin, 1-(n-butylamino)-1 methylethyl phosphonic acid, Methyl hydroxybenzoate	Chai, can	100, 250, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20lít	Tăng cường trao đổi chất giúp tôm cá mau lớn	CT.TS7-6
538.	Ricracin 100	Oxytetracyclin	Chai, can	100, 250, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20lít	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn vibrio trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn <i>Pseudomonas sp.</i> , <i>Aeromonas. Sp.</i> , <i>Edwardsiella</i> (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	CT.TS7-7

4. CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN QUÂN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
539.	THQ-C Plus	Vitamin C, Sorbitol	Gói, bao	10, 20, 50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Tăng sức đề kháng, phòng chống Stress cho tôm, cá khi thời tiết thay đổi, vận chuyển, san đàn, môi trường thay đổi	CT.TS8-1
540.	THQ-Praziquantel	Praziquantel 5%	Gói, bao	10, 20, 50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Điều trị nội, ngoại ký sinh trùng trên cá như sán lá đơn chủ, rận cá, sán lá gan, sán dây.	CT.TS8-2
541.	THQ-Coco	Amoxciillin	Gói, bao	10, 20, 50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Điều trị bệnh xuất huyết, nhiễm trùng do vi khuẩn <i>Aeromonas hydrophila</i> gây ra trên cá.	CT.TS8-4
542.	THQ-Siêu Đạm	Methione, lysine, tryptophan, sorbitol	Gói, bao	10, 20, 50, 100, 500g; 1, 2, 5,	Bổ sung acid amin thiết yếu cho tôm, cá phát triển	CT.TS8-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
				10, 20, 25, 50kg		
543.	THQ-Vitamin C Cho Cá/Tôm	Acid Ascorbic	Gói, bao	10, 20, 50,100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Chống stress, tăng sức đề kháng.	CT.TS8-6
544.	THQ-Kamoxin F	Amoxicilline, Vitamin C	Gói, bao	10, 20, 50,100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Điều trị bệnh xuất huyết, nhiễm trùng do vi khuẩn Aeromonas hydrophila gây ra trên cá.	CT.TS8-7
545.	THQ-OTC For Shrimp And Fish	Oxytetracycline	Gói, bao	10, 20, 50,100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio gây ra trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas, Edwardsiella (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nước ngọt; Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	CT.TS8-8
546.	THQ-Glusome 115	Sorbitol, lysin, Inositol, Methionin	Gói, bao	10, 20, 50,100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Cung cấp các acid amin quan trọng cho sự tăng trưởng và phát triển của tôm., Giúp tôm khoẻ mạnh lớn nhanh.	CT.TS8-9
547.	THQ-Vitamin C Tạt Tôm	Vitamin C, acid citric. Methionine, Vitamin E	Gói, bao	10, 20, 50,100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Phòng chống Stress, tăng cường sức đề kháng cho tôm cá	CT.TS8-10
548.	Glucan-C Cá/Tôm	Acid Citric, Vitamin C, Beta glucan	Gói, bao	10, 20, 50,100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Chống shock, tăng cường khả năng chịu đựng của cá, tôm khi thời tiết và môi trường biến động bất thường	CT.TS8-11
549.	THQ-Ade Cá Tôm	Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E	Gói, bao	10, 20, 50,100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Cung cấp vitamin ADE cần thiết cho sự phát triển của tôm cá,	CT.TS8-12
550.	THQ-Povidine	P.V.P iodine	Gói, bao	10, 20, 50,100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Sát trùng diệt khuẩn, nguyên sinh động vật làm sạch nguồn nước ao nuôi thủy sản.	CT.TS8-13
551.	THQ-Chống Stress Cá/Tôm	Acid Citric, Vitamin C	Gói, bao	10, 20, 50,100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Khắc phục tôm bị stress, nâng cao khả năng chống đỡ với điều kiện thời tiết và môi trường sống bất lợi..	CT.TS8-14
552.	THQ-TRIMESUL-240 (For Fish/Shrimp)	Sulfadimidin, Trimethoprim	Gói, bao	10, 20, 50,100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas, (Đốm đỏ,	CT.TS8-15

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
					hậu môn sưng đỏ, xuất huyết.....) trên cá nuôi nước ngọt	
553.	THQ-Oxytetra C Plus	Oxytetracycline, Vitamin C	Gói, bao	10, 20, 50,100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio gây ra trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas, Edwardsiella (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nước ngọt; Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	CT.TS8-16
554.	THQ-Flophenicol 50%	Florfenicol	Gói, bao	10, 20, 50,100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Trị các bệnh xuất huyết đường ruột do vi khuẩn Edwardsiella ictaluri gây ra trên cá.	CT.TS8-17
555.	THQ-Sultrim For Shrimp	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Gói, bao	10, 20, 50,100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm, trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas,(đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt	CT.TS8-18
556.	THQ-Bactrim For Cá/Tôm	Sulfadiazin, Trimethoprim	Gói, bao	10, 20, 50,100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm, trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas,(đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt	CT.TS8-19
557.	THQ-Cotrym Fort For Fish	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Gói, bao	10, 20, 50,100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm; Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas, (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt	CT.TS8-20
558.	THQ-Doxy 20% Tôm	Doxycycline	Gói, bao	10, 20, 50,100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Điều trị bệnh đỏ thân trên tôm, đặc biệt là tôm hùm gây ra bởi vi khuẩn Vibrio alginolyticus.	CT.TS8-21
559.	THQ-Oxytetracycline 50% Cá/ Tôm	Oxytetracycline	Gói, bao	10, 20, 50,100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Trị bệnh đốm đỏ, xuất huyết trên thân, hậu môn sưng đỏ, các vảy bị rách trên cá do vi khuẩn Aeromonas, Pseudomonas và Edwardsiella. Trị các bệnh do vi khuẩn Vibrio gây ra trên tôm.	CT.TS8-22

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
560.	THQ-Methi 10 Sorbi 5	Sortbitol, Methionine, Inositol, Acid Citric, Vitamin C	Gói, bao	10, 20, 50,100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Bổ sung vitamin C và các acid amin thiết yếu giúp cho tôm, cá tăng cường sức đề kháng.	CT.TS8-23
561.	Di-Tacker (Oxytetra For Fish)	Oxytetracycline	Gói, bao	10, 20, 50,100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Điều trị bệnh xuất huyết đường ruột ở cá da trơn do vi khuẩn Aeromonas liquefaciens và Pseudomonas sp gây ra.	CT.TS8-24
562.	THQ-Amoxicillin 50% For Fish	Amoxycyclin	Gói, bao	10, 20, 50,100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Điều trị bệnh xuất huyết, nhiễm trùng do vi khuẩn Aeromonas hydrophila gây ra trên cá.	CT.TS8-25
563.	TCCA 90	Chlorine (Trichloroisocyanuric Acid)	Gói, bao	10, 20, 50,100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Khử trùng dụng cụ, nước ao nuôi, ao lắng, bể lắng & bể ương.	CT.TS8-26
564.	THQ-Sormeline	Vitamin C, Inositol, Vitamin E, Methionine, Sorbitol, Lysine	Gói, bao	10, 20, 50,100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Kích thích tiêu hóa, Tăng đề kháng, Chống stress khi thời tiết, môi trường thay đổi..	CT.TS8-30
565.						
566.	THQ-SUPER CLEAR	P.V.P Iodine	Chai, can	100, 250, 500ml, 1, 2,5,10, 20 lít	Diệt các loại vi khuẩn, nguyên sinh động vật trong ao nuôi, sát trùng dụng cụ trong ao nuôi tôm, cá.	CT.TS8-32
567.	THQ-BKC 80	Benzalkonium chloride	Chai, can	100, 250, 500ml, 1,2,5,10, 20 lít	Tác dụng sát trùng phổ rộng, diệt được nhiều loại vi khuẩn, virus, nấm, nguyên sinh động vật có trong ao nuôi.	CT.TS8-33
568.	THQ- B GLUCAN	Beta glucan	Gói, hộp, bao	100g 500g;1;2;5; 10kg, 20kg, 25kg	Tăng sức đề kháng của tôm cá	CT.TS8-34
569.	THQ-OXYGEN	Sodium carbonate peroxide (2Na ₂ CO ₃ , 3H ₂ O ₂)	Gói, hộp, bao	100,500g;1;2;5; 10kg, 20kg, 25kg	Cung cấp oxy cho tôm, cá trong trường hợp ao thiếu Oxy	CT.TS8-35
570.	THQ-CHLORAMIN T	Chloramin T	Gói, hộp, bao	100g 500g;1;2;5; 10kg, 20kg, 25kg	Diệt các loài vi khuẩn, nấm, nguyên sinh động vật trong môi trường nước. Sát trùng nước nuôi tôm cá	CT.TS8-36

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
571.	THQ- KHOÁNG TẠP	MgSO ₄ , ZnSO ₄ ; MnSO ₄ ; FeSO ₄ ; CuSO ₄	Gói, hộp, bao	100g 500g; 1;2;5; 10kg, 20kg, 25kg	Bổ sung các chất khoáng vi lượng giúp thực vật phù du phát triển ổn định	CT.TS8-37

ĐỒNG NAI

1. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PROVIMI

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
572.	NUTRI C	Vitamin C (vi bọc), Vitamin E	Gói, hộp, bao	150, 250, 500g 1kg; 25kg	Dùng cho tôm, cá: Nâng cao sức đề kháng, giảm stress khi nuôi ở mật độ cao hoặc khi môi trường thay đổi.	DN.TS2-1
573.	ZYME FISH	Xylanase, b-Glucanase, Phytase	Gói, hộp, bao	100g, 250g, 500g, 1kg, 5kg, 25kg	Nâng cao giá trị sử dụng thức ăn. Tăng khả năng tiêu hoá tinh bột, đạm, béo. Tăng khả năng hấp thụ phospho thực vật trong khẩu phần ăn của cá	DN.TS2-2
574.	BACTOMIX	Pediococcus acidilactici, vitamin E, Se (Na ₂ SeO ₃)	Túi, bao PE	100; 250; 500g; 1; 25kg	Nâng cao sức đề kháng	DN.TS2-3
575.	BACTOFISH	Pediococcus acidilactici, Saccharomyces cerevisiae boulardii	Túi, bao PE	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g; 1, 2, 5, 10kg	Nâng cao sức đề kháng cho cá, giúp tiêu hoá tốt thức ăn	DN.TS2-4
576.	QUALIFISH	Vitamin A, D, C, B1, B2, E, Niacin	Túi, bao PE	1, 5, 25 kg	Nâng cao khả năng chuyển hoá thức ăn, nâng cao sức đề kháng, tăng khả năng chịu đựng stress.	DN.TS2-5

2. CÔNG TY TNHH VIRBAC VIỆT NAM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
577.	Prazifish	Praziquantel cimetidine	Gói, hộp, bao, xô	100g; 1, 5, 25kg	Phòng và điều trị sán lá đơn chủ ký sinh trên mang và da cá-Ngừng sử dụng 5 ngày trước thu hoạch	DN.TS4-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
578.	Calciphos	Phospho, Calcium diacid phosphate, Magnesium di-acid phosphate, Sodium diacid phosphate, Iron diacid phosphate, Manganse diacid phosphate, Zinc di-acid phosphate, Copper diacid phosphate, Cobalt diacid phosphate	Bình	100, 500ml; 1, 5, 10, 100, 500, 1000 lít	Cung cấp Calci, Phospho và các nguyên tố đa vi lượng cho tôm, cá; Kích thích quá trình lột vỏ tôm, giúp vỏ tôm mau cứng.	DN.TS4-2
579.	MAXFLOR 10% AQUA	Florfenicol	Gói, hộp, xô, thùng	100g, 1; 5; 25kg	Trị các bệnh gan, thận, lách có mũ (có các đốm trắng) gây ra bởi vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> trên cá. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	DN.TS4-3
580.	ANTIZOL	Bronopol	Chai, can	1 lít, 5lít, 20lít	Phòng và điều trị cá nuôi bị nhiễm nấm thủy mi (<i>Saprolegnia spp</i>), trùng quả dưa (<i>Ichthyophthyrus spp</i>) đặc biệt ở giai đoạn cá hương và cá giống.	DN.TS4-4
581.	PRO MARINE	<i>Bacillus subtilis</i> , <i>B.licheniformis</i> , <i>B.pumilus</i> , Calcium, Vitamin C	Gói , xô	100; 500g, 5; 10; 25 kg	Giúp tiêu hóa thức ăn, tăng sức đề kháng	DN.TS4-5
582.	COMBAX	Vitamin D3, Vitamin C, Sodium chloride, Dicalcium chloride, Potassium chloride, Ferrous sulfate monohydrate, <i>Bacillus subtilis</i> , <i>B.licheniformis</i> , <i>B.pumilus</i>	Gói , xô	100; 500g, 5; 10; 25 kg	Hỗ trợ tiêu hóa, giúp tôm cá tiêu hóa thức ăn	DN.TS4-6
583.	Combax L	<i>Bacillus (B.Subtilis</i> , <i>B.licheniformis</i> , <i>B.pumilis)</i>	Chai, can	500ml; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 25 lít	Hỗ trợ tiêu hoá cho tôm cá, bổ sung vi khuẩn có ích cho đường ruột tôm cá	DN.TS4-9

3. CÔNG TY TNHH Y.S.P VIỆT NAM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
584.	Oxytet 60% Soluble Powder	Oxytetracycline HCl	Gói, Bao	20; 100; 180g; 1; 5; 20kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn vibrio trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn Pseudomonas sp., Aeromonas. Sp, Edwardsiella (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt.	DN.TS5-1
585.	Maxiplus soluble Powder	Sodium chloride, Potassium chloride, Magesium Sulfate, Manganese Sulfate, Sodium Citrate, Glucose Anhydrous, Sodium Bicarbonate, Sodium Benzoat	Túi	100g, 1kg	Bổ sung khoáng, kích thích tôm lột vỏ, vỏ nhanh cứng, dày, bóng, đẹp	DN.TS5-2
586.	Wellcom Soluble Powder	Sulfadimethoxine Sodium, Trimethoprim	Túi	100, 500g	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn Aeromonas , Pseudomonas, Edwardsiella (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt.	DN.TS5-3
587.	Ipore Solution	Povidone iodine	Chai, can	200, 500ml; 1l, 3.8l, 25l	Sát trùng, diệt khuẩn, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi. Sát dùng nhà xưởng, dụng cụ nuôi trồng thủy sản.	DN.TS5-4
588.	Lacpan Soluble Powder	Biodiatase, Lactobacillus powder, Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, B12, C, Niconamide, Ca Pantothenate, acid folic, Lysin HCl, Ca phosphate dibasic, Lactose Monohydrate	Túi	100g, 1kg	Tăng sức đề kháng, tăng khả năng tiêu hóa và hấp thu thức ăn. Bổ sung khoáng, kích thích tôm lột vỏ, vỏ nhanh cứng, dày, bóng, đẹp.	DN.TS5-5
589.	Vitasol Soluble Powder	Vitamin A, D3, E, C Thiamine mononotrate, Riboflavin, Pyridoxine HCl, Nicotimade, Cyanocobalamin, Biotin, Ca pantothenate, acid folic, Na bisulfite,	Túi	100, 500g, 1kg	Phòng và giảm stress, tăng cường sức đề kháng	DN.TS5-6

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
		Disodium Edetate				
590.	Amoxicine -5 Powder	Amoxicillin Trihydrate 50%	Gói	100g	Điều trị bệnh xuất huyết do <i>Aeromonas hydrophilla</i> gây bệnh trên cá Tra	DN.TS5-7
591.	Eryton Powder	Erythromycin Thiocyanate 30%	Gói	100g, 500g	Điều trị bệnh gan thận mũ do <i>E.ictaluri</i> gây ra trên cá Tra	DN.TS5-8
592.	Oxytet Soluble Powder	Oxytetracyclin HCl	Túi	100g; 1kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn <i>Vibrio</i> gây ra trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> , <i>Edwardsiella</i> (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nước ngọt; Ngừng sử dụng 04 tuần trước thu hoạch.	DN.TS5-9

4. CÔNG TY TNHH TM&SX THUỐC THÚ Y THỊNH Á (ASIFAC)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
593.	Asifish-OTC 5	Oxytetracyclin HCl	Gói, Hộp	50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn <i>Vibrio</i> gây ra trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> , <i>Edwardsiella</i> (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nước ngọt; Ngừng sử dụng 03 tuần trước thu hoạch.	DN.TS6-1
594.	Asifish-Cotrimfort	Sulfadiazine, Trimethoprim	Gói, Hộp	50, 100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn <i>Vibrio</i> trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> gây ra các bệnh như đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết, hoại tử trên cá tra, basa và trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	DN.TS6-2
595.	Asifish-Flor 10	Florfenicol	Chai, can	50, 100, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20, 25 lít	Trị bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hoá gây ra bởi vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> trên cá da trơn (tra, basa, trê). Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	DN.TS6-3

5. CÔNG TY TNHH TM-SX VIỆT THỌ

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
596.	SULFTRIM-F	Sulfadimidin sodium, Trimethoprim	Gói	100g, 250g 500g; 1, 2, 5, 10, 15kg	Trị các bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	DN.TS7-1
597.	FLORFENICOL-F10	Florfenicol	Gói	100g, 250g 500g; 1, 2, 5, 10, 15kg	Điều trị bệnh xuất huyết đường ruột ở cá tra, ba sa do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây ra. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	DN.TS7-2
598.	OXYTETRA –F20	Oxytetracyclin	Gói	100g, 250g 500g; 1, 2, 5, 10, 15kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> , <i>Edwardsiella</i> trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	DN.TS7-3
599.	FLOR-F20	Florfenicol	Gói	100g, 250g 500g; 1, 2, 5, 10, 15kg	Điều trị bệnh xuất huyết đường ruột ở cá tra, ba sa do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây ra. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	DN.TS7-4
600.	FLOR- F40	Florfenicol	Gói	100g, 250g 500g; 1, 2, 5, 10, 15kg	Điều trị bệnh xuất huyết đường ruột ở cá tra, ba sa do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây ra. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	DN.TS7-5
601.	SULFATRIM-F	Sulfadimidin sodium, Trimethoprim	Chai, lọ	100ml, 250ml, 500ml, 1lít, 2lít, 5lít	Trị các bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	DN.TS7-6
602.	DONA-FLOR-F10	Florfenicol	Lọ	100ml, 250ml, 500ml, 1lít, 2lít, 5lít	Điều trị bệnh xuất huyết đường ruột ở cá tra, ba sa do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây ra. Ngừng sử dụng 12 ngày	DN.TS7-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
					trước thu hoạch.	
603.	DONA-FLOR-F20	Florfenicol	Lọ	100ml, 250ml, 500ml, 1lít, 2lít, 5lít	Điều trị bệnh xuất huyết đường ruột ở cá tra, ba sa do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây ra. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	DN.TS7-8
604.	DONA-FLOR-F40	Florfenicol	Lọ	100ml, 250ml, 500ml, 1lít, 2lít, 5lít	Điều trị bệnh xuất huyết đường ruột ở cá tra, ba sa do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây ra. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	DN.TS7-9

LONG AN

1. CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THỦ Y-THỦY SẢN LONG AN

NSX: CÔNG TY TNHH TM SX VIỆT VIỄN (VIVCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
605.	AQUA.C-LA	Vitamin C, Sorbitol	Gói, hộp	100g, 500g, 1kg, 5kg, 10kg	Bổ sung Vitamin C, Sorbitol giúp tăng sức đề kháng, giảm stress cho tôm cá	LA.TS1-1
606.	Becomplex C+ADE	Vitamin A, B1, B6, D3, E, C, PP, Methionine	Gói, hộp	50, 100, 250, 500g, 1, 5, 10kg	Bổ sung vitamin cần thiết cho tôm, cá; Tiêu hoá thức ăn tốt, phát triển nhanh	LA.TS1-2
607.	Kenzym.Ade	Amylase, Protease, vitamin A,B ₁ , D ₃ ,E, tinh bột	Gói, hộp	50g, 100g, 500g, 1kg, 5kg, 10kg	Gia tăng khả năng tiêu hoá các chất dinh dưỡng: tinh bột, đạm, chất béo đạt mức cao nhất, hấp thụ tốt và trọn vẹn; bổ sung đầy đủ vitamin A,D,E, giúp tôm, cá ăn khoẻ, tăng trưởng tốt.	LA.TS1-3
608.	Tmt Fort	Sulfadiazin, Trimethoprim	Gói, hộp	50, 100, 250g, 500g; 1, 5, 10kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn <i>Vibrio</i> trên tôm; Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> , (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt; Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	LA.TS1-4
609.	Florcin-La	Florfenicol	Chai, can	50ml, 100ml, 250ml, 500ml,	Trị bệnh nhiễm trùng huyết đường ruột do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> trên cá	LA.TS1-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
				1lít, 5lít, 10lít	tra, ba sa. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	
610.	Flornicol-La	Florfenicol, Sorbitol	Gói, hộp	50, 100, 250g, 500g; 1, 5, 10kg	Trị bệnh nhiễm trùng huyết đường ruột do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> trên cá tra, ba sa. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	LA.TS1-6
611.	Vitamin C	Vitamin C, Citric acid	Gói, hộp	50, 100, 250g, 500g; 1, 5, 10kg	Nâng cao sức đề kháng, tăng khả năng chịu đựng Stress cho tôm, cá	LA.TS1-7
612.	Bio lactizim	<i>Bacillus subtilis</i> , Alpha amilase, protease	Gói, hộp	50, 100, 250g, 500g; 1, 5, 10kg	Bổ sung vi khuẩn có lợi và các enzym tiêu hoá, giúp tiêu hoá thức ăn tốt cho tôm, cá.	LA.TS1-8
613.	Subtyl-La	<i>Bacillus subtilis</i>	Gói, hộp	50,100, 500g, 1, 5, 10kg	Tăng cường khả năng tiêu hoá; giúp tôm cá ăn nhiều, phát triển tốt	LA.TS1-9
614.	Premix. C-LA	Vitamin C, A, E, D3, B1, PP (B5)	Gói, hộp	100g, 500g, 1kg, 5kg, 10kg	Nâng cao khả năng chuyển hoá thức ăn. Nâng cao sức đề kháng. Tăng khả năng chịu đựng Stress. Thúc đẩy quá trình lột xác và tái tạo vỏ	LA.TS1-10
615.	Lave.Clean	Praziquantel, Crude Protein, Fiber	Gói, hộp	100g, 500g, 1kg, 5kg, 10kg.	Trị ngoại ký sinh trùng: Sán lá đơn chủ, rận cá. Trị nội ký sinh trùng: sán lá gan, sán dây	LA.TS1-11
616.	LAVE.NICOL-2000	Florfenicol	Chai, can	50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1lít, 2lít, 5lít	Trị các bệnh nhiễm trùng gây chết trên cá da trơn do <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây ra trên cá da trơn. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	LA.TS1-12
617.	LAVE.PHENICOL-2000	Florfenicol	Gói, hộp	50, 100, 250g, 500g; 1, 5, 10kg	Trị các bệnh nhiễm trùng gây chết do <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây ra trên cá da trơn. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	LA.TS1-13
618.	Cotrim-La	Sulfamethoxazol Trimethoprim	Gói, hộp	50, 100, 250g, 500g; 1, 5, 10kg	Có khả năng ngăn chặn vi khuẩn gây bệnh ở diện rộng, đặc biệt là Vi khuẩn <i>Vibrio</i> . Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	LA.TS1-14
619.	Enicol-la	Florfenicol	Gói, hộp	50, 100, 250g,	Điều trị bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu	LA.TS1-15

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
				500g; 1, 5, 10kg	hóa gây ra bởi vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> trên cá da trơn (Basa, Trê, Tra, Mú) . Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	
620.	Tetra-Lium.LA	Oxytetracycline HCl	Gói, Lon	50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn <i>Vibrio</i> trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> , <i>Edwardsiella</i> (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	LA.TS1-16

2. CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NANO HỢP NHẤT APA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
621.	APA Comax	Sulfadiazine, Trimethoprim	Chai, can	100, 200, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20lit	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm; Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas, (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt; Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	LA.TS2-1
622.	APA Pro	Cellulase, Amylase, Protease	Chai, can	100, 200, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20lit	Bổ sung vi sinh vật đường ruột, nâng cao khả năng hấp thụ thức ăn	LA.TS2-3
623.	APA Vaxi F	Sorbitol, Methionine, Choline chloride, Betain, Lysin HCl	Chai, can	100, 200, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20lit	Bổ sung các vitamin và acid amin, phòng các bệnh do thiếu vitamin và acid amin	LA.TS2-4
624.	APA Calphos	Calcium pantothenate, Phosphorus, Vitamin D3	Chai, can	100, 200, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20lit	Bổ sung các vitamin và khoáng chất, phòng trị các bệnh do thiếu vitamin và khoáng chất ở cá như giảm ăn, chậm lớn.	LA.TS2-5
625.	APA Miner Pox	Calcium diacid phosphate, Magnesium diacid phosphate, Zinc diacid phosphate, Manganese diacid phosphate	Chai, can	100, 200, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20lit	Thúc đẩy tôm lột xác, kích thích tôm tăng trưởng.	LA.TS2-6
626.	APA Ls 600h	Iodine 60%	Chai, can	100, 200, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20lit	Sát trùng dụng cụ, trang thiết bị, bể ương, trứng tôm cá, tôm con	LA.TS2-7
627.	APA N 900	Benzalkonium chloride	Chai, can	100, 200, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20lit	Diệt các vi khuẩn, nấm, nguyên sinh động vật trong ao nuôi, sát trùng dụng cụ trong nuôi trồng thủy sản	LA.TS2-8
628.	APA Blue No.1	Glutaraldehyde, Benzalkonium chloride	Chai, can	100, 200, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20lit	Diệt các loại vi khuẩn, nấm, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi. Sát trùng dụng cụ dùng trong nuôi trồng thủy sản.	LA.TS2-9
629.	APA Clear 900	CuSO4.5H2O	Chai, can	100, 200, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20lit	Diệt các loại tảo trong ao nuôi	LA.TS2-10

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
630.	APA Iron Vip	Ethylenediamine tetraacetic acid	Chai, can	100, 200, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20lit	Làm lắng các chất hữu cơ và khử kim loại nặng trong nước	LA.TS2-11
631.	APA Big One	Vitamin A, D, E, Lysine, Methionine, Sorbitol, Beta glucan	Chai, can	100, 200, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20lit	Bổ sung các loại vitamin và acid amin cần thiết cho tôm, cá.	LA.TS2-12
632.	Axisto	Amoxycillin trihydrate	Chai, can	100, 200, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20lit	Điều trị bệnh xuất huyết do Aeromonas hydrophilla gây bệnh trên cá Tra.	LA.TS2-13
633.	APA Flofe 40	Flofenicol	Chai, can	100, 200, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20lit	Dùng để điều trị bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hoá gây ra bởi vi khuẩn Edwardsiella ictaluri trên cá da trơn. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	LA.TS2-14
634.	APA 6 S	β – Glucanase, Bacillus subtilis, Amylase, Protease	Gói, bao	50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Bổ sung vi sinh vật đường ruột, nâng cao khả năng hấp thụ thức ăn	LA.TS2-16
635.	APA Liverbest	Methionine, Vitamin C, Sorbitol, Lysine	Gói, bao	50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Bổ sung các acid amin, phòng các bệnh do thiếu acid amin.	LA.TS2-17
636.	APA Sun Zyme	Protease, Amylase, Cellulase, Lactobacillus, Bacillus subtilis, Saccharomyces	Gói, bao	50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Bổ sung các enzyme, acid amin giúp tôm cá tiêu hóa thức ăn tốt. Tăng khả năng hấp thu chất dinh dưỡng. Kích thích bắt mồi, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn	LA.TS2-18
637.	APA Hepaglucal	Beta Glucan, Vitamin C, Acid citric	Gói, bao	50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Kích thích tôm cá tăng trưởng nhanh, giúp tôm cá tăng sức đề kháng	LA.TS2-19
638.	APA Pentax	Praziquantel	Gói, bao	50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Điều trị hiệu quả các bệnh ký sinh trùng trên cá như ngoại ký sinh trùng (sán đơn chủ, rận cá) nội ký sinh trùng (sán lá gan, sán dây).	LA.TS2-20
639.	APA Max	Vitamin C, E, Methionine	Gói, bao	50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Chống stress, tăng sức đề kháng	LA.TS2-21
640.	APA Sil Calci	Dicalcium phosphate,	Gói, bao	50, 100, 200,	Thúc đẩy tôm lột xác, phòng trị các bệnh	LA.TS2-23

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
		Vitamin A, D3, E, FeSO4, CuSO4, ZnSO4, MnSO4		500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	do thiếu vitamin, khoáng ở tôm cá	
641.	APA Coda	Vitamin A, D3, E, C	Gói, bao	50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Tăng cường sức đề kháng cho tôm (cá); Phòng chống stress cho tôm (cá) khi thời tiết và môi trường thay đổi nhất là nuôi mật độ cao	LA.TS2-25
642.	APA Ox-Bitol	Oxytetracycline	Gói, bao	50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Trị bệnh đốm đỏ, xuất huyết trên thân, hậu môn sưng đỏ, các vây bị rách, của cá tra, basa do vi khuẩn Aeromonas, Pseudomonas và Edwardsiella. Trị các bệnh do vi khuẩn Vibrio gây ra trên tôm. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	LA.TS2-26
643.	APA Best Ox	Oxytetracycline	Gói, bao	50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Trị bệnh phát sáng do Vibrio gây ra trên tôm, các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas, Edwardsiella gây ra như đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết trên cá nước ngọt.	LA.TS2-27
644.	APA Ox Max	Oxytetracyclin, Vitamin C	Gói, bao	50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Trị bệnh phát sáng do Vibrio gây ra trên tôm, các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas, Edwardsiella gây ra như đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết trên cá nước ngọt.	LA.TS2-28
645.	APA Ox 999	Oxytetracyclin	Gói, bao	50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Trị bệnh đốm đỏ, xuất huyết trên thân, hậu môn sưng đỏ, các vây bị rách, của cá tra, basa do vi khuẩn Aeromonas, Pseudomonas và Edwardsiella. Trị các bệnh do vi khuẩn Vibrio gây ra trên tôm. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	LA.TS2-29
646.	APA Fishspore	Fenbendazol	Gói, bao,	50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Diệt các loại nội ký sinh trùng ở cá như giun tròn đường ruột, trong ống mật, giun đầu gai, sán lá, sán dây.	LA.TS2-30
647.	APA KILL ALGAE	Bronopol	Chai	100ml, 200ml, 500ml, 1 lít, 2 lít, 5 lít, 10 lít,	Phòng và trị an toàn các bệnh do nguyên sinh động vật ký sinh (Ichthyophthirius sp., Trichodina sp., Epistylis sp.,	LA.TS2-31

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
				20 lít	Vorticella sp....) gây ra trên cá. Trị và khống chế các bệnh do nấm (Saprolegnia sp., Aphanomyces sp., Achlya sp....) gây ra trên cá và trứng cá	
648.	APA KILL PORINE	Praziquantel	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Trị ngoại ký sinh trùng: sán lá đơn chủ. Trị nội ký sinh trùng: sán lá gan, sán dây	LA.TS2-32
649.	APA DOXYL 20	Doxycycline	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Điều trị bệnh đỏ thân trên tôm hùm , gây ra bởi vi khuẩn Vibrio alginolyticus	LA.TS2-33
650.	APA DOXYL 10	Doxycyclin	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Điều trị bệnh đỏ thân trên tôm hùm , gây ra bởi vi khuẩn Vibrio alginolyticus	LA.TS2-34
651.	APA ERY	Erythromycin thiocyanate	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Điều trị bệnh gan thận mũ do E.ictaluri gây ra trên cá Tra	LA.TS2-35
652.	APA Amin B	Sortbitol, Methionine, Lysine, Tryptophan	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Bổ sung acid amin thiết yếu cho tôm, cá phát triển	LA.TS2-36
653.	APA COTRIM48	Sulfadimidin, Trimethoprim	Chai	100ml, 200ml, 500ml, 1 lít, 2 lít, 5 lít, 10 lít, 20 lít	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas, (Đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết.....) trên cá nuôi nước ngọt.	LA.TS2-37
654.	APA TAKA	Sulfadimethoxine , Ormetoprim, Vitamin C, Vitamin E, Selenium hữu cơ	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Trị bệnh do vi khuẩn Vibrio (Vibrio vulnificus, V.alginolitycus, V.harveyi,...) gây ra cho tôm như bệnh như phát sáng, phân trắng, đứt râu, phỏng đuôi, hoại tử, đen mang, đốm nâu	LA.TS2-38

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
655.	APA SULIM	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2 kg, 5kg, 10kg, 20kg	Đặc trị các bệnh nhiễm khuẩn trên cá do các loại vi khuẩn Edwardsiella ictaluri, Aeromonas, Flexibacter, Pseudomonas, Vibrio spp gây các triệu chứng: sưng chướng bụng, gan – thận có mũ, lở loét toàn thân, đốm trắng, đốm đỏ, trắng đuôi, tuột nhớt, thối đuôi, thối vây..	LA.TS2-39
656.	APA LACTO F	Lactobacillus reuteri, Lactobacillus salivarius, Saccharomyces cerevisiae	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Bổ sung men vi sinh, giúp tôm dễ tiêu hoá thức ăn và phát triển nhanh	LA.TS2-40
657.	APA MEN S	Bacillus subtilis, Saccharomyces cerevisiae	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Cung cấp vi sinh vật có lợi vào đường ruột cho tôm, cá. Giúp ổn định đường ruột, tiêu hóa tốt thức ăn.	LA.TS2-41
658.	APA MELY	Sorbitol, Methionine, Lysine, Cyanocobalamin	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Tăng khả năng hấp thu các chất dinh dưỡng, tăng hiệu quả sử dụng thức ăn. Tăng cường chức năng gan	LA.TS2-42
659.	APA VITA	Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B6, Vitamin C, Acid folic	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Bổ sung vitamin cần thiết, giúp tôm, cá mau lớn, khoẻ mạnh tăng tỷ lệ sống, chống sốc và giúp kích cỡ tôm, cá đồng đều.	LA.TS2-43
660.	APA AZIN	Hoạt chất chiết xuất từ cây xoan (Azadirachtin)	Chai	100 ml, 200 ml, 500 ml, 1 lít, 5 lít, 10 lít	Phòng trị bệnh trùng bánh xe, trùng mỏ neo, rận cá, sán lá đơn chủ trên cá tra, basa	LA.TS2-44
661.	APA BETACAN	Betaglucan (1,3 -1,6)	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Tăng sức đề kháng của tôm cá, đạt tỷ lệ sống cao trong quá trình nuôi	LA.TS2-45
662.	APA VITA F	Monopotassimnitrate, Potassim phosphate, Mono ammonium phosphate, Sắt, Kẽm, Mangan, Megiesium,	Chai	100 ; 200; 500 ml, 1; 5; 10 lít	Cân bằng hệ sinh thái, giảm sự giao động về nhiệt độ và ổn định. Giúp tảo phát triển, gây màu nước ao nuôi	LA.TS2-46

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
		Đồng, Mn, Co, Folic acid, Vitamin B1, Vitamin B2 Vitamin B12				
663.	APA C MAX	Vitamin C, Acid citric	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Tăng cường sức đề kháng, chống bị sốc khi thời tiết nắng nóng hoặc thay đổi đột ngột, độ mặn quá cao hay quá thấp, tảo tàn mất màu nước, pH không ổn định. Giúp tôm nhanh phục hồi	LA.TS2-47
664.	APA SULOR	Sulfadimethoxin, Ormetoprim	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn <i>Aeromonas</i> , <i>Edwardsiella</i> (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt.	LA.TS2-48

TIỀN GIANG

1. CÔNG TY DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
665.	Meko.Flor 20%	Florfenicol	Lọ, chai, can	10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20lit	Trị bệnh nhiễm trùng đường ruột do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây ra trên cá tra, basa. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	TG.TS1-1
666.	Meko.Flor 5%	Florfenicol	Lọ, chai, can	10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20lit	Trị bệnh nhiễm trùng đường ruột do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây ra trên cá tra, basa. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	TG.TS1-2
667.	MEKO.SULFAN	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Túi, lon	50, 100, 200, 500g, 1, 2, 5, 10, 20, 25kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn <i>Vibrio</i> trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas</i> , <i>Pseudomonas</i> (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt	TG.TS1-4

VĨNH LONG

1. CÔNG TY TNHH TM-DV&SX NAM PHÁT

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
668.	NPV-Prozyme 900	Bacillus subtilis, Lactobacillus acidophilus, Protease, Amylase	Gói, hộp, bao	100, 200, 300, 400, 500g; 1, 3, 4, 5, 10, 15, 20kg	Cung cấp men vi sinh và enzyme tiêu hoá giúp cá dễ tiêu hoá thức ăn, <i>tăng hiệu quả sử dụng thức ăn</i>	VL.TS1-3
669.	NPV Bio-Subtyl	Bacillus subtilis	Túi, lon, xô	100, 200, 300, 400, 500g; 1, 4,5,10,15, 20kg	Cung cấp vi khuẩn hữu ích cho đường ruột, giúp kích thích tiêu hoá, tăng khả năng hấp thu thức ăn, giúp cá tôm ăn nhiều mau lớn	VL.TS1-11

**B. DANH MỤC THUỐC THÚ Y THỦY SẢN NHẬP KHẨU
MỸ**

1. SCHERING-PLOUGH ANIMAL HEALTH

CÔNG TY TNHH TM THÚ Y TÂN TIẾN

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
1.	Aquafen	Flofenicol	Gói, hộp	2kg	Điều trị bệnh nhiễm trùng đường ruột do vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> gây ra ở cá tra, cá basa. Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch	USA.TS1-1	3004.20

2.INTERNATIONAL NUTRITION INC

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN INTERNATIONAL NUTRITION

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
2.	Soluble ADE	Vitamin A, E, D3	Gói, hộp, bao	100, 250, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Tăng cường sự hấp thu và chuyển hóa canxi, phospho	USA.TS2-1	3004.50

3.PHARMAQ AS.

CÔNG TY TNHH BAYER VIỆT NAM

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
3.	Romet 30	Sulfadimethoxine, Ormetoprim	Thùng, bao	22,68Kg	Trị nhiễm khuẩn <i>Pseudomonas</i> sp., <i>Aeromonas</i> sp. Trên cá	USA.TS5-1	3004.20

THÁI LAN

4.BIOPHARMA RESEARCH & DEVELOPMENT CO., LTD

CÔNG TY VIỆT PHÁP QUỐC TẾ

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
4.	SPIRUVIT	Vitamin A, D, E, B1, B2, B6	Hộp	400g	Nâng cao khả năng chuyển hóa thức ăn. Thúc đẩy quá trình lột xác ở tôm.	THA.TS1-1	3004.50

5.	EX-PRO	<i>Lactobacillus plantarum</i> , <i>Bacillus subtilis</i> , <i>Saccharomyces cerevisiae</i>	Hộp	400g	Giúp tiêu hóa tốt thức ăn	THA.TS1-2	30023000
----	---------------	---	-----	------	---------------------------	-----------	----------

5.WELLTECH BIOTECHNOLOGY PRODUCTS CO.,LTD

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦ Y XANH VIỆT NAM

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
6.	BIO PAK	<i>Sacharmyces cerevisiae</i> , <i>Lactobacillus plantarum</i> , <i>Bacillus subtilis</i> , <i>Bacillus licheniformis</i> , Amylase, Protease, Lipase, Copper Proteinat, Zine proteinat, Potassium proteinat, Yucca	Hộp, xô	450g; 3kg	Tăng cường tiêu hóa và hấp thu thức ăn cho tôm	THA.TS2-1	293790
7.	C-SHRIMP	Vitamin C bọc	Gói	1kg	Nâng cao sức đề kháng; Tăng khả năng chịu đựng stress	THA.TS2-2	3004.50

6.BIO SOLUTION INTERNATIONAL CO., LTD

CÔNG TY TNHH TM & KTNN HƯƠNG GIANG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
8.	Aquamax	Taurine, Thiamine, Pyridoxine, Cobalamin	Gói, hộp	250g	Bổ sung các vitamin cần thiết trong khẩu phần ăn của tôm cá. Nâng cao khả năng chuyển hóa của thức ăn.	THA.TS3-1	3004.50
9.	Aquamax L	Taurine, Thiamine, Pyridoxin, Cobalamin, Sodium chloride, Potassium chloride, Tá dược v.đ	Chai	1 lít	Bổ sung các vitamin cần thiết trong khẩu phần ăn của tôm cá. Nâng cao khả năng chuyển hóa của thức ăn.	THA.TS3-2	3004.50

10.	Combax	Vitamin D3, Vitamin C, Sodium chloride, Dicalcium chloride, Potassium chloride, Ferrous sulfate monohydrate, <i>Bacillus subtilis</i> , <i>B.licheniformis</i> , <i>B.pumilus</i>	Gói, hộp	1kg, 2kg, 5kg	Hỗ trợ tiêu hóa, giúp tôm cá tiêu hóa thức ăn	THA.TS3-3	3004.50
11.	Nutrimix Fish	Vitamin B2, B12, C, K3, Inositol	Gói, hộp	1kg	Giúp cá mau chóng phục hồi sức khỏe. Kích thích cá ăn mạnh, làm tăng khả năng tiêu hóa và hấp thụ thức ăn. Giảm stress và tăng cường sức đề kháng cho cá	THA.TS3-5	3004.50

7.SUTHIN PRODUCTS FARM (S.P.F) CO., LTD

CÔNG TY TNHH TM & KTNN HƯƠNG GIANG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
12.	Green up	FeSO ₄ , CuSO ₄ , ZnSO ₄ , MnSO ₄ , MgSO ₄	Gói, hộp	1kg, 2kg	Bổ sung các chất khoáng vi lượng giúp thực vật phù du phát triển ổn định, tạo nguồn thức ăn tự nhiên cho tôm.	THA.TS4-4	3004.90.99
13.	Growmix	Ca(H ₂ PO ₄) ₂ , ZnSO ₄ , MnSO ₄ , CuSO ₄ , FeSO ₄ , Na ₂ SeO ₃ , CoSO ₄ , MgSO ₄ , NaCl,	Bao	1kg	Bổ sung các khoáng chất thiết yếu cho tôm cá; Phòng và trị các bệnh do thiếu khoáng chất ở tôm cá, hỗ trợ tôm lột xác và cứng vỏ nhanh	THA.TS4-9	3004.90.99
14.	Bot Clean	Peroxygen (Potassium peroxymonosulfate), Malic acid, Surfactant (Sodium dodecyl benzene sulphnate), Sodium hexametaphosphate	Lon, xô	500g; 1kg, 3kg	Khử trùng nước ao nuôi	THA.TS4-11	380894

8.PINPANAT INTERNATIONAL CO.,LTD

CÔNG TY TNHH TM & KTNN HƯƠNG GIANG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
15.	XC 90	Troclosene sodium 99,9% (Available chlorine 60,9%)	Hộp, xô, thùng	1, 3, 5, 30kg	Sát trùng, vi khuẩn gram âm, gram dương, bào tử trong nước	THA.TS5-1	380894
16.	Innovit	Vitamin B2, B12, C, K3, Inositol	Lon, bao	100, 500g; 1, 2, 25kg	Dùng cho tôm cá: giảm stress, tăng cường sức đề kháng, kích thích ăn, tăng khả năng tiêu hóa và hấp thụ thức ăn.	THA.TS5-7	3004.50
17.	Ultimix	Vitamin B1, B2, B6, B12, C, lysine, Ca(H ₂ PO ₄) ₂ , FeSO ₄ , CuSO ₄ , ZnSO ₄ , MgSO ₄ , MnSO ₄ , CoSO ₄ , NaCl, Na ₂ SeO ₃	Lon, bao	500g; 1, 2, 25kg	Bổ sung các vitamin, acid amin, khoáng chất thiết yếu cho tôm; Phòng và trị bệnh xốp thân mềm vỏ ở tôm, hỗ trợ tôm lột xác và cứng vỏ nhanh	THA.TS5-8	3004.50

9.VET SUPERIOR CONSULTANT CO., LTD

CÔNG TY TNHH TM & KTNN HƯƠNG GIANG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
18.	Zynoco	Calcium proteinate, Magnesium proteinate, Potassium proteinate, Zinc proteinate, Manganes proteinate, Iron proteinate, Copper proteinate, Chromium proteinate, Cobalt proteinate	Chai	500ml; 1 lít	Bổ sung các khoáng chất hữu cơ thiết yếu cho tôm cá, phòng các bệnh do thiếu khoáng chất như chậm lớn, mềm vỏ, hỗ trợ tôm lột vỏ và cứng vỏ nhanh; giúp phát triển hệ xương và vẩy ở cá.	THA.TS6-1	3004.90.99

10.BETTER PHARMA CO., LTD

CÔNG TY TNHH TM TÂN TIẾN

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
----	------------------------	-----------------	---------------	-------------------	-----------	------------	-------

19.	ANTIBAC	Sulfadimethoxine sodium, Trimethoprim	can	1lít	Điều trị bệnh nhiễm khuẩn nhạy cảm với thuốc này như Vibrio spp, Pseudomonas spp, Aeromonas hydrophila, Streptococcus spp trên tôm cá. Ngừng sử dụng thuốc trước khi thu hoạch 21 ngày	THA.TS7-1	3004.20
20.	OXYBAC 50	Oxytetracycline hydrochloride	Can	1 lít	Điều trị bệnh nhiễm khuẩn nhạy cảm với thuốc này như Vibrio spp, Pseudomonas spp, Aeromonas hydrophila, Streptococcus spp trên tôm cá. Ngừng sử dụng thuốc trước khi thu hoạch 21 ngày	THA.TS7-2	3004.20

10.BETTER PHARMA CO., LTD

CÔNG TY CP KINH DOANH THUỐC THÚ Y AMAVET

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
21.	AQUANES	Eugenol 5%	Gói	100ml, 500ml; 1,5lit	Thuốc gây mê trên cá	THA.TS7-3	3004.90.49

11.ADVANCE PHARMA CO., LTD

CÔNG TY TNHH TM TÂN TIẾN

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
22.	OT 20	Oxytetracycline hydrochloride	Túi nhựa, chai nhựa	100g, 500g	Điều trị bệnh nhiễm khuẩn nhạy cảm với thuốc này như Vibrio spp, Pseudomonas spp, Aeromonas hydrophila, Streptococcus spp trên tôm cá. Ngừng sử dụng thuốc trước khi thu hoạch 21 ngày	THA.TS8-1	3004.20
23.	OT 50	Oxytetracycline hydrochloride	Túi nhựa, chai nhựa	100g, 500g	Điều trị bệnh nhiễm khuẩn nhạy cảm với thuốc này như Vibrio spp, Pseudomonas spp, Aeromonas hydrophila, Streptococcus spp trên tôm cá. Ngừng sử dụng thuốc trước khi thu hoạch 21 ngày	THA.TS8-2	3004.20

11.ADVANCE PHARMA CO., LTD
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẤM NUÔI CP VIỆT NAM

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
24.	Trino Prim	Sulfamonomethoxine Sodium, Trimethoprim	Gói	500g	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do <i>Aeromonas hydrophila</i> , <i>Pseudomonas spp.</i> , <i>Vibrio spp.</i> Và <i>Sreptococcus spp.</i> Trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 21 ngày trước thu hoạch.	THA.TS8-3	3004.20

12.SAHATHANEE CO., LTD
CÔNG TY CP KINH DOANH THUỐC THÚ Y AMAVET

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
25.	Microclean 100 Premix	Bacillus subtilis	Gói, túi, bao	100g, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Cung cấp vi sinh vật có lợi, cải thiện chất lượng nước ao nuôi, cải thiện việc sử dụng thức ăn trên tôm, cá	THA.TS9-1	30023000

ẤN ĐỘ

13.SVAKS BIOTECH INDIA PVT. LTD
CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊU CHUẨN SINH HỌC VĨNH THỊNH

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
26.	C-Vits	Vitamin C	Gói, hộp, bao	250g, 500g, 1kg, 25kg	Giúp tôm tăng khả năng kháng bệnh. Giảm stress khi môi trường thay đổi	IND.TS1-1	3004.50
27.	PROFS	Amylase, Protease, Cellulase, Xylanase, <i>Candida utilis</i> , <i>Lactobacillus acidophilus</i> , <i>Saccharomyces cerevisiae</i>	Hộp, gói	50, 100, 200, 250, 500g; 1, 2, 4, 5, 10kg	Thúc đẩy quá trình tiêu hoá và hấp thụ thức ăn của tôm.	IND.TS1-2	30023000

14.SRIBS BIOTECKNO INTERNATIONAL

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN ÁNH DƯƠNG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
28.	suPerio	Alkyl Aryl Polyoxyethylene Iodine	Chai	500ml, 1 lít	Diệt khuẩn, nguyên sinh động vật và nấm trong nguồn nước nuôi trồng thủy sản. Sát trùng dụng cụ, lồng bè, bồn bể, trại sản xuất tôm cá giống	IND.TS2-5	380894
29.	uniQsan	Formalin, Benzalkonium chloride	Can	2, 5 lít	Diệt khuẩn, nguyên sinh động vật, nấm trong nước ao nuôi	IND.TS2-6	380894
30.	bioNa	Allicine	Gói, hộp	500g, 1kg	Tăng cường sức đề kháng, kiểm soát hiệu quả tác nhân gây bệnh đường ruột	IND.TS2-7	
31.	Sanio	Alkyl Aryl Polyoxyethylene Iodine	Chai	500ml, 1 lít	Diệt khuẩn, nguyên sinh động vật và nấm trong nước ao nuôi thủy sản.	IND.TS2-8	380894

15.LIFE LABOLATORIES

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN ÁNH DƯƠNG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
32.	IOMAX	Alkyl Aryl Polyoxyethylene Iodine	Chai	500ml, 1 lít	Diệt khuẩn, nguyên sinh động vật, nấm trong nguồn nước nuôi trồng thủy sản.	IND.TS3-2	380894

16.BIOSTADT INDIA LIMITED

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊU CHUẨN SINH HỌC VĨNH THỊNH

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
33.	IODIS	Alkyl Aryl Polyoxyethylene Iodine	Chai	500ml, 1 lít	Diệt khuẩn, nguyên sinh động vật và nấm trong nguồn nước nuôi trồng thủy sản. Sát trùng dụng cụ, lồng bè, bồn bể, trại sản xuất tôm cá giống	IND.TS4-3	380894

17.KEMIN INDUSTRIES SOUTH ASIA PVT. LTD

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊU CHUẨN SINH HỌC VĨNH THỊNH

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
34.	CYANO CURD®	Trihydroxy benzoic acid	Gói, hộp, bao	100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Ức chế sự tảo lam và nâng cao sự phát triển của tảo có lợi.	IND.TS5-1	380894

18.SHREE CHLORATES (PROP.ZENITH ELECTROCHEM PVT.LRD)

CÔNG TY CP THUỐC THỦ Y TRUNG ƯƠNG (NAVETCO)

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
35.	Sodium Chlorite 20%	NaClO ₂	Túi	100, 500g; 1, 2, 5, 20, 50kg	Khử trùng nước, sát khuẩn, khử mùi	IND.TS6-1	380894

ĐÀI LOAN

19.LONG MAN AQUA CO, LTD

CÔNG TY TNHH LONG SINH

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
36.	SHRIMP POWER	Vitamin A, B2, C, D3	Gói, hộp, bao	500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Giúp tôm tăng trưởng nhanh, tăng sức đề kháng	TAI.TS1-1	3004.50
37.	THREE IN ONE	Vitamin E, K, H	Gói, hộp	100g, 200g, 500g, 1kg	Bổ sung vitamin giúp tôm cá khỏe mạnh	TAI.TS1-2	3004.50

20.WALLANCE PHARMACEUTICAL CO.,LTD

CÔNG TY TNHH BÁCH THỊNH

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
----	------------------------	-----------------	---------------	-------------------	-----------	------------	-------

38.	B-41	Oxytetracyclin HCl	Gói, hộp	50g, 100g, 500g	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas, Edwardsiella (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	TAI.TS2-1	3004.20
39.	B-40	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Gói, hộp	50g, 100g, 500g	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn Vibrio trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas, Edwardsiella (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	TAI.TS2-2	3004.20

21.NICE GARDEN INDUSTRIAL CO.,LTD

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊU CHUẨN SINH HỌC VĨNH THỊNH

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
40.	Fantai Chlormate	Calcium Hypochlorite	Thùng	10, 20, 25, 40 45, 50kg	Khử trùng dụng cụ, nước ao nuôi, ao lắng, bể lắng và bể ương	TAI.TS3-1	30049030
41.	CLOR POWER	Sodium hypochlorite 70%	bao	10, 20, 25, 40, 45, 50kg	Khử trùng dụng cụ, nước ao nuôi, ao lắng, bể lắng và bể ương	TAI.TS3-2	3004.90.99
42.	Fantai TCCA 90%	Chlorine (90%)	Hộp, xô	1, 2, 5, 20kg	Khử trùng dụng cụ, nước ao nuôi, bể lắng, bể ương nuôi.	TAI.TS3-3	380894

22.BION TECH INC, TAIWAN

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NUÔI TRỒNG THỦY SẢN HƯƠNG GIANG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
43.	Combax	Bacillus (B. subtilis, B. licheniformis, B. pumilus)	Bao	500g; 1kg, 2kg	Giúp tăng hấp thu thức ăn, ăn nhiều ở tôm, cá; giảm chất thải trong ao nuôi	TAI.TS4-1	30023000
44.	Maxifort	Bacillus subtilis	Bao nhôm	100, 500g; 1, 2, 20kg	Bổ sung vi sinh vật có lợi, tăng cường khả năng tiêu hóa thức ăn cho tôm, cá.	TAI.TS4-2	30023000

23.VEDAN BIOTEACHNOLOGY CORPORATION*CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI NUÔI TRỒNG THỦY SẢN HƯƠNG GIANG*

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
45.	Bio Boost	Alanine, Isoleucine, Glycine, Valine, Glutamic acid, Aspartic acid	Chai, can	1, 5, 20 lít	Bổ sung acid amin cần thiết cho tôm cá. Phòng và trị một số bệnh do thiếu acid amin ở tôm cá như còi, chậm lớn. Cải thiện hệ số thức ăn.	TAI.TS5-1	3004.50

24.SBC VIRBAC BIOTECH CO., LTD*CÔNG TY TNHH VIRBAC VIỆT NAM*

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
46.	Piscigen ESC Edwardsiella ictaluri Inactivated Immersion Bacterin, Piscigen ESC Edwardsiella ictaluri Inactivated Oral Bacterin	Edwardsiella ictaluri	Chai	500ml	Gây miễn dịch chủ động giúp ngăn ngừa bệnh gan thận mũ gây ra bởi Edwardsiella ictaluri trên cá tra.	TAI.TS6-1	30023000

TRUNG QUỐC**25.GUANG DONG HAIFU MEDICINE CO.,LTD***CÔNG TY TNHH KHO VẬN, GIAO NHẬN VÀ THƯƠNG MẠI THÀNH Ý*

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
----	------------------------	-----------------	---------------	-------------------	-----------	------------	-------

47.	FLORFENICO L	Florfenicol	Gói, hộp	100g, 250g	Điều trị các loại bệnh xuất huyết, viêm loét đường ruột của thủy sản (cá basa) gây nên bởi vi khuẩn <i>Edwardsiella ictaluri</i> . Ngừng sử dụng 12 ngày trước thu hoạch.	CHN.TS1-1	3004.20
-----	---------------------	-------------	----------	------------	---	-----------	---------

26.AQUACHEM INDUSTRY CO;LTD

CÔNG TY TNHH TM & KTNN HƯƠNG GIANG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
48.	HG 99	Chlorine	Hộp, xô	1 kg, 3kg, 5kg, 30kg	Sát trùng nước ao nuôi thủy sản	CHN.TS2-1	380894

27.GUANGZHOU HUADOUDISTRICT HENGTAI ANIMAL PHARMACEUTICAL FACTORY

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN VICATO

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
49.	Vicato khử trùng (TCCA) dạng bột	Chlorine (Trichloro isocyanuric acid)	Chai, Thùng, Bao	1, 2, 5, 25, 40, 80kg	Khử trùng môi trường nuôi trồng thủy sản; khử trùng dụng cụ, bể ương thủy sản	CHN.TS3-1	380894
50.	Vicato khử trùng (TCCA) dạng viên	Chlorine (Trichloro isocyanuric acid)	Thùng, túi	Viên 2g; Thùng, túi: 1, 2, 5, 10, 20, 50kg	Khử trùng môi trường nuôi trồng thủy sản; khử trùng dụng cụ, bể ương thủy sản	CHN.TS3-2	380894

28.CHINA AT BIOCHEMISTRY SCITECH CO., LTD

CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
51.	Chlorine Dioxide	NaClO ₂	hộp	1kg	Khử trùng nước, diệt khuẩn, khử mùi	CHN.TS4-1	380894

29.TIANJIN RUIFUIN CHEMICAL CO., LTD

CÔNG TY TNHH TÂN AN

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
----	------------------------	-----------------	---------------	-------------------	-----------	------------	-------

52.	Calcium Hypochlorite	Chlorine	Thùng	50kg	Khử trùng nước ao nuôi thủy sản.	CHN.TS5-1	380894
-----	----------------------	----------	-------	------	----------------------------------	-----------	--------

30.TIANJIN KAIFENG CHEMICAL CO., LTD

CÔNG TY TNHH TÂN AN

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
53.	Calcium Hypochlorite	Chlorine	Thùng	50kg	Khử trùng nước ao nuôi thủy sản.	CHN.TS6-1	380894

31.GUANGZHOU HUADOU DISTRICT HENGTAI ANIMAL PHARMACEUTICAL FACTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN NGỌC PHƯƠNG VIỆT

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
54.	TOMCAVIET-TCCA	Trichloroisocyanuric acid	Chai, xô	1, 2, 5, 10, 20, 50kg (Viên 2g, 20g, 200g)	Sát trùng, xử lý nguồn nước cấp cho ao nuôi tôm, cá; Khử trùng bể nuôi và dụng cụ	CHN.TS7-1	380894

CHILÊ

32.LABORATORY CENTROVET LTD

CÔNG TY TNHH TM&SX VIỆT VIỆN

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
55.	Cress 50%	Bronopol	Chai	500ml, 1 lít, 5lít	Diệt khuẩn và phòng trị nấm thủy mi Saprolegnia trên cá nuôi và trứng cá thụ tinh	CHI.TS1-1	30049030
56.	Yodocap 10%	Povidone Iodine	Chai, thùng	500ml; 1, 5, 20L	Khử trùng nước, dụng cụ nuôi trồng thủy sản	CHI.TS1-2	380894

ITALY

33.CÔNG TY DOX-AL S.P.A

CÔNG TY TNHH TM NUÔI TRỒNG THỦY SẢN HƯƠNG GIANG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
57.	SANIDOX	Chloramin T	Bao	50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 25kg	Tiêu diệt virus, vi khuẩn, ký sinh trùng và nguyên sinh động vật trên tôm cá; sát trùng dụng cụ thiết bị trong sản xuất giống thủy sản	ITA.TS1-1	30049030
58.	VANATOP	Vitamin B1, B2, B6, Methionine, Lysine, CaHPO ₄ , FeSO ₄ , ZnSO ₄ .	Chai	500ml; 1 lít	Bổ sung các vitamin, khoáng chất, acid amin thiết yếu cho tôm, cá	ITA.TS1-2	3004.50
59.	RICODEN	FeSO ₄ .7H ₂ O, CaHPO ₄ , NaH ₂ PO ₄ .2H ₂ O, MnSO ₄ .4H ₂ O, ZnSO ₄ .7H ₂ O, CoCl ₂ , Na ₂ SeO ₃ , KH ₂ PO ₄ ,	Chai	500ml; 1, 5, 10 lít	Bổ sung các khoáng chất thiết yếu cho tôm cá; Phòng và trị các bệnh ở tôm, cá do thiếu khoáng chất như chậm lớn, xóp thân mềm vỏ ở tôm, hỗ trợ tôm lột xác và cứng vỏ nhanh; giúp phát triển hệ xương và vảy ở cá.	ITA.TS1-3	3004.90.99
60.	DOXALASE	Lysine, alanine, leucine, methionine, arginine, tryptophan, proline, serine, aspartic acid.	Chai	250ml, 500ml; 1 lít	Bổ sung acid amin, phòng và trị bệnh do thiếu acid amin ở tôm, cá. Nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn	ITA.TS1-4	3004.50
61.	Santax T	Vitamin B1, B2, B6; CaHPO ₄ , FeSO ₄ , ZnSO ₄ , NaCl, MgSO ₄ , CuSO ₄	Bao, xô	1kg, 3kg, 20kg	Bổ sung các vitamin và khoáng chất, phòng trị các bệnh do thiếu vitamin và khoáng chất ở cá như giảm ăn, chậm lớn.	ITA.TS1-5	3004.50
62.	BRAVO	Lysine, Alanine, Leucine, Methionine, Arginine, Aspartic acid	Bao, xô	500g; 1, 2, 3, 5, 25kg	Bổ sung acid amin cho tôm cá, phòng và trị bệnh do thiếu acid amin ở tôm cá. Nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn	ITA.TS1-6	3004.50
63.	Energeo	Cinnamaldehyde, Vitamin A, E, B1, B2, Inositol	Bao, xô	500g; 1, 2, 5, 20, 25kg	Bổ sung vitamin cho tôm cá, phòng và trị bệnh do thiếu vitamin ở tôm cá. Nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn, sức đề kháng, hỗ trợ trong điều trị bệnh nhiễm khuẩn cho tôm cá.	ITA.TS1-7	3004.50

PHÁP

34.CÔNG TY AQUA TECHNA

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊU CHUẨN SINH HỌC VĨNH THỊNH

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
64.	IMMUTECH – S/F	Vitamin E, C, Selenium, Beta-Glucan, Manoolygosaccharide	Hộp, gói, bao	50, 100, 200, 250, 300, 400, 500g; 1, 2, 3, 4 5, 10, 15, 20, 25kg	Ngăn ngừa stress và phục hồi sức khỏe sau stress	FRA.TS1-1	3004.50
65.	PERFOSTIM – S/F	Vitamin E, C, Se, <i>Pediococcus acidilactici</i>	Hộp, gói, bao	50, 100, 200, 250, 300, 400, 500g; 1, 2, 3, 4 5, 10, 15, 20, 25kg	Ổn định hệ vi sinh vật đường ruột cho tôm và cá trong quá trình nuôi. Cải thiện tình trạng sức khỏe cho tôm.	FRA.TS1-2	3004.50
66.	CALCI – S	Dicalcium phosphate, Vitamin A, D3, E, Betaine, Inositol	Gói, hộp, bao	50, 100, 200, 250, 300, 400, 500g; 1, 2, 3, 4 5, 10, 15, 20, 25kg	Bổ sung các chất dinh dưỡng cần thiết cho sự phát triển của tôm	FRA.TS1-3	3004.50

35.PHYTOSYNTHESE

CÔNG TY TNHH TM NUÔI TRỒNG THỦY SẢN HƯƠNG GIANG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
67.	PROTOPHYT	Vitamin B1, B2, E, A, Cinnamaldehyde	Lon, bao	500g, 1kg, 20kg	Bổ sung vitamin cần thiết cho tôm cá; Tăng cường hấp thu thức ăn; Nâng cao sức đề kháng và hỗ trợ trong điều trị nhiễm khuẩn ở tôm, cá	FRA.TS2-1	3004.50
68.	Sedaqua	Vitamin B1, B2, A, E, Valerenic acid	Lon, bao	500g, 1kg, 20kg	Bổ sung vitamin cần thiết cho tôm cá; Tăng cường hấp thu thức ăn; Hỗ trợ giảm stress cho tôm cá.	FRA.TS2-2	3004.50
69.	Oxynat 3D	Vitamin A, B1, E, Curcuminoid	Lon, bao	500g, 1kg, 20kg	Bổ sung vitamin A, E cho tôm, cá; Phòng và trị một số triệu chứng do thiếu vitamin A, E; tăng sức đề kháng cho tôm, cá.	FRA.TS2-3	3004.50
70.	Phytopro	Vitamin B1, B2, A, Inositol	Lon, bao	500g, 1kg, 20kg	Bổ sung vitamin trong quá trình lột xác, tăng trưởng	FRA.TS2-4	3004.50

71.	PHYTOPHYT	Vitamin B1, B2, E, A, Inositol, Sylimarine	Lon, bao	500g, 1kg, 20kg	Bổ sung vitamin cần thiết cho tôm cá; Tăng cường hấp thu thức ăn; Hỗ trợ cải thiện chức năng gan.	FRA.TS2-5	3004.50
-----	------------------	--	----------	-----------------	---	-----------	---------

36.BRETAGNE CHIMIE FINE – (BCF)

CÔNG TY TNHH TM NUÔI TRỒNG THỦY SẢN HƯƠNG GIANG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
72.	Maxilon⁺	Arginin, Alanine, Cystine, Leucine, Valine, Phenylalanine, Glycine, Isoleucine, Lysine, Proline, Threonine, Serine, Glutamic acid	Chai	1 lít	Bổ sung acid amin, phòng và trị bệnh do thiếu acid amin ở tôm, cá. Nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn	FRA.TS3-1	3004.50
73.	Maxilon	Arginin, Alanine, Cystine, Leucine, Valine, Phenylalanine, Glycine, Isoleucine, Lysine, Proline, Threonine, Serine	Lon, bao	180g, 1kg, 25kg	Bổ sung acid amin, phòng và trị bệnh do thiếu acid amin ở tôm, cá. Nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn	FRA.TS3-2	3004.50

ANH

37.COVENTRY CHEMICALS LIMITED

CÔNG TY TNHH INTERVET VIỆT NAM

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
74.	Aqua Omnicide	Glutaraldehyde, Cocobenzyl dimethyl ammonium chloride	Can	1, 5, 20 lít	Sát trùng nguồn nước nuôi trồng thủy sản	ENG.TS1-1	380894

38.NOVATIS ANIMAL VACCINES LTD

CÔNG TY TNHH TM THÚ Y TÂN TIẾN

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
75.	Pyceze	Bronopol 500mg/ml	Chai	1 lít, 5 lít	Phòng và trị nấm (Saprolegnia spp) trên trứng cá hồi và cá hồi Atlantic nuôi trang trại, cá hồi vân nuôi trong vùng nước ngọt	ENG.TS2-1	30049030

39.PHARMAQ LTD

CÔNG TY TNHH PHARMAQ VIỆT NAM

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
76.	Tricaine Pharmaq	Tricaine Methane Sulphonate 100%	Gói	25, 100, 250g; 1kg	Dùng ngâm để gây mê cho cá.	ENG.TS3-1	3004.90.49

40.QUAT CHEM LTD

CÔNG TY TNHH RUBY

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
77.	QuatSan	Quaternary Ammonium Compounds	Can, Thùng	5 & 25 lít; 200 kg & 1000 kg	Sát trùng bề mặt, cơ sở nuôi, trang thiết bị.	ENG.TS4-1	380894
78.	Viroxide Super	Triple Salt	Bình, gói, bao	1, 2, 5 kg	Sát trùng bề mặt, cơ sở nuôi, trang thiết bị.	ENG.TS4-2	380894
79.	Viroxide Aqua	Triple Salt	Bình, gói, bao	1, 2, 5 kg	Sát trùng nước ao nuôi trước khi thả giống. Sát trùng bề mặt cứng, thiết bị, dụng cụ nuôi.	ENG.TS4-3	380894
80.	Aquaguard	Quaternary Ammonium Chloride	Can, Thùng	1, 5, 25, 200, 1000 kg	Sát trùng nước ao nuôi trước khi thả giống.	ENG.TS4-4	380894

HÀN QUỐC

41.CTCBIO INC HÀN QUỐC

CÔNG TY TNHH CTCBIO VIỆT NAM

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
----	------------------------	-----------------	---------------	-------------------	-----------	------------	-------

81.	Prazi-Capsule 40	Praziquantel	Gói	1kg	Trị sán lá đơn chủ. Thời gian ngừng sử dụng thuốc trước thu hoạch 10 ngày.	KOR.TS1-1	3004.90.99
-----	-------------------------	--------------	-----	-----	--	-----------	------------

42.CÔNG TY PROBIONIC

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT VIỆT HÀN

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
82.	proBio Aqua	<i>Lactobacillus reuteri</i> , <i>Lactobacillus salivarius</i> , <i>Saccharomyces cerevisiae</i> .	Gói, hộp	250g, 500g; 1kg, 5kg	Bổ sung dinh dưỡng, giúp tiêu hóa thức ăn và phát triển nhanh	KOR.TS2-1	30023000

MALAYSIA

43.Y.S.P INDUSTRIES (M) SDN.BHD

CÔNG TY TNHH Y.S.P VIỆT NAM

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
83.	LACPAN POWDER	Biodiatase, Lactobacillus powder, Vitamin A, D3, E, vitamin B1 mononitrate, B2, B6, B12, C, Nicotinamide, Ca Pantothenate, Folic acid, Lysin HCl, Ca phosphate dibasic	Bao nhôm	100g, 1kg	Phòng và điều trị các bệnh do thiếu vitamin; cải thiện tiêu hóa và hấp thu các chất dinh dưỡng	MAL.TS1-1	3004.50
84.	Vitosol Powder	Vitamin A, D3, E, B1, Riboflavin, Pyridoxine hydrochloride, Nicotinamide, Cyanocobalamin, Ascorbic acid, Biton, Calcium Pantothenate, Folic acid	Bao nhôm	100g, 1kg	Phòng ngừa và điều trị stress gây ra do bệnh tật, tăng sự thèm ăn	MAL.TS1-2	3004.50

85.	IPORE POWDER	Povidine Iodine	Bao nhựa	100g, 1.5kg	Sát trùng diệt khuẩn, nguyên sinh động vật, làm sạch nguồn nước ao nuôi thủy sản. Sát trùng nhà xưởng, dụng cụ, trang thiết bị trong bể ương.	MAL.TS1-3	380894
86.	IPORE SOLUTION	Povidone Iodine	Chai nhựa	1, 3.8, 25 lít	Sát trùng diệt khuẩn, nguyên sinh động vật, làm sạch nguồn nước ao nuôi thủy sản. Sát trùng nhà xưởng, dụng cụ, trang thiết bị trong bể ương.	MAL.TS1-4	380894
87.	Maxiplus Powder	Sodium chloride, Potassium chloride, Magnesium sulfate, Manganese sulfate, sodium citrate, Glucose (Dextrose) Anhydrous, sodium bicarbonate	Bao nhôm	100g, 1kg	Bổ sung khoáng kích thích tôm lột vỏ, mau lớn; mau cứng vỏ sau khi lột, giúp vỏ tôm dày chắc, bóng đẹp	MAL.TS1-5	3004.90.99
88.	Oxytet 60% Powder	Oxytetracycline HCl	Gói, Bao	20; 100; 180g; 1; 5; 20kg	Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn vibrio trên tôm. Trị các bệnh nhiễm khuẩn Pseudomonas sp., Aeromonas. Sp, Edwardsiella (đốm đỏ, hậu môn sưng đỏ, xuất huyết) trên cá nuôi nước ngọt. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	MAL.TS1-6	3004.20
89.	OXYTET POWDER	Oxytetracycline HCl	Bao nhôm	100g, 1kg	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas, Edwardsiella gây ra với biểu hiện đốm đỏ, xuất huyết, hậu môn sưng đỏ trên cá nuôi nước ngọt. Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn vibrio gây ra trên tôm. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	MAL.TS1-7	3004.20

90.	WELLCOM POWDER	Sulfadimethoxine sodium, Trimethoprim	Bao nhôm	100, 500g	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do Aeromonas, Pseudomonas, Edwardsiella gây ra với biểu hiện đốm đỏ, xuất huyết, hậu môn sưng đỏ trên cá nuôi nước ngọt. Trị bệnh phát sáng do vi khuẩn vibrio gây ra trên tôm. Ngừng sử dụng 4 tuần trước thu hoạch.	MAL.TS1-8	3004.20
-----	-----------------------	---------------------------------------	----------	-----------	--	-----------	---------

SINGAPORE

44.BIOMIN SINGAPORE PTE;LTD

CÔNG TY TNHH BIOMIN VN

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
91.	AquaStar[®] Growout	Bacillus subtilis, Pediococcus acidilactici. Lactobacillus plantarum	Bao	500g, 1; 5kg	Tăng cường các vi sinh vật hữu ích nhằm cải thiện tiêu hoá và tăng cường chức năng miễn dịch đường ruột cho tôm, cá trong giai đoạn nuôi thương phẩm	SIN.TS2-3	30023000
92.	AquaStar[®] Hatchery	Bacillus subtilis, Pediococcus acidilactici. Lactobacillus plantarum	Bao	500g, 1; 5kg	Tăng cường các vi sinh vật hữu ích nhằm cải thiện tiêu hoá và tăng cường chức năng miễn dịch đường ruột cho tôm, cá giống	SIN.TS2-4	30023000

XCÓT-LEN

45.KILCO (INTERNATIONAL) LTD, SCOTLAND

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT DINH DƯỠNG THÚ Y NAM LONG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
93.	VIROPHOR	Iodine	Chai	1, 5, 25, 200 lít	Diệt khuẩn, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi. Sát trùng, dụng cụ nuôi tôm cá	SCO.TS1-1	380894
94.	VIROGUARD	Formaldehyde, Glutaraldehyde, Benzalkonium chloride	Chai	1, 5, 25, 200 lít	Diệt khuẩn, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi. Sát trùng, dụng cụ nuôi tôm cá	SCO.TS1-2	380894

95.	VIREX	Potassium monopersulfate	Gói, hộp	1, 5, 10kg	Sát trùng, khử trùng nguồn nước ao nuôi, dụng cụ nuôi tôm cá	SCO.TS1-3	380894
-----	--------------	--------------------------	----------	------------	--	-----------	--------

NHẬT BẢN

46.SERACHEM CO., LTD

CÔNG TY TNHH INTERVET VIỆT NAM

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
96.	Bicomarin 5% Powder	Bicozamycin benzoate	Gói, hộp	500g, 5kg	Điều trị bệnh gan thận có mũ do vi khuẩn Edwardsiella ictaluri gây ra ở cá tra, cá basa. Ngưng sử dụng thuốc trước khi thu hoạch 21 ngày.	JPN.TS1-1	3004.20

47.HIROSHIMA FACTORY, KYORITSU SEIYAKU CORPORATION

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
97.	Ursodeoxycholic acid 5%	Ursodeoxycholic acid	Gói, bao	100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Phòng ngừa và điều trị các rối loạn tiêu hóa trên cá.	JPN.TS2-1	
98.	Glutathione 2%	Glutathione	Gói, bao	100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Phòng ngừa và điều trị các rối loạn tiêu hóa trên cá	JPN.TS2-2	380894

ĐỨC

48.NOVUS DEUTSCHLAND GMBH

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊU CHUẨN SINH HỌC VĨNH THỊNH

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
99.	MERA TM CID	Formic acid, Propionic acid, Silicic acid, Amonium formate, Amonium propionate	Bao, hộp, xô, thùng	500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 40, 50kg	Bổ sung a xít hữu cơ, kìm hãm sự phát triển của vi khuẩn và nấm mốc trong thức ăn.	GER.TS1-1	380894

49.XVET MARKETING GMBH

CÔNG TY TNHH TMSX VIỆT VIỄN

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
100.	Super CPM	Calcium Chloride, Orthophosphoric acid, Magnesium chlorid	Chai, thùng, phi	500ml; 1, 5, 25, 220 lít	Cung cấp Ca, P cho tôm, nâng cao chất lượng vỏ, cải thiện sự tăng trưởng	GER.TS2-1	3004.90.99

NEW ZEALAND

50.AQUI-S NEW ZEALAND LIMITED

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH BAYER VIỆT NAM

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
101.	AQUI-S	Isoeugenol 50%	Chai, lọ	100ml; 1 lít	Thuốc gây mê trên cá tra.	NZL.TS1-1	3004.90.49

NA UY

51.CÔNG TY PHARMAQ

CÔNG TY TNHH PHARMAQ VIỆT NAM

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
102.	Anpha Ject panga 1	Vi khuẩn Edwardsiella ictaluri bất hoạt	Chai	500ml	Phòng bệnh nhiễm trùng trên cá tra do vi khuẩn Edwardsiella ictaluri gây ra.	NAU.TS1-1	293790

HÀ LAN

52.INTERVET INTERNATIONAL B.V

CÔNG TY TNHH INTERVET VIỆT NAM

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
103.	Aquavac TM Strep Sa	Streptococcus agalactiae	Chai	50, 100, 250, 500ml; 1 lít	Kích hoạt miễn dịch hỗ trợ phòng bệnh do Streptococcus agalactiae gây ra trên cá điêu hồng	HOL.TS1-1	30023000
104.	Norvax® Strep Si	Streptococcus iniae	Chai	100, 250, 500ml; 1 lít	Kích hoạt miễn dịch hỗ trợ phòng bệnh do Streptococcus iniae gây ra trên cá chẽm	HOL.TS1-2	30023000

TÂY BAN NHA**1.INDUSTRIAL VETERINARIA S.A. INVESA***CÔNG TY TNHH TM-SX NAM PHÚC THỊNH*

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
105.	Aqua-Net Eco Tablets	Oxidants 96% (Potassium monopersulfate)	Gói, hộp	Viên 200g	Xử lý nước ao nuôi	SPA.TS1-1	380894

**C. SẢN PHẨM ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH ĐẾN NGÀY HẾT HIỆU LỰC CỦA GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH SẢN PHẨM
SẢN PHẨM SẢN XUẤT TRONG NƯỚC**

1. CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG 5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
1.	Five-Gaeclean Aqua	Cu (CuSO ₄)	Lọ, chai, can	10, 20, 50, 100, 250, 500ml; 1, 2, 5, 10lít	Diệt tảo nước ao nuôi	HN.TS9-10

2.CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ NÔNG THÔN (RTD)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
2.	Zeolite	SiO ₂ , Al ₂ O ₃ , CaO, MgO, TiO ₂ , Fe ₂ O ₃ , K ₂ O, Na ₂ O	Túi, hộp, bao	100, 250, 500g, 1, 5, 10, 20kg	Hấp thụ ion NH ₄ (NH ₃) trong môi trường nước ngọt. Lắng tụ các chất lơ lửng và các chất cặn bã khác trong nước.	HN.TS5-11
3.	SUPER Ca - RT	CaCO ₃	Túi, hộp, bao	100, 250, 500g, 1, 2, 5, 10, 20kg	Tăng độ kiềm, ổn định pH trong ao nuôi.	HN.TS5-12
4.	Clean QA	<i>Bacillus licheniformis</i> , <i>Bacillus polymyxa</i> , <i>Bacillus subtilis</i> , <i>Bacillus megaterium</i>	Túi, hộp, bao	100, 200, 250, 500g, 1, 5, 10, 20kg	Phân hủy mùn bã hữu cơ làm sạch môi trường nước và đáy ao; Cung cấp thêm nguồn vi khuẩn có lợi cho ao nuôi tôm	HN.TS5-13
5.	TOREN	Sodium Thiosulfate,	Chai, can	100, 200,	Xử lý nước ao bị ô nhiễm lắng đọng các	HN.TS5-14

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
		Sodium Lauryl Sulfate, EDTA		500ml, 1, 5, 10, 20 lít	chất hữu cơ lơ lửng và giảm độ nhớt trong nước	
6.	OXYMAX	Sodium carbonate peroxide	Túi, hộp, bao	100, 250, 500g, 1, 5, 10, 20kg	Cung cấp oxy hòa tan trong nước, cấp cứu khi tôm nổi đầu do thiếu oxy.	HN.TS5-15
7.	Rulic	Mono potassium phosphate, mono amonium phosphate, Potassium nitrat, Sodium sillicat, Calci chloride, Magnesium chloride, Vitamin B1, B2, Zinc chloride, Iron nitrate, Copper nitrate, Folic acid	Chai, can	100, 200, 500ml, 1 2, 5, 10, 20 lít	Cung cấp chất dinh dưỡng giúp thực vật phù du phát triển, tạo nguồn thức ăn tự nhiên cho tôm cá; Gây màu nước ao nuôi	HN.TS5-20
8.	SAPONIN – RT	Saponin	Túi, hộp, bao	100, 250, 500g, 1, 5, 10, 20kg	Diệt cá tạp	HN.TS5-21

3. CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y SVT THÁI DƯƠNG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
9.	TD- Oxygen	Sodium carbonate peroxyde	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg, 3kg, 5kg	Cung cấp oxy hòa tan cho nước ao nuôi.	HN.TS11-2

4. CÔNG TY CỔ PHẦN HÙNG NGUYÊN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
10.	ANTI-MET	Ethylenediamine Tetraacetic acid	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1Kg	Làm lắng tụ các chất hữu cơ và kết tủa kim loại nặng.	HY.TS1-2
11.	TOXIC- G	Fe2O3, SiO2	Túi, lon	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Hấp thu khí độc, cải tạo chất lượng nước ao nuôi, tăng kiềm giúp tôm lột xác tốt	HY.TS1-4

5. CÔNG TY CP ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ SAKAN VIỆT NAM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
12.	Agaca	Copper	Chai	100, 250, 500ml, 1 lít	Diệt các loại tảo trong nước ao nuôi	BN.TS1-1
13.	Sakan-Oxygen	Sodium carbonate Peroxide	Túi, lon	10g,50g, 100g,500g, 1kg	Tăng hàm lượng oxy hòa tan, dùng cấp cứu khi tôm bị nổi đầu.	BN.TS1-3
14.	Samyxin	EDTA, Sodiumthiosulfate, Sodium Lauryl Sulfate.	Túi, lon	10g,50g, 100g,500g, 1kg	Làm lắng tụ các chất hữu cơ và kết tủa kim loại nặng, khử kim loại nặng.	BN.TS1-5

6. CÔNG TY CP ANOVA PHARMA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
15.	Aqua Clear-S	<i>Bacillus subtilis</i> , <i>B.mensentericus</i> , <i>B.licheniformis</i> , <i>Aspergillus oryzae</i> , <i>Lactobacillus acidophilus</i> , <i>Nitrobacter sp</i> , <i>Nitrosomonas sp</i> , <i>Saccharomyces cerevisiae</i>	Gói, Hộp	50; 100; 200; 500g; 1; 2; 3; 5; 10kg	Phân huỷ các chất hữu cơ lơ lửng, xác tảo, thực vật chết trong nước; cung cấp nhiều loại vi sinh vật có lợi, nhiều loại men hữu ích cho môi trường	HCM.TS4-16
16.	Alkaline	Sodium Bicarbonate	Gói, Hộp	500g; 1, 2, 3, 5, 10kg	Ổ định pH, tăng độ kiềm.	HCM.TS4-17
17.	Aquatoxin	Sodium Thiosulfate, Ethylene Diamine Tetra Acetic Acid, Sodium Lauryl Ether Sulfate	Chai, can	1, 2, 5, 10, 20 lít	Làm lắng tụ các chất hữu cơ và kết tủa kim loại nặng.	HCM.TS4-20
18.	Biotics	<i>Saccharomyces cerevisiae</i> , <i>Lactobacillus acidophilus</i> , <i>Bacillus subtilis</i> , <i>Aspergillus oryzae</i> , Amylase, Protease, Cellulase, SiO ₂ , Al ₂ O ₃ , CaO, Na ₂ O, MgO,	Gói, Hộp	500g; 1; 3; 5; 10; 12; 15; 20kg	Phân huỷ mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm cá. Hấp thu NH ₃ trong môi trường nước ngọt. Lắng tụ các chất lơ lửng trong nước ao nuôi.	HCM.TS4-21

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
		Fe ₂ O ₃ , K ₂ O				
19.	BIOZE	SiO ₂ , Na ₂ O, Al ₂ O ₃ , <i>Lactobacillus acidophilus</i> , <i>Bacillus subtilis</i> , <i>Saccharomyces cerevisiae</i> , <i>Aspergillus oryzae</i>	Gói, Hộp	50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10; 12kg	Làm sạch nước ao, xử lý chất cặn bã, chất thải và những chất lắng tụ lơ lửng.	HCM.TS4-22
20.	Calci	CaCO ₃	Bao, Hộp	20kg	Cải tạo ao nuôi, khử trùng cho đất, điều chỉnh pH. Lắng tụ các chất cặn bã trong nước	HCM.TS4-25
21.	SG.BACTER-S	<i>Saccharomyces cerevisiae</i> , <i>Lactobacillus acidophilus</i> , <i>Bacillus subtilis</i> , <i>Aspergillus oryzae</i>	Gói, hộp	50; 100; 500g; 1; 2; 3; 5; 10kg	Phân hủy mùn, bã hữu cơ, chất thải của tôm cá.	HCM.TS4-36
22.	SG.Oxide	Glutaraldehyde, Alkyl dimethyl bezyl ammonium chloride	Chai, can	1, 2, 5 lít	Diệt khuẩn, nấm và nguyên sinh động vật, giúp cải thiện môi trường nước ao.	HCM.TS4-37
23.	SG.Copper Fish	CuSO ₄ .5H ₂ O	Chai, can	1, 2, 5lít	Diệt tảo trong nước ao nuôi.	HCM.TS4-39
24.	SG.Yucanic	Saponin, <i>Bacillus subtilis</i> , <i>Lactobacillus acidophilus</i> , <i>Saccharomyces cerevisiae</i> , <i>Aspergillus oryzae</i>	Gói, hộp	50; 100; 500g; 1; 3; 5; 10kg	Phân hủy mùn, bã hữu cơ, chất thải của tôm cá.	HCM.TS4-41
25.	SG.YUCCA-FISH	<i>Yucca schidigera</i> (saponin), <i>Lactobacillus acidophilus</i> , <i>Bacillus subtilis</i> , <i>Saccharomyces cerevisiae</i> , <i>Aspergillus oryzae</i>	Gói, hộp	50; 100; 500g; 3; 5; 10kg	Giảm khí NH ₃ . Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của cá trong môi trường nước ao nuôi.	HCM.TS4-42
26.	ZECA	<i>Yucca schidigera</i>	Gói, hộp	3, 5, 10, 15kg	Giảm khí NH ₃ . Bổ sung khoáng chất, lắng	HCM.TS4-43

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
		(saponin), MgO, Fe ₂ O ₃ , Al ₂ O ₃ , SiO ₂			tụ các chất lơ lửng trong nước ao nuôi.	
27.	Aqua Yuca Liquid	<i>Yucca schidigera</i>	Chai, can	1, 2, 5 lít	Giảm khí NH ₃ trong môi trường nước ao nuôi	HCM.TS4-44
28.	AQUA O.G.C	<i>Saccharomyces cerevisiae</i> , <i>Lactobacillus acidophilus</i> , <i>Bacillus subtilis</i> , <i>Aspergillus oryzae</i>	Gói, hộp	50; 100; 200; 500g; 1; 3; 5; 10kg	Phân hủy mùn, bã hữu cơ, chất thải của tôm cá.	HCM.TS4-45

7. CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊU CHUẨN SINH HỌC VĨNH THỊNH

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
29.	STARSAPONIN	Saponin	Bao, gói	1, 2, 2.5, 3, 4, 5, 10, 15, 20, 25, 50kg	Diệt các loài cá tạp, kích thích tôm lột vỏ.	HCM.TS5-9

8. CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
30.	Navet-Biozym	<i>Bacillus subtilis</i> , <i>Saccharomyces boulardii</i> , <i>Lactobacillus acidophilus</i> , <i>L.plantarum</i> , Amylase, Protease	Gói, hộp	500g; 1 kg	Phân hủy các chất hữu cơ làm sạch môi trường nước và đáy ao	HCM.TS12-10

9. CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SINH HỌC B.E.C.K.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
31.	BK-DRT	Copper as elemental (trong CuSO ₄ 10%)	Can nhựa	100, 250, 500ml; 1, 2, 5lít	Diệt các loại tảo, rong nhớt, rong đá trong ao nuôi.	HCM.TS14-12

10. CÔNG TY TNHH NOBEN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
32.	BEN GOLD RV	Copper as elemental 8%	Can nhựa	500ml; 1, 2, 5, 10, 20 lít	Diệt tảo trong nước ao nuôi	HCM.TS19-17
33.	BEN COPPER 500	Copper as elemental 50%	Can nhựa	500ml; 1, 2, 5, 10, 20 lít	Diệt tảo trong nước ao nuôi	HCM.TS19-18
34.	NO TOXIN	Sodium lauryl sulfate, Sodium thiosulfate, EDTA	Can nhựa	500ml; 1, 2, 5, 10, 20 lít	Làm lắng các chất hữu cơ và kết tủa kim loại nặng	HCM.TS19-19
35.	BIO BOOK	<i>Bacillus subtilis, Saccharomyces boulardii, Lactobacillus acidophilus, Alpha-amylase, Protease</i>	Gói, hộp	100, 200, 227, 250, 454, 500g; 1;2; 5; 10; 20; 25kg	Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm, cá, cung cấp thêm vi sinh vật có lợi trong ao nuôi, ổn định chất lượng nước	HCM.TS19-20
36.	ROVAZYME	<i>Saccharomyces cerevisiae, Lactobacillus acidophilus, Bacillus subtilis</i>	Gói, hộp	100, 200, 227, 250, 454, 500g; 1;2; 5; 10; 20; 25kg	Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm, cá Giảm khí độc, ổn định chất lượng nước	HCM.TS19-21
37.	Super Yucca	Yucca Schidigera	Chai, can	500ml, 1, 2, 5, 10, 20 lít	Hấp thụ và làm giảm khí NH ₃ nhanh chóng,	HCM.TS19-22
38.	ROVABIO AP	<i>Bacillus Subtilis, Bacillus licheniformis, Bacillus megaterium, Bacillus polymyxa, Lactobacillus, Saccharomyces cerevisiae, Nitrosomonas spp, Amylase, Protease, Lipase, Cellulase</i>	Gói, hộp	100, 200, 227, 250, 454, 500g; 1;2; 5; 10; 20; 25kg	Phân huỷ nhanh các chất cặn bã, thức ăn dư thừa và bùn dưới đáy ao nuôi ; Cải thiện chất lượng nước.	HCM.TS19-23
39.	ROVA OTIC	<i>Saccharomyces cerevisiae, Lactobacillus acidophilus, Bacillus subtilis, Aspergillus niger, Amylase, Protease</i>	Gói, hộp	100, 200, 227, 250, 454, 500g; 1;2; 5; 10; 20; 25kg	Phân huỷ các chất hữu cơ lơ lửng, thức ăn dư thừa, phân tôm và mùn bã hữu cơ ở đáy ao. Giảm khí độc NH ₃ , H ₂ S, NO ₂ . Cung cấp thêm vi sinh có lợi trong ao	HCM.TS19-24

					Ổn định chất lượng nước	
40.	AQUA MICRO	<i>Rhodobacter pseudomonas</i> , <i>Rhodococcus spirillum</i>	Chai, can	500ml, 1, 2, 5, 10, 20 lít	Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm, cá. Ổn định chất lượng nước, cân bằng hệ sinh thái trong ao.	HCM.TS19-25

9. CÔNG TY TNHH SX&TM TÔ BA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
41.	TB - DRT	Copper as element	Can nhựa	100, 250, 500ml; 1; 2; 5lít	Diệt tảo trong nước ao nuôi	HCM.TS23-16
42.	ST-TOBA TCCA	Tricholoroisocyanuric acid	Hộp	1, 2, 5 kg	Tiêu diệt các vi sinh vật, diệt tảo, rong rêu trong nước. Xử lý nước trước khi nuôi tôm.	HCM.TS23-19

10. CÔNG TY TNHH SX&TM THUỐC THÚ Y GẤU VÀNG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
43.	POLY-BAC 1002	Bacillus subtilis, B.mensentericus, B.licheniformis, Aspergillus oryzae, Lactobacillus acidophilus, Nitrosomonas sp, Nitrobacter sp, Saccharomyces cerevisiae	Bao, lon, xô	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g; 1, 2, 4, 5, 10, 25kg	Phân hủy các chất hữu cơ lơ lửng, xác tảo, thực vật chết trong nước; cung cấp nhiều loại vi sinh vật có lợi, nhiều loại men hữu ích cho môi trường	HCM.TS31-12
44.	Super vi sinh	<i>Rhodobacter pseudomonas</i> , <i>Rhodococcus spirillum</i> .	Chai, can	250ml; 1, 4, 5, 20 lít	Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm cá.	HCM.TS31-13
45.	YUCCA 5000	<i>Yucca schidigera</i>	Can	100, 250, 500ml; 1, 2, 4, 5, 10, 20 lít	Giảm khí NH ₃ trong môi trường nước ao nuôi	HCM.TS31-17
46.	Yuccazyme 800	<i>Yucca schidigera</i> extract, Lactobacillus	Gói, hộp	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g;	Làm giảm khí NH ₃ , phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm, cá.	HCM.TS31-18

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
		acidophilus, Saccharomyces cerevisiae, Bacillus subtilis.		1, 2, 4, 5, 10, 25kg.		
47.	Nitrozyme 312	Bacillus subtilis, Bacillus mensentericus, Bacillus licheniformis, Lactobacillus acidophilus, Nitrobacter spp., Aspergillus oryzae, Saccharomyces cerevisiae.	Bao, lon	5, 10, 30, 50, 100, 250, 500g; 1, 2, 4, 5, 10, 25kg	Phân hủy các chất hữu cơ lơ lửng, xác tảo, thực vật chết trong nước. Cung cấp nhiều vi sinh vật có lợi.	HCM.TS31-19
48.	Gava Lafu 340	Monopotassium phosphate, Mono-amonium phosphate, Potassium carbonate, boric acid, Mn (MnCl ₂ .4H ₂ O, EDTA Mn), Fe (FeCl ₃ .6H ₂ O, EDTA Fe), Zn (ZnCl ₂ .4H ₂ O, EDTA Zn), Cu (CuCl ₂ . 4H ₂ O, EDTA Cu), Calcium, Magnesium, Vitamin C, B1, B2, B6, B12	Chai, can	50, 100, 250, 500ml; 1, 2, 4, 5, 10, 20 lít	Gây màu cho nước ao nuôi, tạo môi trường phát triển hệ tảo và thực vật phù du, tạo nguồn thức ăn tự nhiên cho tôm.	HCM.TS31-23

11. CÔNG TY TNHH SX&TM THUỐC THÚ Y NAPHA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
49.	YUCCA – FS	Yucca Schidigera	Chai Can	60,120, 250, 500, 1.000 ml 2 lít, 5 lít	- Xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản. - Làm giảm khí độc NH ₃	HCM.TS34-13
50.	NAKOCID	Glutaraldehyde Alkyl Dimethyl Benzyl	Chai	60,120, 250, 500, 1.000 ml	Diệt các loại vi khuẩn, nấm, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi. Sát trùng	HCM.TS34-14

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
		Ammonium Chloride	Can	2 lít, 5 lít	dụng cụ dùng trong nuôi trồng thủy sản.	
51.	AQUA - COPPER	Copper as elemental	Chai Can	60,120, 250, 500, 1.000 ml 2 lít, 5 lít	Diệt tảo trong nước ao nuôi	HCM.TS34-15
52.	MENBAC	Bacillus subtilis L.acidophilus Nitrosomonas sp Nitrobacter sp	Gói Hộp nhựa Bao	100g; 250g, 500g; 1 kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	- Phân hủy các chất hữu cơ dư thừa ở trong ao - Hấp thụ khí NH ₃	HCM.TS34-16
53.	TN-Cleaner	Bacillus subtilis, L.acidophilus, Nitrosomonas sp, Nitrobacter sp	Gói, Hộp nhựa, Bao	100g; 250g, 500g; 1 kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Phân hủy các chất hữu cơ dư thừa ở trong ao. Hấp thụ khí NH ₃	HCM.TS34-41
54.	Nabiotic	<i>Bacillus subtilis</i> , <i>Lactobacillus acidophilus</i> , <i>Saccharomyces cerevisiae</i> , α - Amylase, Protease	Gói, Hộp nhựa, Bao	100g; 250g, 500g; 1 kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	- Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm, cá, cung cấp thêm vi sinh vật có lợi trong ao nuôi, ổn định chất lượng nước	HCM.TS34-43
55.	NP-lactizym	<i>Bacillus subtilis</i> , <i>Lactobacillus acidophilus</i> , <i>Saccharomyces cerevisiae</i> , α - Amylase, Protease	Gói, Hộp nhựa, Bao	100g; 250g, 500g; 1 kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	- Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm, cá, cung cấp thêm vi sinh vật có lợi trong ao nuôi, ổn định chất lượng nước	HCM.TS34-44
56.	NP-Rhodo	<i>Rhodobacter sp</i> <i>Rhodococcus sp</i>	Chai, Can	60,120, 250, 500ml, 1, 2 , 5 lít	- Phân hủy các chất hữu cơ dư thừa ở trong ao	HCM.TS34-45

12. CÔNG TY TNHH HƯƠNG HOÀNG NAM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
57.	Aqua Biozyme	Bacillus subtilis, Lactobacillus acidophilus	Gói, Hộp	50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm cá trong ao nuôi.	HCM.TS50-10

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
58.	HANA BioTab	Bacillus subtilis, Lactobacillus acidophilus, Saccharomyces cerevisiae, Protease, Amylase, Cellulose, Lipase, Pectinase	Gói, Lon	50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Phân hủy các chất hữu cơ lơ lửng, phân tôm và xác tảo trong ao nuôi. Cải thiện chất lượng môi trường ao nuôi.	HCM.TS50-13
59.	HANI-Bio Soak	Bacillus subtilis, Bacillus licheniformis, Bacillus megaterium	Gói, Lon	50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm cá trong ao nuôi.	HCM.TS50-14
60.	Men Biozyme	Rhodobacter pseudomonas, Rhodococcus spirillum	Gói, Lon	50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm cá trong ao nuôi.	HCM.TS50-15
61.	Enzyme VS Zeo	Fe ₂ O ₃ , SiO ₂	Gói, Lon	50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 5; 10; 12; 1kg	Hấp thu khí độc, cải tạo chất lượng nước ao nuôi, tăng kiềm giúp tôm lột xác tốt.	HCM.TS50-17
62.	EDTA	Sodium thiosulfate, EDTA (Ethylene diamine-tetraacetic acid)	Gói, Lon	50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Làm lắng các chất hữu cơ và kết tủa kim loại nặng.	HCM.TS50-18
63.	NADA Toxin	EDTA (Ethylene diamine-tetraacetic acid)	Gói, Lon	50; 100; 200; 250; 400; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Làm lắng các chất hữu cơ và kết tủa kim loại nặng.	HCM.TS50-19
64.	COPPER 10%	Copper (CuSO ₄ .5H ₂ O)	Chai	100, 200, 500ml, 1L, 2L	Diệt các loại tảo trong nước ao nuôi.	HCM.TS50-26
65.	DRT	Copper (CuSO ₄ .5H ₂ O)	Chai	100, 200, 500ml, 1L, 2L.	Diệt các loại tảo trong nước ao nuôi.	HCM.TS50-27
66.	YUCCA QUILAJA	Dịch chiết <i>Yucca Schidiger</i>	Chai	500ml, 1L, 2L, 5L, 10L	Giảm khí độc NH ₃ trong môi trường nước, cải thiện chất lượng nước ao nuôi.	HCM.TS50-30

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
67.	DRT	Copper (CuSO ₄ .5H ₂ O)	Chai	100, 200, 500ml, 1L, 2L.	Diệt các loại tảo trong nước ao nuôi.	HCM.TS50-32
68.	AC-PAC	SiO ₂ , Al ₂ O ₃ , Fe ₂ O ₃ , CaCO ₃	Gói	100, 500g, 1, 2, 5; 7,5; 10, 12, 15, 20, 25kg.	Cải tạo ao nuôi, ổn định pH	HCM.TS50-33
69.	OXYGEN - HHN	Bột Oxygen (2Na ₂ CO ₃ 3H ₂ O ₂)	Gói	100, 500g, 1, 2, 5; 7,5; 10, 12, 15, 20, 25kg.	Cung cấp oxy trong nước ao nuôi.	HCM.TS50-34

13. CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI A.S.T.A

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
70.	Anti dote 1	Ethylenediamine-tetraacetic acid	Gói	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Làm lắng các chất hữu cơ và khử kim loại nặng trong nước	HCM.TS52-15
71.	Anti dote 2	Sodium thiosulphate, EDTA	Gói	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Làm lắng các chất hữu cơ và kết tủa kim loại nặng trong nước	HCM.TS52-16
72.	Pro mineral	Fe ₂ O ₃ , SiO ₂	Gói	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Hấp thụ khí độc, cải tạo chất lượng nước ao nuôi, tăng kiềm giúp tôm lột xác tốt	HCM.TS52-17
73.	Bio Soak	Bacillus subtilis, Bacillus licheniformis, Bacillus megaterium	Góp, hộp	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm cá.	HCM.TS52-18
74.	Bio Tab^A	Bacillus subtilis, Lactobacillus acidophulus	Góp, hộp	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm cá.	HCM.TS52-19

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
75.	BioTab^B	Lactobacillus acidophilus, Bacillus subtilis, Saccharomyces cerevisiae, Protease, Amylase, Cellulose, Lipase, Pectinase	Túi, gói, hộp	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm cá. Cải thiện chất lượng môi trường ao nuôi	HCM.TS52-20
76.	Rhodo SPP	Rhodobacter pseudomonas, Rhodococcus spirillum	Góp, hộp	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm cá.	HCM.TS52-21

14. CÔNG TY TNHH UV

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
77.	Green - Copper	Copper as elemental	Chai	500ml, 1, 2, 5, 10, 20, 200 lít	Diệt tảo trong nước ao nuôi	HCM.TS53-8
78.	Pro-Pond	Rhodobacter pseudomonas, Rhodococcus spirillum	Chai, can	1, 2, 3, 5, 10, 20 lít	Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm, cá có trong ao nuôi thủy sản	HCM.TS53-17

15. CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y - THỦY SẢN MINH DŨNG

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
79.	MD Biozemix	<i>Bacillus subtilis</i> , <i>Lactobacillus acidophilus</i> , <i>Saccharomyces cerevisiae</i> , <i>Aspergillus oryzae</i> , Si ₂ O, Na ₂ O, Al ₂ O ₃ , CaO, MgO, Ti ₂ O	Bao, gói, hộp	10, 20, 50, 100, 500g; 1, 5, 10, 25kg	Xử lý nước ao nuôi tôm, cá. Phân hủy khí NH ₃ . Xử lý các chất cặn bã dưới đáy ao.	BD.TS5-18
80.	MD Biobac	<i>Bacillus subtilis</i> , <i>Lactobacillus acidophilus</i>	Bao, gói, hộp	10, 20, 50, 100, 500g; 1, 5, 10, 25kg	Cải thiện hữu hiệu môi trường nước, ổn định màu nước thích hợp cho ao nuôi. Phân hủy chất cặn bã dưới đáy ao.	BD.TS5-20

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
81.	MD BioCapga	CaCO ₃ , CuSO ₄ , CoSO ₄ , FeSO ₄ , ZnSO ₄ , Potassium chloride, MnSO ₄ , Vitamin A, Vitamin C, <i>Saccharomyces cerevisiae</i>	Bao, gói, hộp	10, 20, 50, 100, 500g, 1, 5, 10, 25kg	Gây màu nước ao nuôi, cung cấp các chất dinh dưỡng cần thiết cho thực vật phù du phát triển, tạo nguồn thức ăn tự nhiên cho tôm cá.	BD.TS5-21
82.	MD Lotric	Citric acid	Bao, gói, hộp	10, 20, 50, 100, 500g, 1, 5, 10, 25kg	Làm giảm nhanh độ kiềm trong nước	BD.TS5-22
83.	MD Oxygen	Sodium carbonate peroxyhydrate	Bao, gói, hộp	10, 20, 50, 100, 500g, 1, 5, 10, 25kg	Cung cấp oxy cho tôm, cải thiện môi trường nước nuôi tôm	BD.TS5-23
84.	MD CPP 15%	CuSO ₄ .5H ₂ O	Chai, lọ	100, 500ml; 1l, 5l	Diệt tảo trong môi trường nước ao nuôi	BD.TS5-30

16. CÔNG TY CP SẢN XUẤT KINH DOANH VẬT TƯ VÀ THUỐC THÚ Y VEMEDIM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
85.	ZIMOVAC	Lactobacillus acidophilus, B.subtilis, Nitrosomonas spp, Nitrobacter	Gói, hộp, bao, xô	50, 100, 200, 250, 500g; 1, 3, 5, 10, 12, 14, 20, 25kg	Phân giải các chất thải hữu cơ từ thức ăn, chất thải của tôm cá và rong tảo chết	CT.TS1-22
86.	Bitech-Yucca	Chiết xuất từ cây yucca (saponin), Lactobacillus acidophilus, Bacillus subtilis, Saccharomyces cerevisiae.	Gói, hộp, Xô, bao	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g; 1, 2, 3, 5, 10, 12, 14, 15, 18, 20, 25, 50kg.	Làm giảm khí NH ₃ , phân hủy bùn bã hữu cơ, chất thải của tôm cá.	CT.TS1-23
87.	Cap 2000	Sodium thiosulfate, Ethylene Diamine Tetraacetic acid, Sodium lauryl sulfate	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500 ml; 1, 5, 10, 20lit	Làm lắng các chất hữu cơ và kết tủa kim loại nặng. Giảm độ nhớt và váng bọt trên mặt nước	CT.TS1-25
88.	Control-Algae	Copper sulfat	Chai, lọ	5, 10, 20, 50,	Diệt tảo trong nước ao nuôi.	CT.TS1-26

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
		pentahydrate (CuSO ₄ .5H ₂ O)		100, 250, 500 ml; 1, 5, 10, 20lit		
89.	Cung cấp Oxy (Oxy supplier)	Sodium percarbonate	Gói, hộp, Xô, bao	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g; 1, 2, 3, 5, 10, 12, 14, 15, 18, 20, 25, 50kg.	Tăng hàm lượng oxy hoà tan trong nước, ổn định pH.	CT.TS1-27
90.	Kill-Algae	Copper as Elemental	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500 ml; 1, 5, 10, 20lit	Diệt tảo trong nước ao nuôi.	CT.TS1-30
91.	Vime-Aquazyme	Lactobacillus acidophilus, Bacillus subtilis, Saccharomyces cerevisiae, Aspergillus oryzae, Phytase, Protease, Amylase, Cellulase, Lipase, Pectinase, Vitamin C coated, Vitamin B1, Vitamin B6	Gói, hộp, Xô, bao	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1, 2, 3, 5, 10, 12, 14, 15, 18, 20, 25, 50kg.	Phân hủy các chất cặn bã hữu cơ ở nền đáy, cạnh tranh sự phát triển vi sinh vật có hại trong môi trường.	CT.TS1-32
92.	Vime-Bacillus	Bacillus subtilis, Bacillus licheniformis, Bacillus megaterium, Bacillus polymyxa	Gói, hộp, Xô, bao	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1, 2, 3, 5, 10, 12, 14, 15, 18, 20, 25, 50kg.	Phân hủy xác thực vật, động vật, thức ăn dư thừa và các chất hữu cơ trong môi trường nước.	CT.TS1-33
93.	Vime-Protex	1,5-Pentanedial (Glutaraldehyde), Alkyldimethylbenzylammonium chloride	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500 ml; 1, 5, 10, 20lit	Diệt các loại vi khuẩn, nấm, nguyên sinh động vật trong nước ao nuôi. Sát trùng dụng cụ dùng trong nuôi trồng thủy sản.	CT.TS1-37
94.	Vime-Subtyl	Bacillus subtilis	Gói, hộp, Xô,	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250,	Có tác dụng phân hủy chất đạm dư thừa trong môi trường nước ao nuôi thủy sản	CT.TS1-38

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
			bao	500g, 1, 2, 3, 5, 10, 12, 14, 15, 18, 20, 25, 50kg.		
95.	Vime-Yucca	Yucca extract (saponin)	Chai, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500 ml; 1, 5, 10, 20lit	Giảm khí NH ₃ trong môi trường nước ao nuôi	CT.TS1-39
96.	Gây màu nước (Green water)	Monopotassium phosphate, Potassium nitrate, Sắt (Fe) Kẽm (Zn), Mangan (Mn), Magnesium (Mg), Vitamin B ₁ , B ₂ , B ₆ , B ₁₂	Gói, hộp Xô, bao	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g, 1, 2, 3, 5, 10, 12, 14, 15, 18, 20, 25, 50kg.	Bổ sung khoáng; gây màu nước ao nuôi thủy sản, giúp tảo phát triển	CT.TS1-41
97.	Diệt cá tạp (Rotenone)	Rotenone	Gói, hộp, bao, xô	5, 10, 20, 50, 100, 200, 250, 500g; 1, 2, 3, 5, 10, 12, 14, 15, 18, 20, 25, 50Kg	Diệt các loại cá tạp trong ao trước khi thả tôm và cá ao đang nuôi tôm; kích thích tôm lột xác	CT.TS1-42

17. CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y Á CHÂU

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
98.	APC-Yucca	Yucca schidigera.30%	Gói, hộp	100, 500g; 1, 5, 10, 20kg	Hấp thụ khí NH ₃ , cải thiện chất lượng nước trong môi trường nuôi	CT.TS2-11
99.	COPPER	Copper as Elemental (CuSO ₄)	chai, lọ	100, 200, 500ml, 1, 2, 5, 10 lít	Diệt các loại tảo, rong nhớt, rong đáy trong ao nuôi.	CT.TS2-21
100.	SAPONIN	Saponin	gói, hộp, lon	50, 100, 200, 500g; 1, 5, 10, 25kg	Diệt các loài giáp xác trong cải tạo ao nuôi	CT.TS2-23

18. CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y CẦN THƠ

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
101.	Men vi sinh cao cấp- Antitoxic 1	<i>Lactobacillus acidophilus</i> , <i>Bacillus subtilis</i> , <i>Saccharomyces cerevisiae</i> <i>Aspergillus oryzae</i> , Protease, α Amylase, Cellulase, Lipase, Pectinase, Lactose	gói	100, 200, 500g; 1, 2, 5kg	Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm, cá	CT.TS6-9
102.	Men vi sinh- Antitoxic 2	<i>Lactobacillus acidophilus</i> , <i>Bacillus licheniformis</i> , <i>Saccharomyces cerevisiae</i> , Protease, α Amylase, Cellulase, Lipase, Pectinase, Lactose (vừa đủ)	gói	100, 250, 500g; 1, 2, 5kg	Phân hủy mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm, cá	CT.TS6-10
103.	Oxygen Plus	$2\text{Na}_2\text{CO}_3.3\text{H}_2\text{O}_2$	gói	100, 200, 500g; 1, 5kg	Cung cấp oxy trong nước ao nuôi	CT.TS6-11
104.	Di.Mi.Ci	CuSO_4	Gói	100, 250, 500g; 1, 5kg	Diệt tảo độc, tảo đáy, tảo phát sáng, rong nhớt trong môi trường nước ao, hồ để nuôi tôm, cá.	CT.TS6-17
105.	Dung dịch D.R.N	$\text{CuSO}_4.5\text{H}_2\text{O}$	Chai	500ml, 1, 2, 5 lít	Diệt tảo trong nước ao nuôi	CT.TS6-21

19. CÔNG TY TNHH SX-TM THUỐC THỦ Y 1/5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
106.	Anti Tab	Sodium Thiosulphate, EDTA	Gói, bao	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Xử lý nước ao nuôi, làm lắng chất hữu cơ và kim loại nặng	CT.TS7-1
107.	Pro Alka	Fe_2O_3 , SiO_2	Gói, bao	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Hấp thụ khí độc, tăng độ kiềm nước ao nuôi giúp tôm lột xác tốt.	CT.TS7-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
108.	Anti Down	Ethylenediamine tetra acetic acid (EDTA)	Gói, bao	50, 100, 200, 250, 400, 500g; 1, 5, 10, 20, 25kg	Làm lắng chất hữu cơ và kim loại nặng	CT.TS7-4

20. CÔNG TY CỔ PHẦN THIÊN QUÂN

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
109.	THQ-Cuso4	CuSO4.5H2O	Gói, bao	10, 20, 50,100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Diệt các loại tảo trong nước ao nuôi.	CT.TS8-3
110.	THQ-Super Min	MgSO4, Al2O3, K2O, CaO, Na2O, Fe2O3	Gói, bao	10, 20, 50,100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Bổ sung khoáng chất cần thiết , Tăng độ kiềm và giảm sự biến động pH ao nuôi	CT.TS8-27
111.	THQ-Edta 70%	EDTA; Sodiumthiosulfate; Sodium Lauryl Sulfate	Gói, bao	10, 20, 50,100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Xử lý phèn sắt, kim loại nặng, lắng tụ bùn và chất lơ lửng trong nước.	CT.TS8-28
112.	THQ-Oxygen	Sodium carbonate peroxide (2Na2CO3, 3H2O2)	Gói, bao	10, 20, 50,100, 500g; 1, 2, 5, 10, 20, 25, 50kg	Cung cấp oxy cho tôm, cá trong trường hợp ao thiếu Oxy	CT.TS8-29
113.	THQ- YUCCA LIQUID SUPER	Yucca schidigera(Saponin12%)	Chai, can	100, 250, 500ml, 1, 2, 5,10, 20 lít	Giảm khí độc NH3 trong môi trường nước, cải thiện chất lượng nước ao nuôi.	CT.TS8-31

21. CÔNG TY TNHH VIRBAC VIỆT NAM

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
114.	O2 Marine	Oxygen peroxide	Gói , xô	100; 500g, 5; 10; 25 kg	Tăng hàm lượng oxy hòa tan trong nước	DN.TS4-7
115.	Aquapure	Alkyl polyglucosides, Sodium dodexyl sulfate, Sodium chloride, Triethylamine.	Chai, can	500ml; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 25 lít	Giảm độ nhờn của nước ao nuôi.	DN.TS4-8
116.	Aquapure®	Anionic surfactant	Chai,	500ml; 1; 2; 3; 4;	Giảm độ nhờn nước ao nuôi	DN.TS4-10

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
		(Alkylbenzene sulfonic acid, sodium lauryl ether sulfate).	can	5; 10; 25 lít		

22. CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NANO HỢP NHẤT APA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
117.	APA Yucca Vip 1	Bột dịch chiết Yucca Schidigera	Chai, can	100, 200, 500ml; 1, 2, 5, 10, 20lít	Hấp thụ và ngăn chặn khí độc NH ₃ trong ao nuôi.	LA.TS2-2
118.	APA Extra Yucca	Bột dịch chiết Yucca Schidigera	Gói, bao	50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Hấp thụ và ngăn chặn khí độc NH ₃ trong ao nuôi.	LA.TS2-15
119.	APA Sheldye	Saponin	Gói, bao	50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Diệt cá tạp trong ao trước khi thả tôm	LA.TS2-22
120.	APA Aqua Blue	Ethylenediamine tetraacetic acid	Gói, bao	50, 100, 200, 500g; 1, 2, 5, 10, 20kg	Làm lắng các chất hữu cơ và khử kim loại nặng trong nước	LA.TS2-24

23. CÔNG TY DƯỢC THÚ Y CAI LẬY

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
121.	Meko.Yucca	Yucca extract	Chai, Can	500ml; 1, 2, 5, 10, 20, 25 lít	Giảm khí NH ₃ trong môi trường nước ao nuôi	TG.TS1-3
122.	MEKO. OXYGEN	<i>Sodium percarbonate</i>	túi	100, 200, 500g, 1, 2, 3, 4, 5, 10, 20, 25 kg	Cung cấp oxy tức thời, cấp cứu nhanh khi tôm bị nổi đầu, khi môi trường ô nhiễm nặng do thiếu oxy	TG.TS1-5

24. CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
123.	VINABIG	Bacillus subtilis, B.mensentericus,	Gói	100, 250, 500g; 1, 2, 5kg	Chống ô nhiễm đáy ao, phân huỷ nhanh thức ăn dư thừa, phân tôm, cá và mùn bã	HN.TS2-16

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
		B.licheniformis, Lactobacillus acidophillus, Nitrosomonas sp, Nitrobacter sp, Aspergillus oryzae, Saccharomyces cerevisiae			hữu cơ ở đáy ao. Giảm độ đục của nước, ổn định độ pH và màu nước ao nuôi, phục hồi đáy ao nhanh và hiệu quả. Tạo thêm nguồn vi khuẩn có lợi cho ao nuôi.	

25. CÔNG TY LIÊN DOANH BIO-PHARMACHEMIE

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
124.	BIO-YUCCA For Fish	Saponin	Gói, Hộp, Bao	10,30,50,100,250,500g,1; 10; 25kg	Cải thiện chất lượng nước ao.Hấp thụ các loại khí độc trong ao nuôi như NH3.	HCM.TS6-35
125.	BIO-YUCCA For Shrimp	Saponin	Gói, Hộp, Bao	10,30,50,100,250,500g,1; 10; 25kg	Cải thiện chất lượng nước ao. Hấp thụ các loại khí độc trong ao nuôi như NH3.	HCM.TS6-36
126.	BIO-OXYGEN	Sodium carbonate peroxide	Gói, Hộp, Bao	10,30,50,100,250,500g,1; 10; 25kg	Cung cấp oxy trong nước ao nuôi.	HCM.TS6-37
127.	BIO-GREEN CUT	Cu(CuSO4)	Lọ, Chai, can	60 ml, 120ml, 150 ml, 250ml, 500 ml, 1lít, 5 lít, 10 lít, 20 lít.	Diệt tảo trong nước ao nuôi trồng thủy sản.	HCM.TS6-38

26. CÔNG TY TNHH SÔNG CHÂU

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
128.	SC.YUCCA	Yucca schidigera (Saponin 12%)	Chai, can	500ml; 1, 2, 3, 5, 10L	Hấp thụ khí độc NH3, cải thiện môi trường nước ao nuôi	HCM.TS60-2

27. CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ANVET

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký
129.	AQUA-YUCCA	Yucca Schidigera	Chai, Can	60, 120, 250, 500ml, 1; 2; 5 lít	Xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản. Làm giảm khí độc NH3	BD.TS6-5
130.	GREEN COPPER	Copper as elemental	Chai, Can	60, 120, 250, 500ml, 1; 2; 5 lít	Diệt tảo trong nước ao nuôi	BD.TS6-7

SẢN PHẨM NHẬP KHẨU

1. FEEDINGREDIENTS INT'L, INC-Mỹ

CÔNG TY CTCBIO VIỆT NAM

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
131.	CTC Clean EF	Amylase, Protease, Cellulase, Lactobacillus acidophilus, Bacillus subtilis	Túi nhôm	50, 100, 200, 227, 300, 400, 454, 500g; 1kg	Phân hủy mùn bã hữu cơ, thức ăn thừa, cải thiện môi trường nước ao nuôi thủy sản.	USA.TS3-1	30023000

2. NOVUS INTERNATIONAL INC –Mỹ

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊU CHUẨN SINH HỌC VĨNH THỊNH

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
132.	MERA BAC™ W	Bacillus subtilis, Bacillus licheniformis, Pediococcus Acidilactici	Bao, hộp, xô, thùng	100, 500g; 1, 2, 5, 10, 25kg	Phân hủy mùn bã hữu cơ trong ao nuôi, cải thiện chất lượng nước ao nuôi.	USA.TS4-1	30023000

3.SUTHIN PRODUCTS FARM (S.P.F) CO., LTD –Thái Lan

CÔNG TY TNHH TM & KTNN HƯƠNG GIANG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
133.	ZOODYX	Alkyl Polyglucoside, Sodium dodecyl sulfate, Triethylamine, Sodium Chloride	Can nhựa	500ml, 4 lít	Giảm độ nhờn của nước ao nuôi	THA.TS4-1	380894

134.	Hard Shell	CaCO ₃	Bao	20 kg	Ổn định pH tăng độ kiềm cho nước ao nuôi thủy sản	THA.TS4-3	3004.90.99
135.	O₂Tablet	Sodium percarbonate	Gói, hộp	500g, 2kg	Cung cấp oxy hoà tan cho ao nuôi, cấp cứu các trường hợp tôm cá nổi đầu do thiếu oxy	THA.TS4-5	3004.90.99
136.	BIO ART	Total Bacillus sp (B.subtilis, B.licheniformis, B.megaterium, B.polymyxa)	Gói, hộp	250g	Phân huỷ các chất hữu cơ, hấp thụ khí NH ₃ , cải thiện chất lượng nước ao nuôi, cung cấp thêm nguồn vi khuẩn có lợi cho ao nuôi	THA.TS4-6	293790
137.	Geen Force	Total Bacillus sp (B.subtilis, B.pumilis, B.licheniformis)	Gói, hộp	1, 2, 3, 5 kg	Phân huỷ mùn bã hữu cơ, chất thải của tôm cá	THA.TS4-7	293790
138.	Eco Life	Total Bacillus sp (B.subtilis, B.licheniformis, B.megaterium, B.polymyxa)	Gói, hộp	30g, 250g, 50g	Phân huỷ các chất hữu cơ, hấp thụ khí NH ₃ , cải thiện chất lượng nước ao nuôi, cung cấp thêm nguồn vi khuẩn có lợi cho ao nuôi	THA.TS4-8	293790
139.	De-Flow	Sodium Thiosulfate, EDTA, Sodium lauryl sulfate,	Can	20 lít	Giảm độ nhớt và váng bọt trên bề mặt nước; lắng các chất hữu cơ và kết tủa kinh loại nặng trong nước	THA.TS4-10	3004.90.99

3. SUTHIN PRODUCTS FARM (S.P.F) CO., LTD –Thái Lan

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SINH THÁI

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
140.	Oxy up	Potassium peroxymonosulfate	Gói, hộp	500g, 1; 3; 5kg	Cung cấp oxy cho nước ao nuôi	THA.TS4-12	380894
141.	B-VON	Sodium dodecyl sulfate, sodium chloride, Triethylolamine, Alkyl Polyglucoside	Chai, can	1; 2; 4 lít	Giảm độ nhớt của nước ao nuôi	THA.TS4-14	3004.90.99
142.	SF-8	Bacillus subtilis, B.megaterium, B.licheniformis, B.polymyxa	Gói, hộp	250, 500g; 1; 5kg	Phân giải các chất hữu cơ từ thức ăn dư thừa, chất thải của tôm cá và rong tảo chết	THA.TS4-15	30023000

143.	B-Manage	Bacillus subtilis, B.megaterium, B.licheniformis, B.polymyxa	Gói, hộp	250, 500g; 1; 5kg	Phân giải các chất hữu cơ từ thức ăn dư thừa, chất thải của tôm cá và rong tảo chết	THA.TS4-16	30023000
------	-----------------	---	----------	----------------------	---	------------	----------

3. SUTHIN PRODUCTS FARM (S.P.F) CO., LTD –Thái Lan

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ HOÀNG PHÚ

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
144.	ROAD YUCCA	Yucca schidigera	Chai	1 lít	Giảm khí độc NH ₃ , cải thiện chất lượng nước	THA.TS4-17	380894
145.	Water fresh	Bacillus subtilis, B.megaterium, B.licheniformis, B.polymyxa	Gói, hộp	250, 500g; 1; 5kg	Phân giải các chất hữu cơ từ thức ăn dư thừa, chất thải của tôm cá và rong tảo chết	THA.TS4-18	30023000
146.	US Clear	Bacillus subtilis, B.megaterium, B.licheniformis, B.polymyxa	Gói, hộp	250, 500g; 1; 5kg	Phân giải các chất hữu cơ từ thức ăn dư thừa, chất thải của tôm cá và rong tảo chết	THA.TS4-19	30023000

4. SRIBS BIOTECKNO INTERNATIONAL- Ấn Độ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN ÁNH DƯƠNG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
147.	ProPLUS	Bacillus subtilis, B.licheniformis, B.megaterium, B.amyloliquefaciens, Protease, Amylase, Cellulase, Xylanase, Beta Glucanase	Gói	250g	Phân huỷ mùn bã hữu cơ trong ao nuôi, cải thiện nền đáy và chất lượng môi trường ao nuôi	IND.TS2-1	30023000
148.	adMAX	SiO ₂ , Al ₂ O ₃ , CaO, Fe ₂ O ₃ , MgO, Na ₂ O	Gói, hộp	10 kg	Hấp thụ khí độc NH ₃ trong ao nuôi, cải thiện chất lượng nước ao nuôi thủy sản	IND.TS2-2	3004.90.99

149.	actiO	Sodium percarbonate, Aluminium silicates, Magnisium sulphate	Gói, hộp	500g, 10kg	Cung cấp oxy tức thời cho nước ao nuôi; cấp cứu nhanh các trường hợp tôm cá nổi đầu do thiếu oxy	IND.TS2-3	3004.90.99
150.	YukaG	Bacillus subtilis, Saccharomices cerevisiae, Yucca schidigera	Gói	500g, 1kg	Hấp thu và ngăn chặn khí độc trong nước ao nuôi, làm giảm chất thải hữu cơ, cải thiện chất lượng bùn đáy ao nuôi,	IND.TS2-9	30023000

4. SRIBS BIOTECKNO INTERNATIONAL- Ấn Độ

CÔNG TY TNHH CNSH BECKA

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
151.	CHEQZ	SiO ₂ , Al ₂ O ₃ , CaO, Fe ₂ O ₃ , MgO, Na ₂ O		10 kg	Hấp thụ khí độc NH ₃ trong ao nuôi, cải thiện chất lượng nước ao nuôi thủy sản	IND.TS2-4	3004.90.99

5. LIFE LABOLATORIES- Ấn Độ

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN ÁNH DƯƠNG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
152.	BAPRO	Bacillus subtilis, B.megaterium, B.licheniformis, B.amyloliquefaciens, Lactobacillus lactic, Lactobacillus helveticus, Protease, Amylase, Cellulase, Xylanase, Beta-Glucanase	Gói, hộp	250g; 5kg	Phân hủy mùn bã hữu cơ trong ao nuôi, cải thiện nền đáy và chất lượng môi trường ao nuôi	IND.TS3-1	30023000

6. BIOSTADT INDIA LIMITED - Ấn Độ

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊU CHUẨN SINH HỌC VĨNH THỊNH

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
153.	AQUAZEX™ - DS	SiO ₂ , Al ₂ O ₃ , Fe ₂ O ₃ , CaO, MgO, Na ₂ O	Gói, hộp, bao	10kg, 20kg	Hấp thụ khí độc NH ₃ trong ao nuôi; cải thiện chất lượng môi trường nước ao nuôi	IND.TS4-1	3004.90.99

154.	ENVISO	Bacillus subtilis, B.licheni-formis, Lactobacillus lactic, Lactobacillus helveticus, Alcaligenes denitrificans, Nitrosomonas sp, Nitrobacter spp, Pseudomonas denitrificans, Saccharomyces cerevisiae, Protease, Amylase, Pectinase, Cellulase, MnSO4, CuSO4, V2O3, CoSO4, FeSO4, CaO, SiO2, MgO, P2O5	Lon, bao	1kg, 25kg	Phân huỷ mùn bã hữu cơ trong ao nuôi, cải thiện môi trường nước ao nuôi.	IND.TS4-2	30023000
155.	PURES	SiO ₂ , Al ₂ O ₃ , Fe ₂ O ₃ , CaO, MgO, Na ₂ O	Bao	10, 20 kg	Hấp thụ khí NH ₃ trong ao nuôi, cải thiện chất lượng nước ao nuôi.	IND.TS4-4	3004.90.99

7. ACTIFEED SARL - Pháp

CÔNG TY TNHH VIETVET

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
156.	Mex Yucca Liquid	Yucca Schidigera	Chai, can	500ml; 1, 5, 18, 20L	Hấp thụ khí NH ₃ trong nước, giảm ô nhiễm nước ao nuôi.	FRA.TS4-1	380894

8. KEMIN INDUSTRIES (ASIA) PTE LTD– Singapore

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TIÊU CHUẨN SINH HỌC VĨNH THỊNH

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
157.	BIO CURB[®] brand DRY	Yucca schidigera	Gói, hộp, bao	50, 500g, 1, 25kg	Hấp thụ và ngăn chặn khí độc NH ₃ trong ao nuôi.	SIN.TS1-1	380894

9. BIOMIN SINGAPORE PTE;LTD – Singapore

CÔNG TY TNHH BIOMIN VN

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
158.	AquaStar[®] PondZyme	Bacillus subtilis, Pediococcus acidilactici, Paracoccus denitrificans, Protease, Amylase, Cellulase, Xylanases	Bao	500g, 1; 5kg	Gia tăng hình thành hệ vi sinh vật hữu ích, cải thiện chất lượng nước, đào thải độc tố, khí độc, phân huỷ chất thải hữu cơ và giảm bùn đáy tích lũy trong ao	SIN.TS2-1	30023000
159.	AquaStar[®] Pond	Bacillus subtilis, Pediococcus acidilactici, Paracoccus denitrificans	Bao	500g, 1; 5kg	Gia tăng hình thành hệ vi sinh vật hữu ích, cải thiện chất lượng nước, đào thải độc tố, khí độc, phân huỷ chất thải hữu cơ và giảm bùn đáy tích lũy trong ao	SIN.TS2-2	30023000

10. PINPANAT INTERNATIONAL CO.,LTD -Thái lan

CÔNG TY TNHH TM & KTNN HƯƠNG GIANG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
160.	Bio Tuff	SiO ₂ , Fe ₂ O ₃ , Al ₂ O ₃ , MgO, CaO	Bao	10kg	Hấp thụ NH ₄ ⁺ (NH ₃), trong môi trường nước. Bổ sung khoáng chất trong nước ao nuôi thủy sản. Lãng tụ các chất lơ lửng trong môi trường nước ao nuôi.	THA.TS5-2	3004.90.99
161.	D.O Tuff	SiO ₂ , Fe ₂ O ₃ , Al ₂ O ₃ , MgO, CaO	Bao	10 kg	Hấp thụ NH ₄ ⁺ (NH ₃), trong môi trường nước. Bổ sung khoáng chất trong nước ao nuôi thủy sản. Lãng tụ các chất lơ lửng trong môi trường nước ao nuôi.	THA.TS5-3	3004.90.99
162.	Polymax	CaCO ₃ , NaCl, Fe ₂ O ₃ , MgO	Bao	2 kg	Cung cấp khoáng chất cần thiết cho môi trường nước ao nuôi	THA.TS5-4	3004.90.99
163.	D-Flow	Sodium chloride, Potassium chloride, Copper sulfate	Chai, can	10, 20 lít	Giảm mật độ tảo, ngăn cản sự nở hoa của tảo	THA.TS5-5	3004.90.99
164.	Super Benthos	P ₂ O ₅ , K ₂ O, CaO, MgO	Gói, hộp	10 kg	Cung cấp khoáng chất, hỗ trợ sự phát triển thức ăn tự nhiên trong ao	THA.TS5-6	380894

165.	O2 TAB	Sodium percarbonat	Bao nhôm	500g, 2kg	Cung cấp oxy hòa tan cho ao nuôi, cấp cứu các trường hợp tôm cá nổi đầu do thiếu oxy	THA.TS5-9	3004.90.99
------	--------	--------------------	----------	-----------	--	-----------	------------

11.BIO SOLUTION INTERNATIONAL CO., LTD-Thái lan

CÔNG TY TNHH TM & KTNN HƯƠNG GIANG

TT	Tên thuốc, nguyên liệu	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Quy cách đóng gói	Công dụng	Số đăng ký	Mã HS
166.	Combax L	<i>Bacillus subtilis,</i> <i>B.licheniformis,</i> <i>B.pumilus</i>	Chai	500ml, 1lít	Giúp tôm hấp thụ triệt để dưỡng chất trong thức ăn. Giúp giảm lượng chất thải trong ao. Kích thích tôm ăn nhiều, tăng trọng nhanh	THA.TS3-6	30023000

KT BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



VŨ VĂN TÁM